



Count on it.

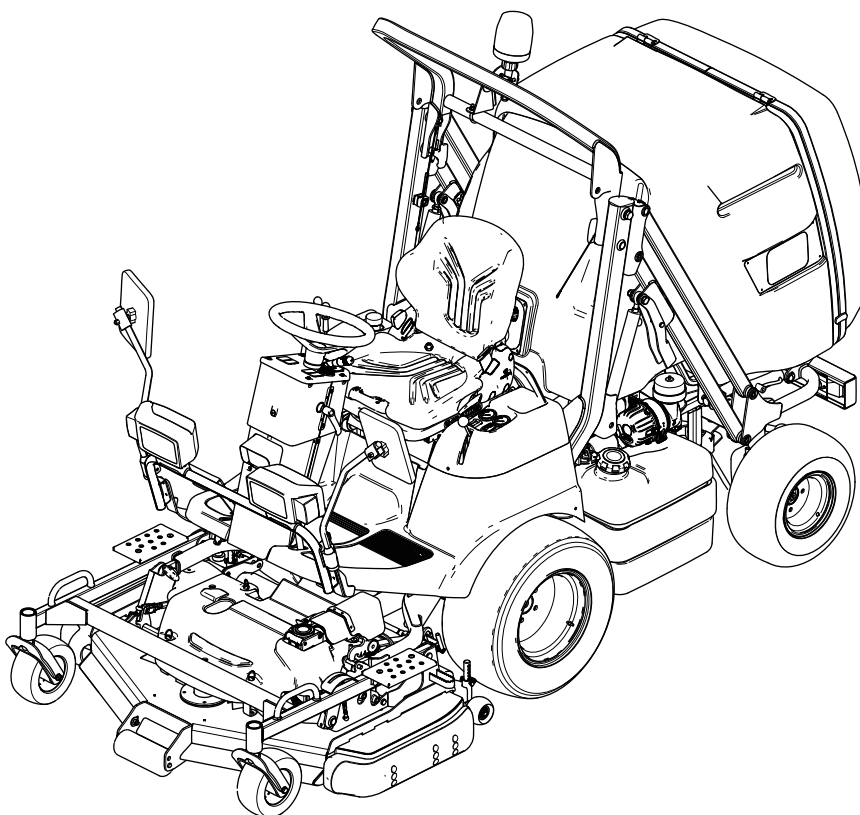
Form No. 3480-347 Rev A

Hướng dẫn sử dụng cho Người vận hành

Máy cắt cỏ Xoay ProLine H800

Số Model 31050TE—Số Sê-ri 324000229 trở lên

Số Model 31051—Số Sê-ri 324000133 trở lên



Sản phẩm này tuân thủ tất cả các chỉ thị liên quan của Châu Âu; để biết thông tin chi tiết, vui lòng xem tờ Tuyên bố Tuân thủ (DOC) dành riêng cho sản phẩm.

Việc sử dụng hoặc vận hành máy này trên bất kỳ vùng đất có rừng cây, bụi rậm hoặc cỏ bao phủ nào là hành vi vi phạm Mục 4442 hoặc 4443 của Bộ luật Tài nguyên Công California, nếu máy không được trang bị bộ ngăn tia lửa, theo định nghĩa ở Mục 4442, được duy trì trong trạng thái hoạt động hiệu quả hoặc máy không được chế tạo, trang bị và bảo trì giúp phòng ngừa hỏa hoạn.

Hướng dẫn sử dụng máy đính kèm cung cấp thông tin liên quan đến Cơ quan Bảo vệ Môi trường (EPA) của Hoa Kỳ và Quy định Kiểm soát Khí thải của California về các hệ thống khí thải, bảo trì và bảo hành. Bạn có thể đặt hàng các phụ tùng thay thế từ nhà sản xuất máy.

⚠ CẢNH BÁO

CALIFORNIA

Cảnh báo theo Dự luật 65

Khí thải từ động cơ diesel và một số thành phần của khí thải đó được Tiểu bang California xem là nguyên nhân gây ung thư, dị tật bẩm sinh và gây hại cho hệ sinh sản.

Cọc bình ắc quy, thiết bị đầu cuối và phụ kiện liên quan đến ắc quy có chứa chì và các hợp chất của chì, các hóa chất được Tiểu bang California xem là nguyên nhân gây ra ung thư và gây hại cho hệ sinh sản. Rửa tay sau khi xử lý.

Việc sử dụng sản phẩm này có thể dẫn đến tình trạng phơi nhiễm với hóa chất được Tiểu bang California xem là nguyên nhân gây ung thư, dị tật bẩm sinh hoặc gây hại cho hệ sinh sản.

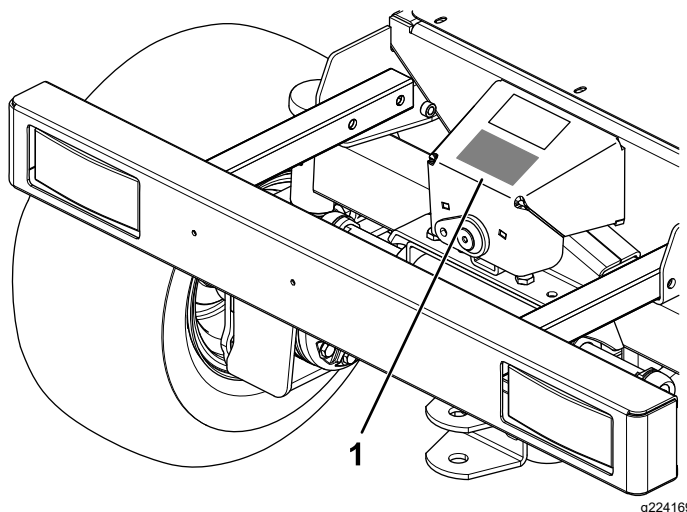
Giới thiệu

Đây là máy cắt cỏ ngồi lái, có lưỡi cắt xoay, được thiết kế để các nhân viên vận hành chuyên nghiệp sử dụng trong các ứng dụng thương mại. Máy chủ yếu được thiết kế để cắt cỏ trên những bãi cỏ được bảo dưỡng tốt trong các công viên, sân golf, sân thể thao, dọc đường và trên các khu đất thương mại. Máy không được thiết kế cho chổi cắt cỏ hoặc sử dụng trong nông nghiệp.

Vui lòng đọc kỹ thông tin này để hiểu cách vận hành và bảo trì sản phẩm đúng cách, cũng như để tránh gây thương tích và làm hư hỏng sản phẩm. Bạn là người chịu trách nhiệm vận hành sản phẩm đúng cách và an toàn.

Hãy truy cập www.Toro.com để xem các tài liệu về an toàn sản phẩm và đào tạo vận hành, thông tin về phụ kiện, trợ giúp tìm đại lý hoặc đăng ký sản phẩm của bạn.

Bất cứ khi nào bạn cần dịch vụ, phụ tùng Toro chính hãng hoặc thêm thông tin bổ sung, vui lòng chuẩn bị sẵn mẫu máy, số sê-ri của sản phẩm và liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc Dịch vụ Khách hàng của Toro. **Hình 1** xác định vị trí ghi thông tin về mẫu máy và số sê-ri trên sản phẩm. Hãy viết các số vào khoảng trống cho sẵn.



Hình 1

1. Vị trí mẫu máy và số sê-ri

Số Model _____

Số Sê-ri _____

Hướng dẫn sử dụng này xác định các nguy cơ tiềm ẩn và có chứa các thông báo an toàn được xác định bằng ký hiệu cảnh báo an toàn (**Hình 2**), báo hiệu nguy cơ có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc gây tử vong nếu bạn không tuân theo các biện pháp phòng ngừa được khuyến cáo.



Hình 2

Ký hiệu cảnh báo an toàn

Hướng dẫn sử dụng này sử dụng 2 từ để nêu bật thông tin. **Các chú ý quan trọng** về thông tin cơ học đặc biệt và **Lưu ý** đều nhấn mạnh thông tin chung mà bạn cần đặc biệt lưu tâm.

Nội dung

An toàn	5
Thông tin tổng quát về mức độ an toàn.....	5
Đề can An toàn và Hướng dẫn	6
Thiết lập	12
1 Sạc Ấc quy.....	12
2 Kiểm tra Mức Chất lỏng	12
3 Kiểm tra Áp suất Khí trong Lốp xe.....	12
4 Gắn Mâm cắt của Máy cắt cỏ	13
Tổng quan về Sản phẩm	14
Điều khiển	16
Thông số kỹ thuật	21
Bộ gá/Phụ kiện	22
Trước khi Vận hành	23
An toàn Trước khi Vận hành	23
Thực hiện Bảo trì Hàng ngày	24
Kiểm tra Áp suất Khí trong Lốp xe	24
Kiểm tra Hệ thống Khóa liên động An toàn.....	24
Đổ thêm Nhiên liệu	26
Điều chỉnh Hệ thống Chống Lật (ROPS).....	27
Điều chỉnh Cột Lái Nghiêng	28
Định vị Ghế.....	28
Điều chỉnh Hệ thống Treo Ghế	29
Nghiêng Tựa lưng Ghế	29
Điều chỉnh hỗ trợ thắt lưng ghế	29
Nghiêng Ghế Về phía trước.....	29
Trong khi Vận hành	30
An toàn Trong Vận hành	30
Khởi động Động cơ.....	32
Tắt Động cơ.....	33
Bật Phanh Đỗ	33
Tắt Phanh Đỗ	33
Vận hành Thùng chứa	33
Dọn sạch Máng Cỏ	35
Điều chỉnh Cảm biến Thùng chứa	35
Căn chỉnh Độ cao mặt cắt.....	36
Điều chỉnh thanh trượt.....	36
Điều chỉnh con lăn chống cắt gọn phía trước.....	36
Điều chỉnh con lăn chống cắt gọn phía sau.....	37
Đặt lại Chức năng PTO	37
Lời khuyên về Vận hành	38
Sau khi Vận hành	38
Thông báo tổng quát về vấn đề an toàn.....	38
Đẩy hoặc Kéo Máy	38
Vận chuyển Máy.....	39
Kích Phía trước, Bên phải và Phía trước, Bên trái của Máy	40
Kích Phía sau của Máy	41
Bảo trì	42
(Các) Lịch trình Bảo trì Khuyến nghị	42
Danh sách Kiểm tra Bảo trì Hàng ngày.....	44

Quy trình Trước Bảo trì	46
An toàn Bảo trì.....	46
Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên.....	46
Bôi trơn	47
Bôi mỡ Mâm cắt Máy cắt cỏ	47
Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót	48
Bôi trơn Khớp nối chữ U của Trục truyền động.....	51
Bôi trơn Khớp Trượt của Trục truyền động.....	52
Bảo trì Động cơ	52
An toàn Động cơ.....	52
Tiếp cận Động cơ	52
Bảo dưỡng Bộ lọc Khí.....	54
Bảo dưỡng Dầu Động cơ.....	55
Bảo trì Hệ thống Nhiên liệu	57
Mồi hệ thống nhiên liệu	57
Xả bơm phun nhiên liệu	57
Xả nước từ bình tách nhiên liệu/nước	57
Thay bộ lọc của bình tách nhiên liệu/nước.....	59
Thay Lõi Lọc Nhiên liệu.....	60
Làm sạch Bình Nhiên liệu	60
Kiểm tra Đường dẫn Nhiên liệu và Kết nối.....	60
Bảo trì Hệ thống Điện	61
Hệ thống Điện An toàn.....	61
Tiếp cận Ấc quy	61
Bảo dưỡng Ấc quy.....	61
Bảo dưỡng Cầu chì	63
Bảo dưỡng Bộ dây An toàn.....	64
Bảo trì Hệ thống Truyền động	65
Tạo mô-men xoắn cho Đai ốc Vấu ở Bánh xe.....	65
Bảo trì Căn chỉnh Bánh Sau	65
Điều chỉnh Điểm dừng Lái.....	65
Bảo trì Hệ thống Làm mát	66
An toàn Hệ thống Làm mát.....	66
Thông số kỹ thuật của Chất làm mát.....	66
Kiểm tra Hệ thống Làm mát và Mức Chất làm mát.....	66
Kiểm tra Mảnh vụn ở Màn Bộ tản nhiệt và Bộ tản nhiệt.....	67
Làm sạch Màn Bộ tản nhiệt và Bộ tản nhiệt.....	67
Bảo trì Phanh	67
Điều chỉnh Phanh sửa chữa	67
Bảo trì Đai	68
Kiểm tra Tình trạng của Dây đai Máy dao điện.....	68
Căng Dây đai Máy dao điện	68
Bảo dưỡng Dây đai PTO.....	69
Bảo trì Hệ thống Điều khiển	71
Điều chỉnh Khe hở Ly hợp PTO	71
Điều chỉnh Bàn đạp Kéo	71
Bảo trì Hệ thống Thủy lực	72
An toàn Hệ thống Thủy lực.....	72

An toàn

Thông tin tổng quát về mức độ an toàn

Sản phẩm này có thể cắt cụt tay, chân và là sản phẩm dễ bị xê dịch. Vui lòng luôn làm theo tất cả các hướng dẫn an toàn để tránh gây chấn thương cá nhân nghiêm trọng.

- Đọc và hiểu nội dung của *Hướng dẫn Vận hành* này trước khi khởi động động cơ.
- Bạn cần tập trung cao độ khi vận hành máy. Tránh bị phân tâm vào bất kỳ hoạt động nào khác; nếu không, bạn có thể gây chấn thương cho bản thân hoặc gây thiệt hại về tài sản.
- Không vận hành máy khi tất cả các bộ phận bảo vệ và các thiết bị bảo vệ an toàn khác không ở đúng vị trí và không hoạt động bình thường trên máy.
- Không để tay và chân của bạn gần các bộ phận đang xoay. Giữ cho cửa xả được thông thoáng.
- Không để những người xung quanh và trẻ em lại gần khu vực vận hành. Không bao giờ cho phép trẻ em vận hành máy.
- Tắt động cơ, rút chìa khóa, và chờ máy dừng tất cả mọi chuyển động trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành. Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.

Việc sử dụng hoặc bảo trì máy không đúng cách có thể dẫn đến chấn thương. Để giảm nguy cơ chấn thương, hãy tuân thủ hướng dẫn an toàn này và luôn chú ý đến ký hiệu cảnh báo an toàn , cụ thể là Thận trọng, Cảnh báo hoặc Nguy hiểm - hướng dẫn an toàn cá nhân. Việc không tuân thủ hướng dẫn này có thể dẫn đến thương tích cá nhân hoặc tử vong.

Thông số kỹ thuật của Chất lỏng Thủy lực.....	72
Bảo dưỡng Hệ thống Thủy lực.....	73
Bảo trì Mâm cắt Máy cắt cỏ	75
Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí bảo trì.....	75
Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí cắt cỏ.....	75
Bảo dưỡng Lưỡi dao	75
Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ	79
Kết nối Trục truyền động với Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ	79
Tháo Mâm cắt của xe.....	79
Lắp Mâm cắt Máy cắt cỏ	80
Tháo Vỏ Dây đai	81
Lắp Vỏ Dây đai	81
Tháo Nắp Ròng rọc	82
Lắp Nắp Ròng rọc.....	82
Thay Dầu trong Hộp số của Mâm cắt Máy cắt cỏ	82
Điều chỉnh Mâm cắt Máy cắt cỏ.....	83
Kiểm tra độ căng dây đai mâm cắt máy cắt cỏ.....	87
Thay Dây đai Mâm cắt Máy cắt cỏ	87
Chuyển đổi các thanh trượt.....	88
Bảo dưỡng Thùng chứa	89
Cẩn chỉnh Thùng chứa theo Vòng bít của Máng.....	89
Vệ sinh	90
Làm sạch Bên dưới Vỏ Dây đai của Mâm cắt Máy cắt cỏ.....	90
Làm sạch bên dưới mâm cắt máy cắt cỏ.....	90
Làm sạch Màng Thùng chứa	90
Làm sạch các khe phía sau trên cửa thùng chứa.....	91
Thải bỏ Chất thải	91
Cất giữ	92
An toàn Cất giữ.....	92
Cất giữ Ấc quy	92
Chuẩn bị Máy	92
Chuẩn bị Động cơ.....	92
Xử lý sự cố	93

Đề can An toàn và Hướng dẫn



Người vận hành có thể dễ dàng nhìn thấy các nhãn mác và hướng dẫn an toàn được đặt gần bất kỳ khu vực tiềm ẩn nguy hiểm nào. Hãy thay thế bất kỳ nhãn mác nào bị hỏng hoặc bị thiếu.



Ký hiệuẮc quy

Một số hoặc tất cả các ký hiệu này nằm trên ắc quy của bạn.

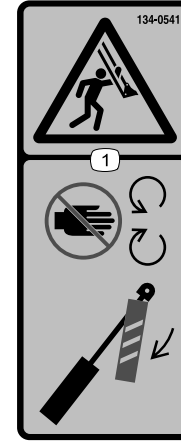
- | | |
|--|---|
| 1. Nguy cơ nổ | 6. Không để những người xung quanh lại gần ắc quy. |
| 2. Cấm lửa, lửa trần hoặc hút thuốc | 7. Đeo thiết bị bảo vệ mắt; khí nổ có thể gây mù mắt và gây thương tích khác. |
| 3. Nguy cơ bỏng do chất lỏng ăn da/bỏng hóa chất | 8. Axit trong ắc quy có thể gây mù mắt hoặc bỏng nghiêm trọng. |
| 4. Đeo thiết bị bảo vệ mắt. | 9. Rửa mắt ngay bằng nước và nhanh chóng gọi hỗ trợ y tế. |
| 5. Đọc <i>Hướng dẫn Vận hành</i> . | 10. Chứa chì; không vứt vào thùng rác |



117-3276

decal117-3276

- | | |
|---|---|
| 1. Chất làm mát động cơ chịu áp | 3. Cảnh báo — không chạm vào bề mặt nóng. |
| 2. Nguy cơ nổ — đọc <i>Hướng dẫn Vận hành</i> . | 4. Cảnh báo — hãy đọc <i>Hướng dẫn Vận hành</i> . |



134-0541

decal134-0541

1. Nguy cơ bị vướng mắc cánh tay—tránh xa các bộ phận đang chuyển động; siết chặt xilanh nâng bằng thiết bị khóa trước khi vào khu vực nguy hiểm.



134-0542

decal134-0542

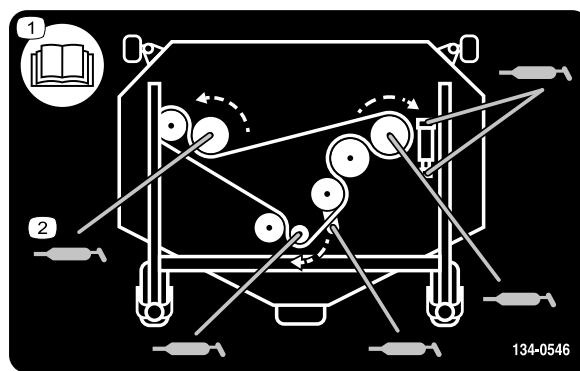
1. Cảnh báo—hãy đọc *Hướng dẫn Vận hành*; không có chống lật qua khi thanh lăn hạ xuống; giữ thanh lăn ở vị trí nâng lên và khóa lại cung như đeo thắt dây đai an toàn; chỉ hạ thanh lăn xuống khi thật cần thiết và không đeo thắt dây đai an toàn khi thanh lăn hạ xuống; giảm tốc độ máy trước khi rẽ.



134-0543

decal134-0543

1. Hạ/đỡ nổi bàn
2. Vị trí duy trì bàn
3. Nâng bàn
4. Hạ thùng chứa
5. Nâng thùng chứa
6. Đóng thùng chứa
7. Đổ thùng chứa
8. Nguy cơ bị nghiền nát toàn thân từ phía trên—đảm bảo không có người xung quanh ở gần trước khi hạ thùng chứa.
9. Nguy cơ bị nghiêng lật—không lái xe trên dốc khi nâng thùng chứa; giảm tốc độ máy khi lái xe có thùng chứa nâng lên.



134-0546

decal134-0546

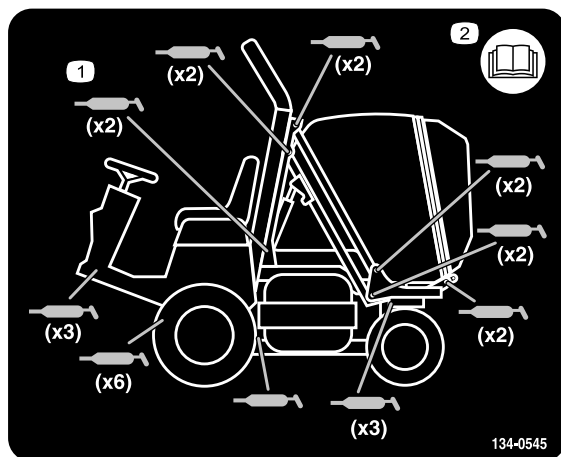
1. Đọc Hướng dẫn Vận hành.
2. Núm bôi mỡ



134-0547

decal134-0547

1. Phanh



134-0545

decal134-0545

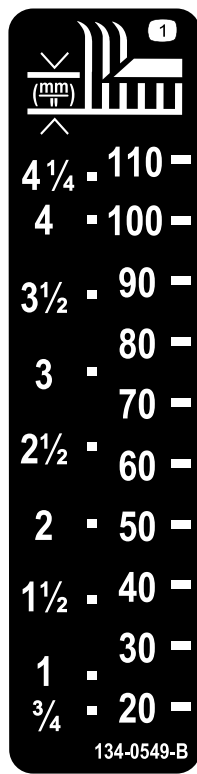
1. Núm bôi mỡ
2. Đọc Hướng dẫn Vận hành.



134-0548

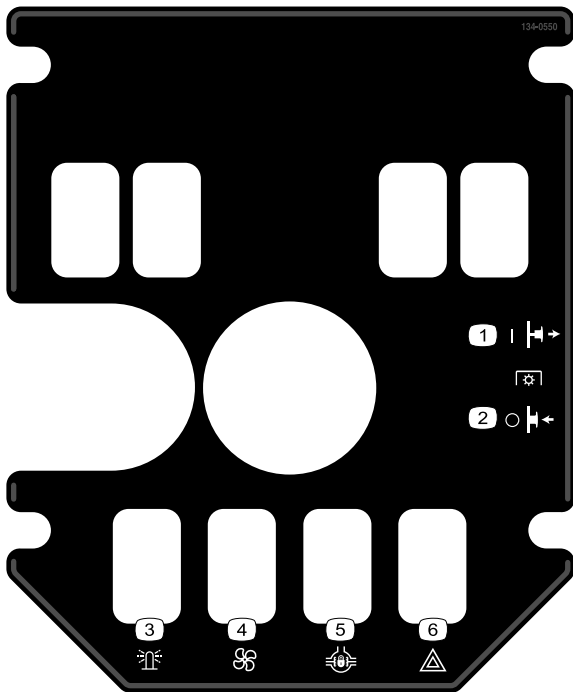
decal134-0548

1. Phanh tayPhanh đỗ



134-0549

1. Độ cao cắt



134-0550

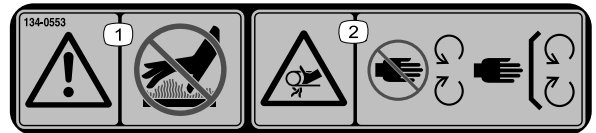
1. PTO—Bật
2. PTO—Tắt
3. Đèn hiệu
4. Quạt tản nhiệt
5. Khóa vi sai
6. Đèn cảnh báo nguy hiểm



134-0552

decal134-0552

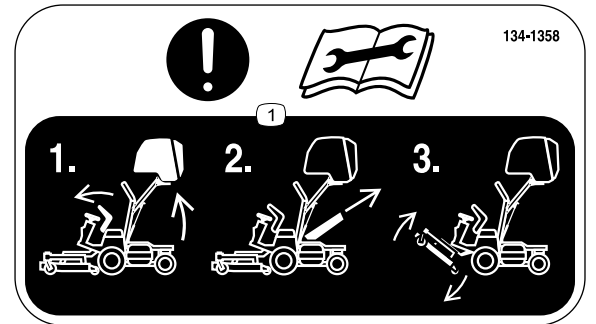
1. Nhanh
2. Chậm



134-0553

decal134-0553

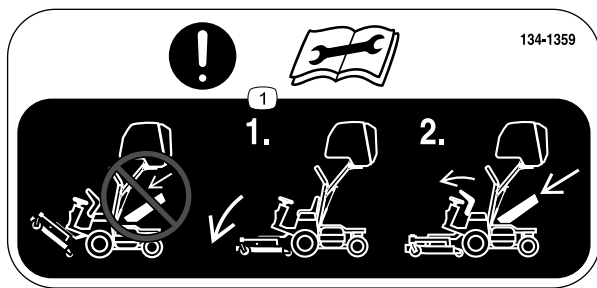
1. Cảnh báo — không chạm vào bề mặt nóng.
2. Tránh xa các bộ phận chuyển động; giữ tất cả lớp bảo vệ và tấm chắn đúng vị trí.



134-1358

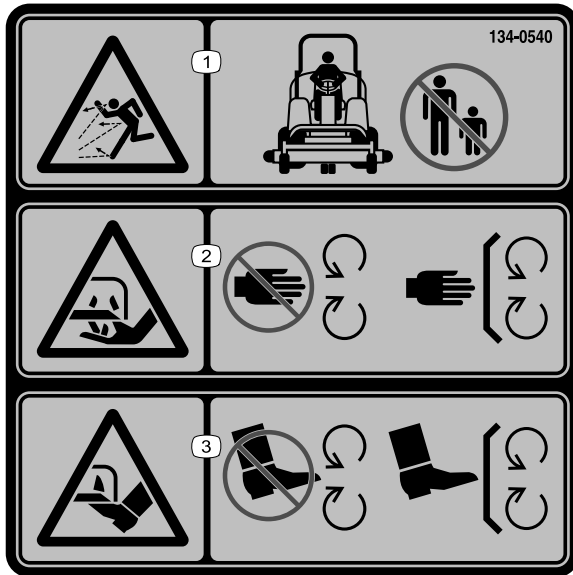
decal134-1358

1. Lưu ý—đọc *Hướng dẫn Vận hành* trước khi thực hiện bảo trì; với mâm cắt của máy cắt cỏ hạ, nâng thùng chứa, tháo máng cỏ, và nâng mâm cắt.



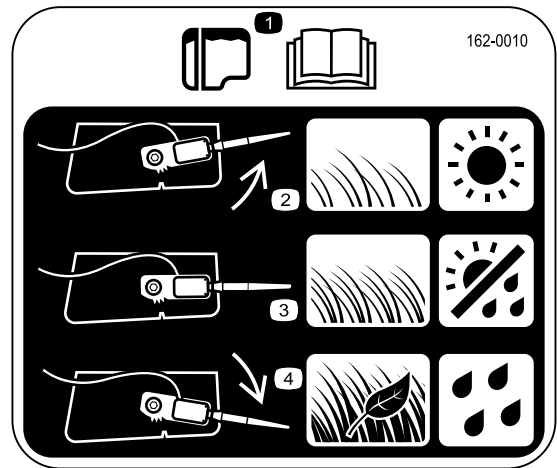
134-1359

1. Chú ý—hãy đọc *Hướng dẫn Vận hành* trước khi tiến hành bảo trì; không lắp máng cỏ trong khi bàn được nâng lên hoặc ở vị trí bảo trì.



134-0540

1. Nguy cơ đồ vật bị văng ra
– Không để những người xung quanh lại gần.
2. Nguy cơ bị cắt/chặt tay, lưỡi dao của máy cắt cỏ
– tránh xa các bộ phận đang chuyển động; giữ tất cả các bộ phận bảo vệ và tắt máy ở đúng vị trí.
3. Nguy cơ bị cắt/chặt chân, lưỡi dao của máy cắt cỏ
– tránh xa các bộ phận đang chuyển động; giữ tất cả các bộ phận bảo vệ và tắt máy ở đúng vị trí.



162-0010

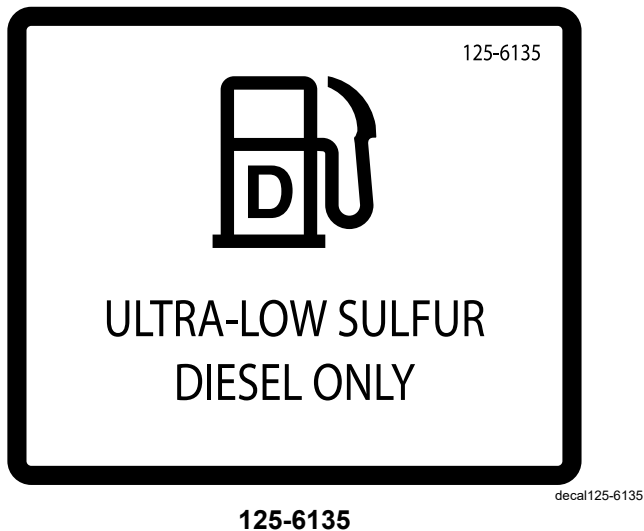
1. Đọc *Hướng dẫn Vận hành* để biết thông tin về thùng chứa.
2. Đặt cảm biến thùng chứa lên trên khi lớp cỏ mỏng hoặc điều kiện khô ráo.
3. Đặt cảm biến thùng chứa ở giữa khi cỏ và điều kiện thời tiết bình thường.
4. Đặt cảm biến thùng chứa xuống dưới khi lớp cỏ dày, có lá hoặc điều kiện ẩm ướt.

Gắn đối với máy không phải CE

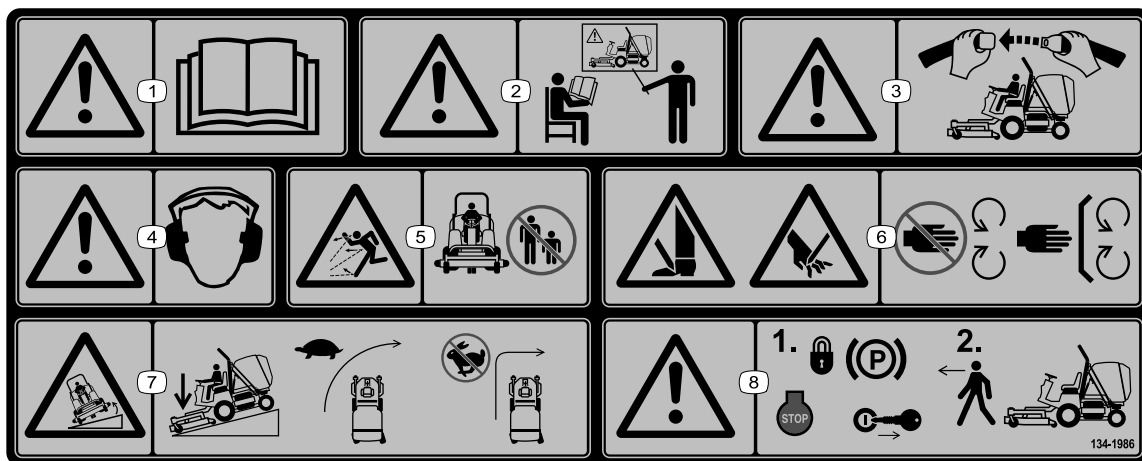
WARNING: Cancer and Reproductive Harm - www.P65Warnings.ca.gov.
For more information, please visit www.ttcoCAProp65.com
CALIFORNIA SPARK ARRESTER WARNING
Operation of this equipment may create sparks that can start fires around dry vegetation. A spark arrester may be required. The operator should contact local fire agencies for laws or regulations relating to fire prevention requirements.

133-8062

Gắn đối với máy không phải CE



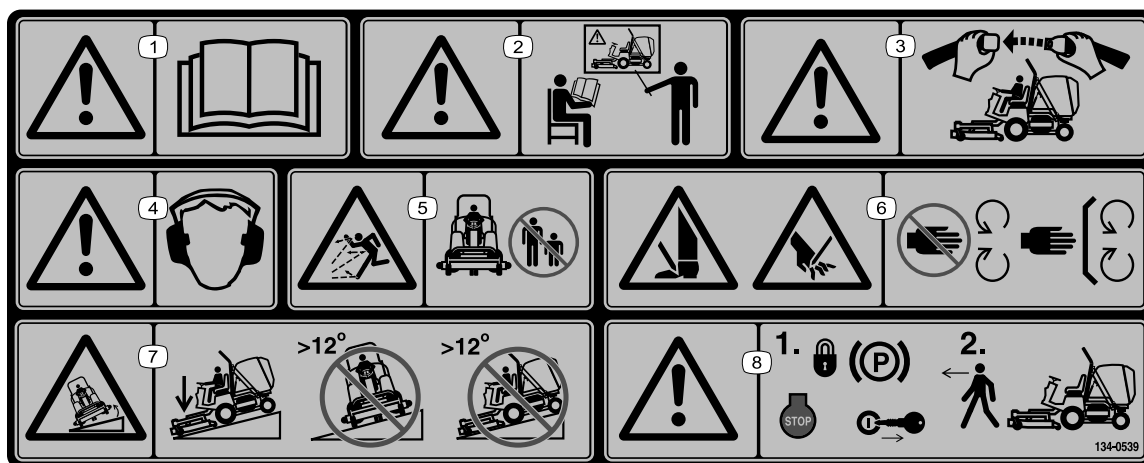
Gắn trên Bộ phận số 134-0539 đối với máy không phải CE



134-1986

decal134-1986

1. Cảnh báo – đọc *Hướng dẫn Vận hành*.
2. Cảnh báo—Cần phải đào tạo tất cả các nhân viên vận hành trước khi vận hành máy.
3. Cảnh báo—luôn đeo thắt dây đai an toàn khi vận hành máy.
4. Cảnh báo — đeo thiết bị bảo vệ thính giác.
5. Nguy cơ đồ vật bị văng ra — Không để những người xung quanh lại gần.
6. Nguy cơ bị cắt/chặt tay hoặc chân – tránh xa các bộ phận đang chuyển động; giữ tất cả các bộ phận bảo vệ và tám chân ở đúng vị trí.
7. Nguy cơ bị nghiêng lật—hạ các dao cắt khi di chuyển xuống dốc; lái xe chậm khi quay đầu; không quay đầu gấp khi đang di chuyển nhanh.
8. Cảnh báo — gài/bật phanh tayphanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa trước khi rời khỏi máy.



decal134-0539

134-0539

Lưu ý: Máy này tuân thủ thử nghiệm độ ổn định tiêu chuẩn của ngành trong các thử nghiệm tĩnh bên và dọc với độ dốc tối đa khuyến nghị được ghi trên nhãn mác. Xem lại hướng dẫn vận hành máy trên dốc trong *Hướng dẫn Vận hành* cũng như các điều kiện mà bạn sẽ vận hành máy nhằm xác định xem bạn có thể vận hành máy trong điều kiện vào ngày hôm đó và tại địa điểm đó hay không. Việc thay đổi về địa hình có thể dẫn đến thay đổi hoạt động của máy trên dốc.

1. Cảnh báo — hãy đọc *Hướng dẫn Vận hành*.
2. Cảnh báo—Cần phải đào tạo tất cả các nhân viên vận hành trước khi vận hành máy.
3. Cảnh báo—thắt dây đai an toàn.
4. Cảnh báo — đeo thiết bị bảo vệ thính giác.
5. Nguy cơ đồ vật bị văng ra — Không để những người xung quanh lại gần.
6. Nguy cơ bị cắt/chặt tay hoặc chân — giữ tất cả các bộ phận bảo vệ và đảm bảo ở đúng vị trí.
7. Nguy cơ bị nghiêng lật—khi lái xe xuống dốc, hãy hạ bàn của máy cắt cỏ; không sử dụng trên dốc lớn hơn 12°.
8. Cảnh báo — gạt phanh tay/phanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa trước khi rời khỏi máy.

Thiết lập

Phương tiện Truyền thông và Bộ phận Bổ sung

Mô tả	Số lượng.	Sử dụng
Hướng dẫn Vận hành	1	Xem lại trước khi vận hành máy.
Hướng dẫn vận hành động cơ	1	Sử dụng để tham khảo thông tin về động cơ.
Tuyên bố Tuân thủ	1	

Lưu ý: Xác định các mặt bên trái và bên phải của máy từ vị trí vận hành bình thường.

1

Sạc Ấc quy

Không có Bộ phận nào Bắt buộc

Quy trình

1. Kết nối bộ sạc ắc quy từ 3 đến 4 A với các cọc ắc quy. Sạc ắc quy ở tốc độ từ 3 đến 4 A cho đến khi trọng lượng riêng của chất điện phân là 1,250 hoặc cao hơn và nhiệt độ của ắc quy ít nhất là 16°C (60°F), khi tắt cả các tế bào đều xả khí tự do.
2. Khi ắc quy đã được sạc, ngắt kết nối bộ sạc khỏi ổ cắm điện, sau đó ngắt kết nối bộ sạc khỏi các cọc ắc quy.

Lưu ý: Sạc không đầy đủ có thể dẫn đến hiện tượng tách khí trong ắc quy và tràn axit trong ắc quy, gây ăn mòn, hư hỏng máy.

2

Kiểm tra Mức Chất lỏng

Không có Bộ phận nào Bắt buộc

Quy trình

- Kiểm tra mức dầu động cơ trước khi khởi động động cơ; tham khảo [Kiểm tra Mức Dầu Động cơ \(trang 55\)](#).

- Kiểm tra mức chất làm mát trước khi khởi động động cơ; tham khảo [Kiểm tra Hệ thống Làm mát và Mức Chất làm mát \(trang 66\)](#).
- Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực trước khi bạn khởi động động cơ; tham khảo [Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực \(trang 73\)](#).

3

Kiểm tra Áp suất Khí trong Lốp xe

Không có Bộ phận nào Bắt buộc

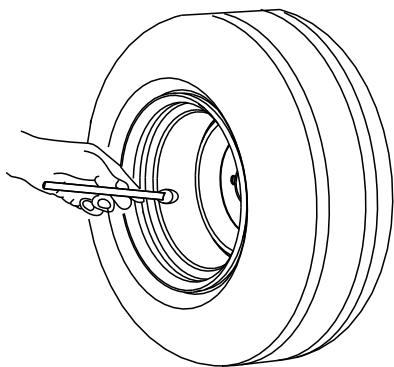
Quy trình

Thông số kỹ thuật về áp suất khí của lốp trước và sau: 140 kPa (20 psi).

Thông số kỹ thuật về áp suất khí của lốp đúc: 150 kPa (21 psi).

Kiểm tra áp suất khí ở lốp trước và sau trước khi khởi động động cơ lần đầu.

Lưu ý: Lốp xe có thể được bơm quá căng hoặc quá non để vận chuyển; do đó, bạn có thể phải điều chỉnh áp suất khí trong lốp xe.



G001055

Hình 3

g001055

4

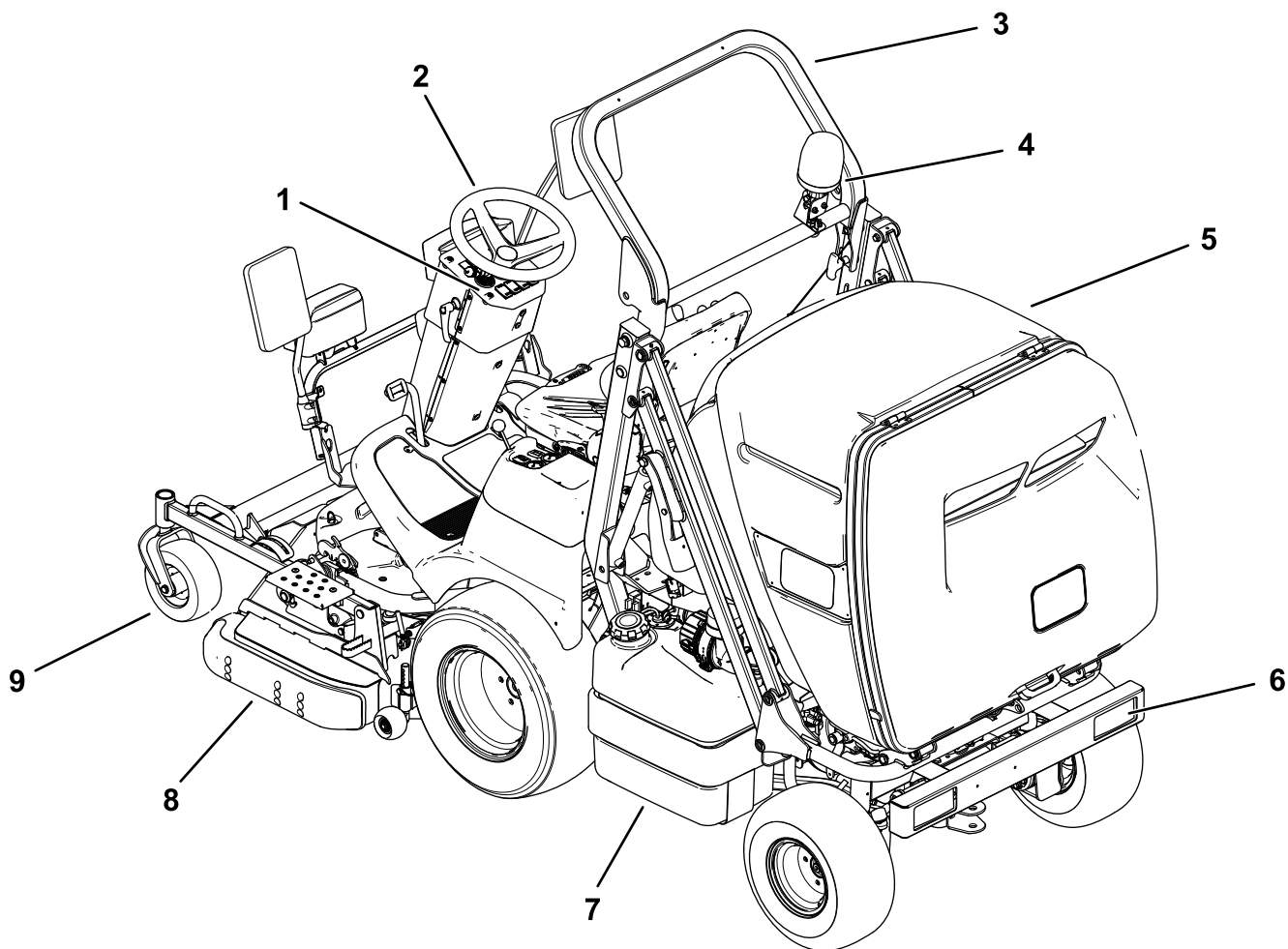
Gắn Mâm cắt của Máy cắt cỏ

Không có Bộ phận nào Bắt buộc

Quy trình

1. Tháo bộ kéo và mâm cắt của máy cắt cỏ ra khỏi tấm pallet vận chuyển.
2. Lắp mâm cắt của máy cắt cỏ vào bộ kéo; tham khảo [Lắp Mâm cắt Máy cắt cỏ \(trang 80\)](#).

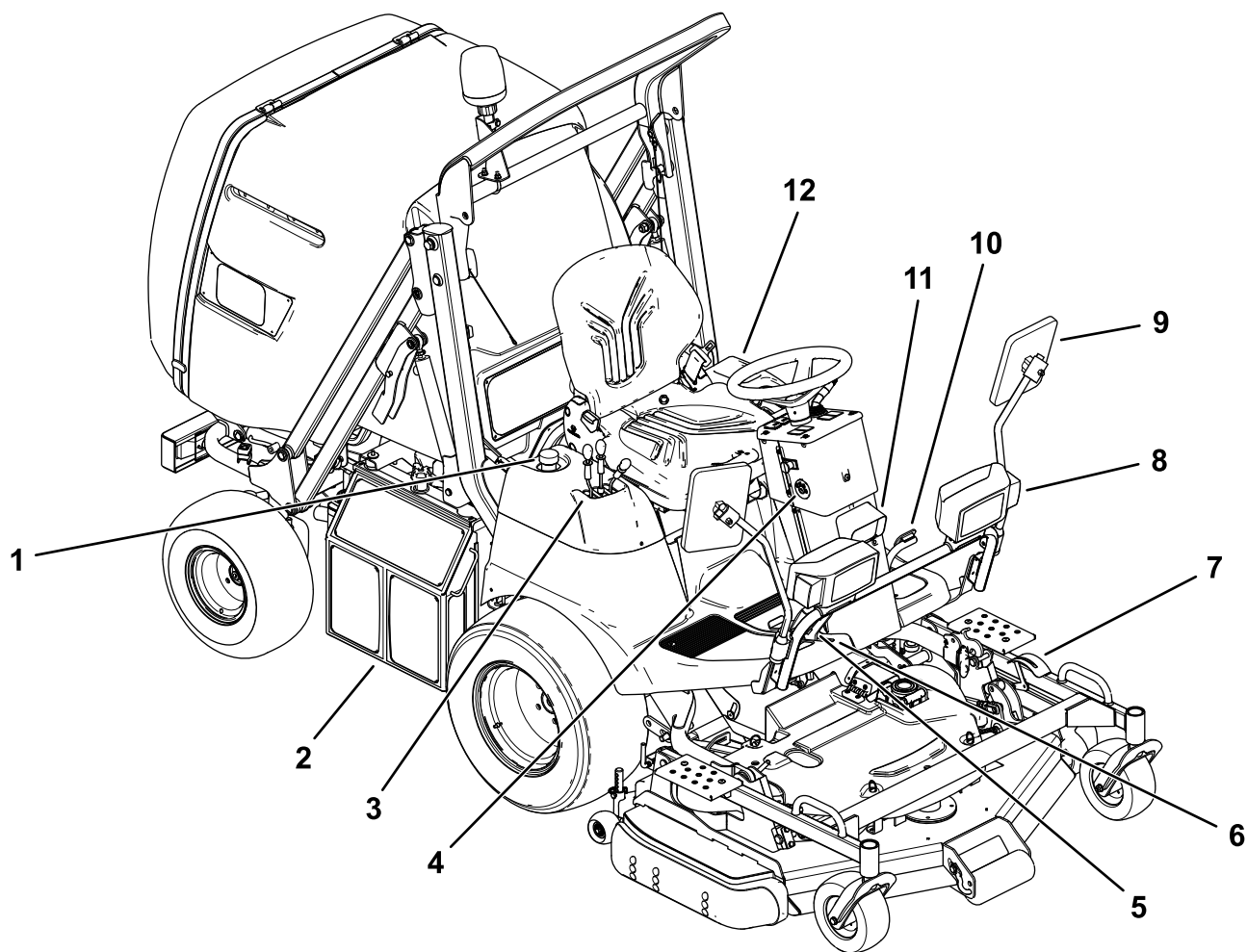
Tổng quan về Sản phẩm



g224574

Hình 4

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. Bảng điều khiển | 6. Đèn đuôi |
| 2. Tay lái | 7. Bình nhiên liệu |
| 3. Thanh lăn | 8. Thanh trượt |
| 4. Đèn hiệu quay | 9. Bánh xe đúc |
| 5. Thùng chứa | |



g224634

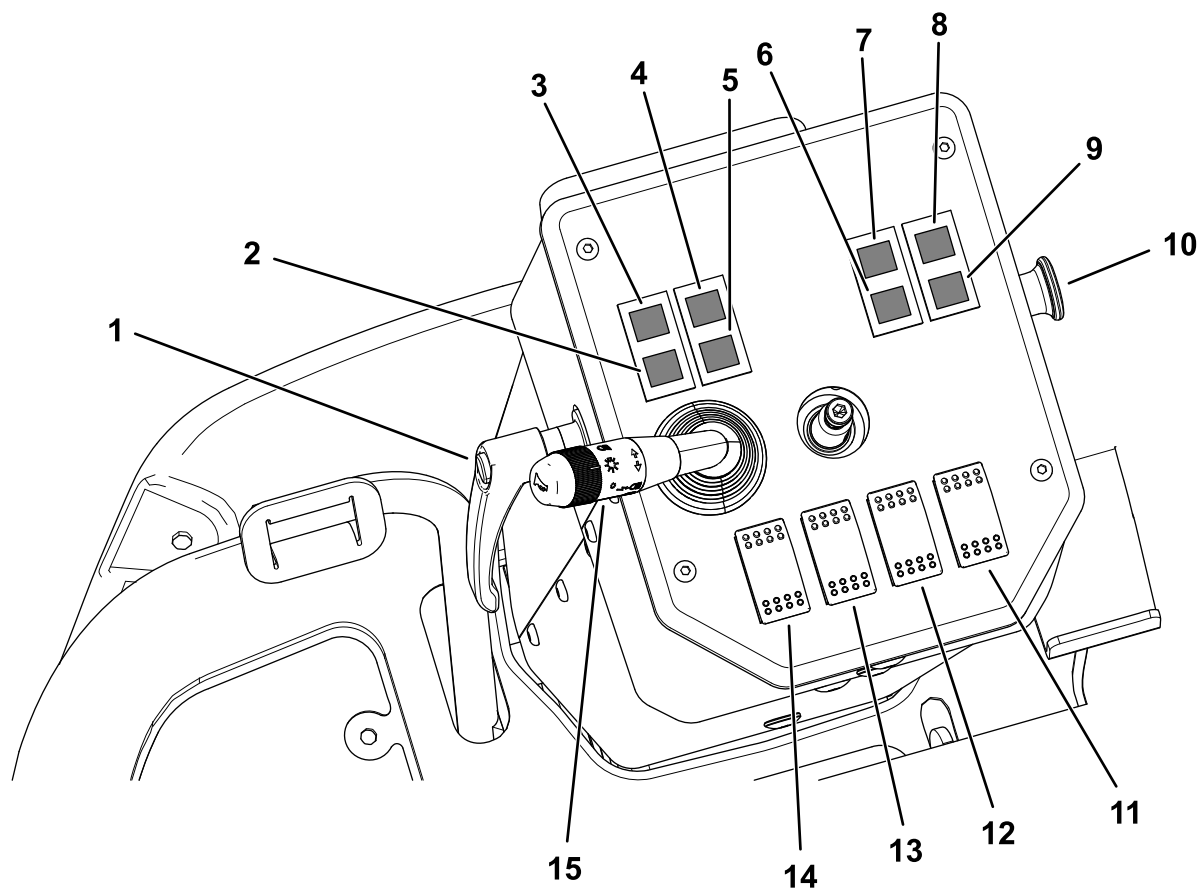
Hình 5

- | | |
|-----------------------------|---------------------------------|
| 1. Nắp bình chứa thủy lực | 7. Thiết bị đo độ cao cắt (HOC) |
| 2. Bộ tản nhiệt | 8. Đèn đường/đèn tín hiệu rẽ |
| 3. Bảng điều khiển bên phải | 9. Gương |
| 4. Công tắc chìa khóa | 10. Bàn đạp phanh |
| 5. Bàn đạp kéo | 11. Đèn làm việc |
| 6. Khóa phanh tay | 12. Bảng điều khiển bên trái |

Điều khiển

Lưu ý: Xác định các mặt bên trái và bên phải của máy từ vị trí vận hành bình thường.

Bảng điều khiển



Hình 6

g213936

- | | | | |
|--------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|--|
| 1. Cần nghiêng cột lái | 5. Chỉ báo hạn chế bộ lọc khí | 9. Chỉ số phanh đỗ | 13. Công tắc đảo chiều quạt tản nhiệt |
| 2. Chỉ số sạc ắc quy | 6. Đèn đường—Chùm sáng thấp (xanh lá) | 10. Công tắc PTO | 14. Công tắc đèn hiệu |
| 3. Chỉ số bugi đốt nóng | 7. Đèn đường—Chùm sáng cao (xanh lam) | 11. Công tắc đèn nguy hiểm | 15. Tín hiệu rẽ/đèn đường/cần đèn làm việc/nút còi |
| 4. Chỉ số cảnh báo áp suất dầu | 8. Chỉ báo thùng chứa nâng | 12. Công tắc khóa vi sai | |

Cần nghiêng cột lái

Xoay cần nghiêng cột lái (Hình 6) ngược chiều kim đồng hồ để nhả cột lái và di chuyển đến vị trí mong muốn.

Xoay cần theo chiều kim đồng hồ để cố định vị trí mong muốn.

Chỉ báo Sạc

Chỉ số sạc (Hình 6) phát sáng nếu hệ thống sạc điện đang hoạt động dưới phạm vi hoạt động bình thường. Kiểm tra và/hoặc sửa chữa hệ thống sạc điện.

Chỉ báo Bugi Đốt nóng

Chỉ số bugi đốt nóng (Hình 6) phát sáng màu đỏ khi bugi đốt nóng được kích hoạt.

Chỉ số Cảnh báo Áp suất Dầu

Chỉ số cảnh báo áp suất dầu (Hình 6) phát sáng nếu áp suất dầu động cơ giảm xuống dưới mức an toàn trong khi động cơ đang chạy. Nếu đèn nhấp nháy hoặc vẫn sáng, hãy dừng máy, tắt động cơ và kiểm tra mức dầu. Nếu mức dầu nằm trong phạm vi cho phép, nhưng đèn không tắt khi động cơ chạy, hãy tắt động cơ ngay lập tức và liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn để được hỗ trợ.

Kiểm tra hoạt động của đèn cảnh báo như sau:

1. Gài Bật phanh tay/phanh đỗ.
2. Xoay công tắc chìa khóa sang vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ, nhưng không khởi động động cơ.

Lưu ý: Đèn áp suất dầu phải phát sáng màu đỏ. Nếu đèn không hoạt động, bóng đèn bị cháy hoặc có trục trặc trong hệ thống cần phải sửa chữa.

Chỉ báo hạn chế bộ lọc khí

Chỉ báo hạn chế bộ lọc khí (Hình 6) phát sáng nếu bộ lọc gió cần được làm sạch hoặc thay thế; tham khảo [Bảo dưỡng Lõi lọc Bộ lọc Khí \(trang 54\)](#).

Chỉ báo đèn đường

Chỉ báo đèn đường (Hình 6) phát sáng màu xanh lá khi bật chùm sáng thấp và phát sáng màu xanh lam khi bật chùm sáng cao.

Chỉ báo thùng chứa nâng

Chỉ báo thùng chứa nâng (Hình 6) phát sáng nếu thùng chứa nâng lên khỏi vị trí thu gom cỏ.

Hạ thùng chứa để tắt chỉ báo.

Chỉ báo Phanh đỗ

Chỉ báo phanh đỗ (Hình 6) phát sáng nếu phanh đỗ được bật.

Công tắc PTO

Công tắc PTO (Hình 6) có 2 vị trí: NGOÀI (bật) và TRONG (tắt). Kéo công tắc PTO ra để bật lưỡi dao triển khai hoặc lưỡi dao của mâm cắt máy cắt cỏ. Nhấn nút để tắt hoạt động triển khai.

Lưu ý: Nếu bạn rời khỏi ghế của người vận hành trong khi công tắc PTO ở vị trí BẬT, máy sẽ tự động tắt động cơ sau 1 giây trì hoãn; tham khảo [Đặt lại Chức năng PTO \(trang 37\)](#).

Công tắc đèn nguy hiểm

Đẩy công tắc đèn nguy hiểm (Hình 6) về phía trước để bật đèn nguy hiểm.

Đẩy công tắc về phía sau để tắt đèn nguy hiểm.

Công tắc khóa vi sai

Đẩy công tắc khóa vi sai (Hình 6) về phía trước để bật khóa vi sai.

Đẩy công tắc về phía sau để tắt khóa vi sai.

Công tắc đảo chiều quạt tản nhiệt

Đẩy công tắc đảo chiều quạt (Hình 6) về phía trước để bật chu trình đảo chiều quạt cho bộ tản nhiệt.

Công tắc đèn hiệu

Đẩy công tắc đèn hiệu (Hình 6) về phía trước để bật đèn hiệu.

Đẩy công tắc về phía sau để tắt đèn hiệu.

Đèn tín hiệu rẽ và đèn đường

Xoay cần (Hình 6) về phía trước đến vị trí khe thứ nhất để bật đèn bên.

Xoay cần về phía trước đến vị trí khe thứ hai để bật đèn chùm sáng thấp. Chỉ báo đèn đường màu xanh lá sẽ phát sáng.

Đẩy cần xuống để bật đèn chùm sáng cao. Chỉ báo đèn đường màu xanh lam sẽ phát sáng.

Từ vị trí chùm sáng thấp, kéo cần lên để nháy đèn chùm sáng cao.

Xoay cần về phía sau để tắt đèn.

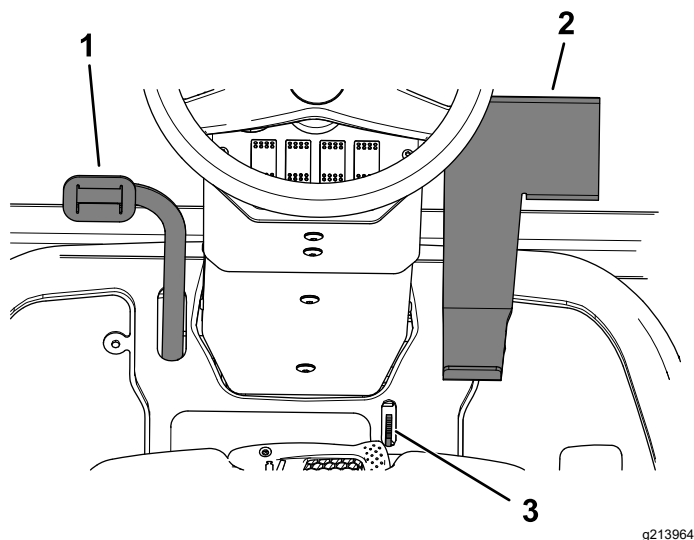
Đẩy cần về phía trước để bật tín hiệu rẽ phải. Kéo cần về phía sau để bật tín hiệu rẽ trái.

Nút còi

Đẩy nút còi vào trong để kích hoạt còi (Hình 6).

Bàn đạp Phanh

Sử dụng bàn đạp phanh (Hình 7) để dừng hoặc giảm tốc độ máy.



Hình 7

g213964

1. Bàn đạp phanh
2. Bàn đạp kéo
3. Khóa phanh tay

Bàn đạp Kéo

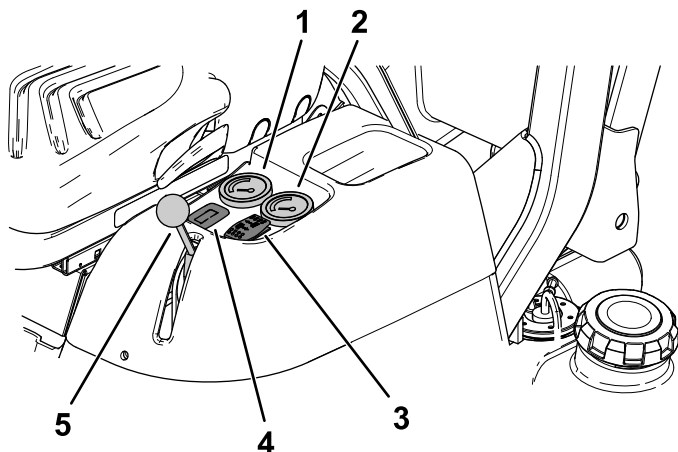
Sử dụng bàn đạp kéo (Hình 7) để di chuyển máy về phía trước hoặc phía sau. Nhấn phần trên bàn đạp để di chuyển máy về phía trước và nhấn phần dưới để di chuyển máy về phía sau. Tốc độ trên mặt đất phụ thuộc vào khoảng cách bạn nhấn bàn đạp. Để đạt tốc độ tối đa trên mặt đất, hãy di chuyển cần tiết lưu đến vị trí NHANH và nhấn hoàn toàn bàn đạp kéo. Tốc độ tiến tối đa là khoảng 14 km/h (9 mph). Để đạt được công suất tối đa khi tải nặng hoặc khi lên dốc, hãy di chuyển cần tiết lưu đến vị trí NHANH và duy trì tốc độ động cơ (vòng/phút) ở mức cao trong khi nhấn từ từ bàn đạp kéo. Khi tốc độ động cơ bắt đầu giảm, nhả nhẹ bàn đạp kéo để tốc độ động cơ tăng lên.

Khóa phanh đỗ

Trong khi nhấn bàn đạp phanh, đẩy khóa phanh đỗ (Hình 7) về phía trước để khóa phanh đỗ ở vị trí đã bật. Để tắt phanh đỗ, hãy đẩy bàn đạp phanh về phía trước. Khóa phanh đỗ sẽ tự động tắt.

Đồng hồ đo Nhiên liệu

Đồng hồ đo nhiên liệu (Hình 8) cho biết mức nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu.



g213963

Hình 8

1. Đồng hồ đo nhiên liệu
2. Đồng hồ đo nhiệt độ động cơ
3. Công tắc độ cao cắt
4. Đồng hồ đo giờ/chỉ số dịch vụ đến hạn
5. Cần tiết lưu

Đồng hồ đo nhiệt độ động cơ

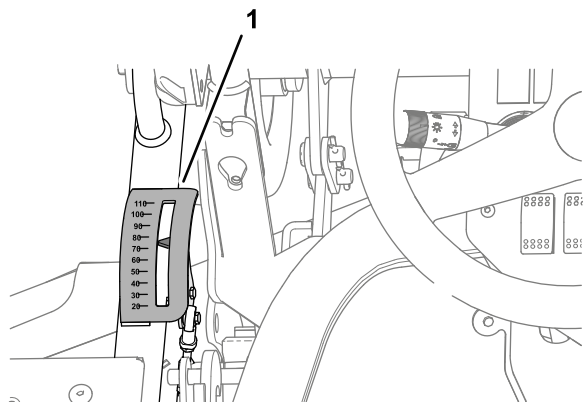
Đồng hồ đo nhiệt độ động cơ (Hình 8) cho biết nhiệt độ hiện tại của động cơ.

Công tắc Độ cao Cắt

Sử dụng công tắc độ cao cắt (Hình 8) để nâng hoặc hạ độ cao cắt mong muốn của bạn.

Thiết bị đo Độ cao Cắt

Thiết bị đo độ cao cắt (Hình 9) biểu thị độ cao cắt danh nghĩa của mâm cắt máy cắt cỏ.



g232025

Hình 9

1. Thiết bị đo độ cao cắt

Cần tiết lưu

Sử dụng cần tiết lưu (Hình 8) để điều khiển tốc độ động cơ. Di chuyển cần tiết lưu về phía trước ở vị trí NHANH để tăng tốc độ động cơ. Di chuyển cần tiết lưu về phía sau ở vị trí CHẠM để giảm tốc độ động cơ. Cần tiết lưu điều khiển tốc độ của lưỡi dao, và cùng với bàn đạp kéo, điều khiển tốc độ trên mặt đất của máy.

Đồng hồ đo Giờ/Chỉ số Dịch vụ Đến hạn

Đồng hồ đo giờ (Hình 8) ghi lại và hiển thị số giờ hoạt động tích lũy của động cơ.

Chỉ số dịch vụ đến hạn hiển thị số giờ cho đến lần thay dầu động cơ và bộ lọc tiếp theo.

Lưu ý: Chỉ số sẽ tự động nhấp nháy với chữ “THAY DẦU” khi bạn cần thay dầu động cơ và bộ lọc.

Chỉ số dịch vụ đến hạn cũng hiển thị số giờ cho đến khi bạn cần bôi mỡ cho máy.

Lưu ý: Chỉ số sẽ tự động nhấp nháy với chữ “BÔI TRƠN” khi bạn cần bôi trơn máy.

Nhấn nút BẬT đồng hồ đo giờ/chỉ số dịch vụ đến hạn để chọn chức năng trên màn hình.

Quan trọng: Trong 50 giờ đầu tiên khi ở chế độ thay dầu, hãy cẩn thận để không vô tình giữ nút của đồng hồ đo giờ lâu hơn 6 giây. Giữ nút lâu hơn 6 giây sẽ cài đặt khoảng cách thời gian bảo dưỡng dầu từ 50 giờ đến 250 giờ.

Sau khi thay dầu động cơ và bộ lọc hoặc bôi trơn máy và mâm cắt máy cắt cỏ, hãy thực hiện như sau:

1. Nhấn nút cho đến khi bạn truy cập màn hình mong muốn.
2. Nhấn và giữ nút trong 6 giây cho đến khi chỉ số ngừng nhấp nháy.

Lưu ý: Bạn không thể đặt lại tổng số giờ làm việc của máy.

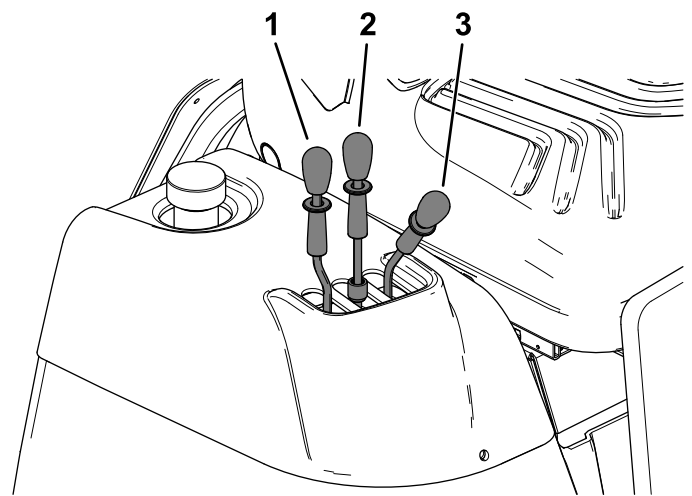
Cần nâng mâm cắt

Kéo vòng đai khóa trên cần nâng mâm cắt (Hình 10) lên và di chuyển cần về phía sau để nâng mâm cắt máy cắt cỏ.

Kéo vòng đai khóa trên cần nâng mâm cắt (Hình 10) lên và di chuyển cần về phía trước để hạ mâm cắt và cho phép di chuyển nổi.

Quan trọng: Để tránh làm hỏng hệ thống nâng mâm cắt, hãy đặt cần nâng mâm cắt về phía trước (PHẠO NÓI) bất cứ khi nào bạn lái máy với mâm cắt trên mặt đất.

Lưu ý: Hạ mâm cắt và thùng chứa bất cứ khi nào bạn không sử dụng máy.



Hình 10

1. Cần đổ thùng chứa
2. Cần nâng thùng chứa
3. Cần nâng mâm cắt

Cần Nâng Thùng chứa

Kéo vòng đai khóa trên cần nâng thùng chứa (Hình 10) lên và di chuyển cần về phía sau để nâng thùng chứa.

Kéo vòng đai khóa trên cần nâng thùng chứa lên và di chuyển cần về phía trước để hạ thùng chứa.

Cần Đổ Thùng chứa

Kéo vòng đai khóa trên cần đổ thùng chứa (Hình 10) lên và di chuyển cần về phía sau để đổ cỏ xén ra khỏi thùng chứa.

Kéo vòng đai khóa trên cần đổ thùng chứa lên và di chuyển cần về phía trước để đóng thùng chứa sau khi đổ.

Công tắc Chìa khóa

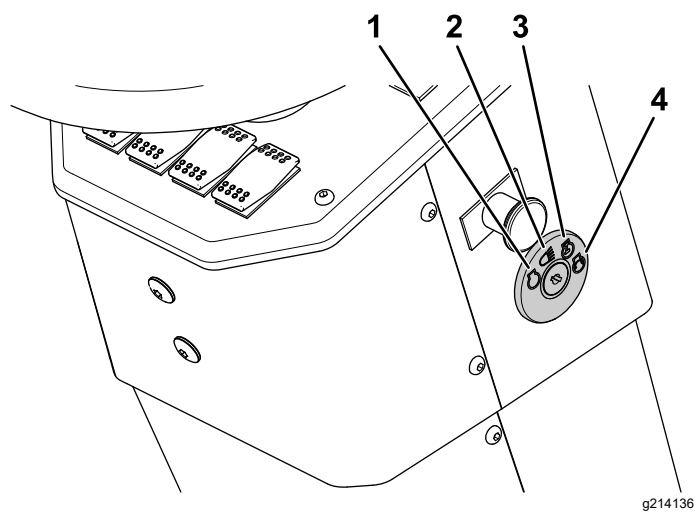
Công tắc chìa khóa có 4 vị trí: TẮT, BẬT ĐÈN, BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ, và KHỞI ĐỘNG.

Lưu ý: Vị trí BẬT ĐÈN điều khiển đèn làm việc.

Khi bạn xoay công tắc chìa khóa từ vị trí TẮT sang vị trí BẬT ĐÈN, đèn làm việc sẽ phát sáng.

Khi bạn xoay công tắc chìa khóa từ vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ sang vị trí BẬT ĐÈN, động cơ tiếp tục chạy và đèn sẽ phát sáng.

Lưu ý: Nếu động cơ ngừng chạy và công tắc chìa khóa ở vị trí BẬT ĐÈN hoặc BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ, và bạn rời khỏi ghế của người vận hành, sau một khoảng thời gian ngắn, còi sẽ phát âm thanh để cảnh báo bạn xoay chìa khóa về vị trí TẮT.

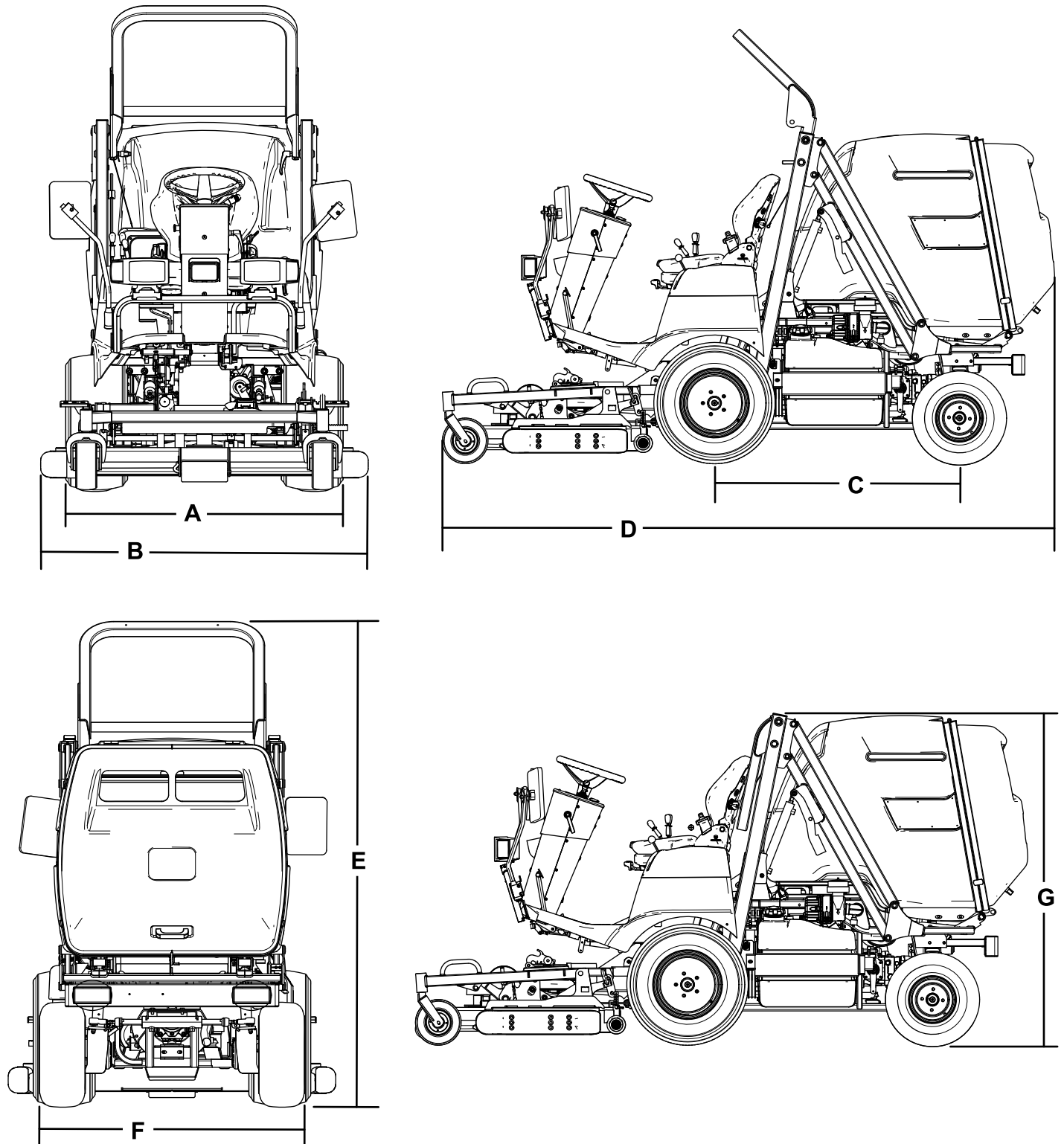


Hình 11

- | | |
|-------------------|------------------------------|
| 1. Vị trí TẮT | 3. Vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ |
| 2. Vị trí BẬT ĐÈN | 4. Vị trí KHỞI ĐỘNG |

Thông số kỹ thuật

Lưu ý: Thông số kỹ thuật và thiết kế có thể được thay đổi mà không cần phải thông báo.



Hình 12

g214888

Mô tả	Hình 12 Tham khảo	Kích thước hoặc Trọng lượng
Chiều cao khi thanh lăn nâng lên	E	207 cm (81-½ inch)
Chiều cao khi thanh lăn hạ xuống	G	166 cm (65-½ inch)
Tổng chiều dài	D	291 cm (114-½ inch)
Tổng chiều rộng	B	143 cm (56-½ inch)
Chiều dài khoảng cách giữa hai trục trước và sau	C	119 cm (47 inch)
Chiều rộng mặt lăn bánh trước	A	122 cm (48 inch)
Chiều rộng mặt lăn bánh sau	F	116 cm (45-½ inch)
Khoảng sáng gầm		15 cm
Trọng lượng tịnh (có mâm cắt máy cắt cỏ)		1005 kg (2.216 lb)
Trọng lượng tịnh (không có mâm cắt máy cắt cỏ)		835 kg (1.841 lb)
Tổng trọng lượng tối đa		1190 kg (2.624 lb)
Giới hạn trọng lượng trục trước		1000 kg (2.205 lb)
Giới hạn trọng lượng trục sau		500 kg (1.102 lb)

Bộ gá/Phụ kiện

Lựa chọn bộ gá và phụ kiện đã được Toro phê duyệt và có sẵn để sử dụng với máy nhằm nâng cao và mở rộng khả năng của máy. Hãy liên hệ với Đại lý Dịch vụ được Ủy quyền hoặc nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn hoặc truy cập www.Toro.com để xem danh sách tất cả các bộ gá và phụ kiện đã được phê duyệt.

Chỉ sử dụng các bộ phận và phụ kiện thay thế chính hãng của Toro. Các phụ kiện và phụ tùng thay thế do các nhà sản xuất khác sản xuất có thể gây nguy hiểm và việc sử dụng chúng có thể làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm.

Vận hành

Trước khi Vận hành

An toàn Trước khi Vận hành

Thông tin tổng quát về an toàn

- Không bao giờ cho phép trẻ em hoặc người chưa được đào tạo vận hành hoặc bảo trì máy. Quy định địa phương có thể hạn chế độ tuổi của người vận hành. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm đào tạo tất cả các nhân viên vận hành và thợ máy.
- Làm quen với cách vận hành thiết bị an toàn, nút điều khiển của người vận hành và biển báo an toàn.
- Tắt động cơ, rút chìa khóa, và chờ máy dừng mọi chuyển động trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành. Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Biết cách dừng máy và tắt động cơ nhanh chóng.
- Kiểm tra nút điều khiển khi có mặt người vận hành, công tắc an toàn và các bộ phận bảo vệ đã được gắn và hoạt động bình thường chưa. Không vận hành máy trừ khi các bộ phận vận hành bình thường.
- Trước khi cắt cỏ, hãy luôn kiểm tra máy để đảm bảo lưỡi cắt/lưỡi dao, bu lông lưỡi cắt/lưỡi dao và cụm cắt ở tình trạng hoạt động tốt. Thay thế lưỡi cắt/lưỡi dao và bu lông bị mòn hoặc bị hỏng theo bộ để giữ cân bằng.
- Kiểm tra khu vực bạn sẽ sử dụng máy và gỡ bỏ tất cả các đồ vật mà máy có thể ném ra.
- Sản phẩm này tạo ra trường điện từ. Nếu bạn đeo thiết bị y tế điện tử cấy ghép, vui lòng tham khảo ý kiến chuyên gia chăm sóc sức khỏe của bạn trước khi sử dụng sản phẩm này.

An toàn Nhiên liệu

- Hết sức cẩn thận khi xử lý nhiên liệu. Nhiên liệu dễ cháy và hơi nhiên liệu dễ gây nổ.
- Dập tắt tất cả thuốc lá, xì gà, tẩu thuốc và các nguồn phát lửa khác.
- Chỉ sử dụng bình chứa nhiên liệu đã được phê duyệt.
- Không tháo nắp nhiên liệu hoặc đổ vào bình nhiên liệu khi động cơ đang chạy hoặc đang nóng.
- Không đổ thêm hoặc xả nhiên liệu trong không gian kín.

- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.
- Nếu bạn đổ tràn nhiên liệu, đừng cố khởi động động cơ; tránh tạo ra bất kỳ nguồn phát lửa nào cho đến khi hơi nhiên liệu tan hết.

An toàn Nhiên liệu

- Hết sức cẩn thận khi xử lý nhiên liệu. Nhiên liệu dễ cháy và hơi nhiên liệu dễ gây nổ.
- Dập tắt tất cả thuốc lá, xì gà, tẩu thuốc và các nguồn phát lửa khác.
- Chỉ sử dụng bình chứa nhiên liệu đã được phê duyệt.
- Không tháo nắp nhiên liệu hoặc đổ vào bình nhiên liệu khi động cơ đang chạy hoặc đang nóng.
- Không đổ thêm hoặc xả nhiên liệu trong không gian kín.
- Không cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.
- Nếu bạn đổ tràn nhiên liệu, đừng cố khởi động động cơ; tránh tạo ra bất kỳ nguồn phát lửa nào cho đến khi hơi nhiên liệu tan hết.

Thực hiện Bảo trì Hàng ngày

Trước khi khởi động máy mỗi ngày, hãy thực hiện các quy trình Mỗi Lần sử dụng/Hàng ngày được liệt kê trong [Danh sách Kiểm tra Bảo trì Hàng ngày \(trang 44\)](#).

Kiểm tra Áp suất Khí trong Lốp xe

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Thông số kỹ thuật về áp suất khí của lốp trước và sau: 140 kPa (20 psi).

Thông số kỹ thuật về áp suất khí của lốp đúc: 150 kPa (21 psi).

⚠ NGUY HIỂM

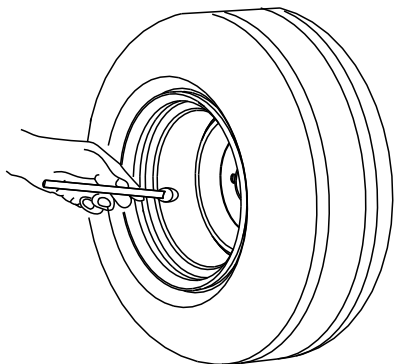
Áp suất thấp của lốp làm giảm độ ổn định của máy trên mặt dốc. Điều này có thể gây lật xe, có thể dẫn đến chấn thương cá nhân hoặc tử vong.

Không bơm lốp xe non hơi.

Kiểm tra áp suất khí ở lốp trước và lốp sau. Thêm hoặc bớt khí khi cần thiết để đạt áp suất khí trong lốp xe theo thông số kỹ thuật về áp suất khí của lốp.

Quan trọng: Duy trì áp suất trong tất cả các lốp để đảm bảo chất lượng mặt cắt tốt và hiệu suất máy phù hợp.

Kiểm tra áp suất khí trong tất cả các lốp xe trước khi vận hành máy.



G001055

Hình 13

g001055

Kiểm tra Hệ thống Khóa liên động An toàn

Mục đích của hệ thống khóa liên động an toàn là ngăn không cho động cơ quay hoặc khởi động trừ khi bàn đạp kéo ở vị trí số mo, công tắc PTO ở vị trí TẮT, phanh đỗ được bật hoặc người vận hành đang ngồi ở ghế.

Ngoài ra, động cơ sẽ tắt khi:

- Người vận hành rời khỏi ghế khi công tắc PTO ở vị trí BẬT;
- Người vận hành rời khỏi ghế khi bàn đạp kéo không ở vị trí số mo;
- Bàn đạp kéo được nhấn khi bật phanh đỗ.

⚠ THẬN TRỌNG

Nếu các công tắc khóa liên động an toàn bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng, máy có thể hoạt động bất ngờ, gây chấn thương cá nhân.

- Không làm xáo trộn công tắc khóa liên động.
- Kiểm tra hoạt động của các công tắc khóa liên động hàng ngày và thay bất kỳ công tắc nào bị hỏng trước khi vận hành máy.

Kiểm tra Hệ thống Khóa Liên động An toàn khi Quay Động cơ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Kiểm tra hoạt động của công tắc khóa liên động an toàn bằng cách đảm bảo những điều sau:

Bảng Khóa Liên động khi Quay Động cơ

Điều kiện	Kết quả
Đã tắt phanh đỗ Bàn đạp kéo ở vị trí số mo Công tắc PTO ở vị trí TẮT Không có người vận hành ngồi trên ghế	Động cơ sẽ không quay.
Đã tắt phanh đỗ Bàn đạp kéo ở vị trí số mo Công tắc PTO ở vị trí TẮT Người vận hành ngồi trên ghế	Động cơ sẽ quay.

Bảng Khóa Liên động khi Quay Động cơ (cont'd.)

Điều kiện	Kết quả
Đã tắt phanh đỗ Bàn đạp kéo bị đẩy xuống Công tắc PTO ở vị trí TẮT Người vận hành ngồi trên ghế	Động cơ sẽ không quay.
Đã bật phanh đỗ Bàn đạp kéo bị đẩy xuống Công tắc PTO ở vị trí TẮT Người vận hành ngồi trên ghế	Động cơ sẽ không quay.
Đã bật phanh đỗ Bàn đạp kéo ở vị trí số mo Công tắc PTO ở vị trí TẮT Không có người vận hành ngồi trên ghế	Động cơ sẽ quay.

Bảng Khóa Liên động khi Tắt Động cơ (cont'd.)

Điều kiện	Kết quả
Đã bật phanh đỗ Người vận hành ngồi trên ghế Bàn đạp kéo bị đẩy xuống	Động cơ sẽ tắt.
Đã tắt phanh đỗ Người vận hành ngồi trên ghế Bàn đạp kéo bị đẩy xuống	Động cơ sẽ tiếp tục chạy.

Kiểm tra Hệ thống Khóa Liên động An toàn khi Tắt Động cơ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Trước khi thực hiện các bước kiểm tra sau, hãy thực hiện như sau:

1. Ngồi vào ghế của người vận hành.
2. Gài Bật phanh tayphanh đỗ.
3. Di chuyển bàn đạp kéo đến số mo.
4. Tắt PTO.
5. Khởi động động cơ.
6. Tắt phanh tayphanh đỗ.

Kiểm tra hoạt động của công tắc khóa liên động an toàn bằng cách đảm bảo những điều sau:

Bảng Khóa Liên động khi Tắt Động cơ

Điều kiện	Kết quả
Đã tắt phanh đỗ Người vận hành hơi nhích lên khỏi ghế	Động cơ sẽ tắt.
Đã bật phanh đỗ Người vận hành hơi nhích lên khỏi ghế	Động cơ sẽ tiếp tục chạy.

Kiểm tra Hệ thống Khóa liên động An toàn PTO

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Trước khi thực hiện các bước kiểm tra sau, hãy thực hiện như sau:

- 1. Ngồi vào ghế của người vận hành.
- 2. GàiBật phanh tayphanh đỗ.
- 3. Di chuyển bàn đạp kéo đến số mo.
- 4. Tắt PTO.
- 5. Khởi động động cơ.
- 6. Tắt phanh tayphanh đỗ.

Kiểm tra hoạt động của công tắc khóa liên động an toàn bằng cách đảm bảo những điều sau:

Bảng Khóa liên động PTO

Điều kiện	Kết quả
Công tắc PTO ở vị trí BẬT và mâm cắt máy cắt cỏ đang chạy Người vận hành hơi nhích lên khỏi ghế	Động cơ và mâm cắt máy cắt cỏ sẽ tắt.
Công tắc PTO ở vị trí BẬT và mâm cắt máy cắt cỏ đang chạy Nâng thùng chứa	Mâm cắt máy cắt cỏ sẽ tắt.

Kiểm tra Hệ thống Khóa liên động An toàn khi Báo động Dự phòng

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Kiểm tra hoạt động của công tắc khóa liên động an toàn bằng cách đảm bảo những điều sau:

Bảng Báo động Dự phòng

Điều kiện	Kết quả
Chìa khóa ở vị trí CHẠY Bàn đạp kéo ở vị trí lùi	Báo động dự phòng sẽ phát ra âm thanh.

Đổ thêm Nhiên liệu

Chỉ sử dụng nhiên liệu diesel hoặc nhiên liệu diesel sinh học sạch, mới có hàm lượng lưu huỳnh thấp (<500 ppm) hoặc cực thấp (<15 ppm). Chỉ số cetan tối thiểu phải là 40. Mua nhiên liệu với số lượng có thể sử dụng trong vòng 180 ngày để đảm bảo nhiên liệu luôn mới.

Dung tích bình nhiên liệu: 41 L (10,8 US gallon)

Sử dụng nhiên liệu diesel dùng cho mùa hè (số 2-D) ở nhiệt độ trên -7°C và dùng cho mùa đông (hỗn hợp số 1-D hoặc số 1-D/2-D) thấp hơn nhiệt độ đó. Sử dụng nhiên liệu dành cho mùa đông ở nhiệt độ thấp hơn cung cấp các đặc tính về điểm bắt cháy và dòng lạnh thấp hơn, sẽ giúp dễ khởi động và giảm thao tác cấm bộ lọc nhiên liệu.

Sử dụng nhiên liệu dành cho mùa hè trên -7°C (20°F) sẽ góp phần làm tăng thời hạn sử dụng máy bơm nhiên liệu và tăng công suất so với nhiên liệu dành cho mùa đông.

Quan trọng: Không sử dụng dầu hỏa hoặc xăng thay cho nhiên liệu diesel. Nếu không tuân thủ cảnh báo nào, động cơ sẽ bị hỏng.

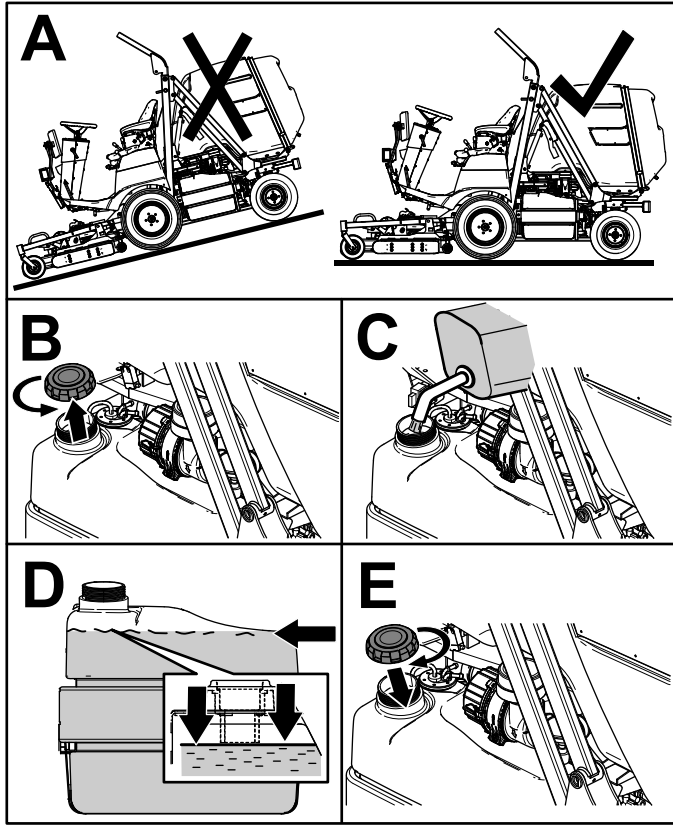
Sẵn sàng cho Dầu diesel sinh học

Máy này cũng có thể sử dụng nhiên liệu hỗn hợp diesel sinh học lên đến B20 (20% diesel sinh học, 80% petrodiesel). Phần petrodiesel phải có hàm lượng lưu huỳnh thấp hoặc cực thấp. Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa sau:

- Phần diesel sinh học của nhiên liệu phải đáp ứng thông số kỹ thuật ASTM D6751 hoặc EN14214.
- Thành phần nhiên liệu pha trộn phải đáp ứng tiêu chuẩn ASTM D975 hoặc EN590.
- Nếu bạn làm đổ hỗn hợp nhiên liệu diesel sinh học, nhiên liệu có thể làm hỏng bề mặt sơn.
- Sử dụng hỗn hợp B5 (hàm lượng dầu diesel sinh học 5%) hoặc thấp hơn khi thời tiết lạnh.
- Theo dõi phớt dầu, ống mềm và miếng đệm tiếp xúc với nhiên liệu vì chúng có thể bị xuống cấp theo thời gian.
- Dự kiến bộ lọc nhiên liệu sẽ bị tắc trong một thời gian sau khi chuyển đổi sang hỗn hợp dầu diesel sinh học.
- Liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn nếu muốn biết thêm thông tin về dầu diesel sinh học.

Đổ đầy Bình Nhiên liệu

Lưu ý: Nếu có thể, hãy đổ đầy bình nhiên liệu sau mỗi lần sử dụng; điều này giảm thiểu khả năng tích tụ chất ngưng tụ bên trong bình nhiên liệu.



Hình 14

g214279

Điều chỉnh Hệ thống Chống Lật (ROPS)

⚠ CẢNH BÁO

Để tránh gây chấn thương hoặc tử vong do lật xe hãy giữ thanh lăn ở vị trí nâng và khóa rồi sử dụng dây đai an toàn.

Đảm bảo ghế được siết chặt bằng chốt ghế.

⚠ CẢNH BÁO

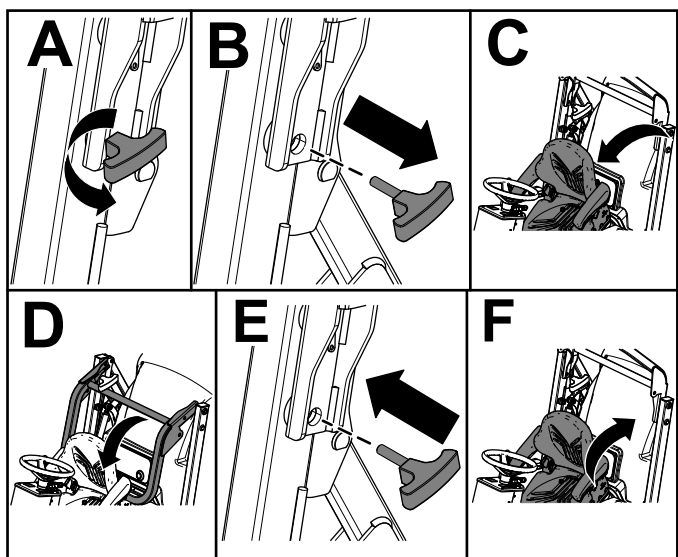
Không có bảo vệ chống lật khi thanh lăn ở vị trí hạ xuống.

- Không vận hành máy trên mặt đất không bằng phẳng hoặc trên sườn đồi khi thanh lăn ở vị trí hạ xuống.
- Chỉ hạ thanh lăn khi thực sự cần thiết.
- Không đeo dây đai an toàn khi thanh lăn ở vị trí hạ xuống.
- Lái xe chậm và cẩn thận.
- Nâng thanh lăn ngay khi khoảng sáng cho phép.
- Kiểm tra cẩn thận khoảng sáng trên cao (ví dụ như nhánh cây, lối ra vào, dây điện) trước khi lái dưới bất kỳ đồ vật nào và không tiếp xúc với chúng.

Hạ Thanh Lăn

Quan trọng: Chỉ hạ thanh lăn khi thực sự cần thiết.

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Nghiêng ghế về phía trước (Hình 15).
5. Tháo các chốt nôm khỏi thanh lăn (Hình 15).
6. Hạ thanh lăn và siết chặt vào vị trí bằng chốt nôm (Hình 15).
7. Nghiêng ghế về phía sau đến vị trí khóa (Hình 15).

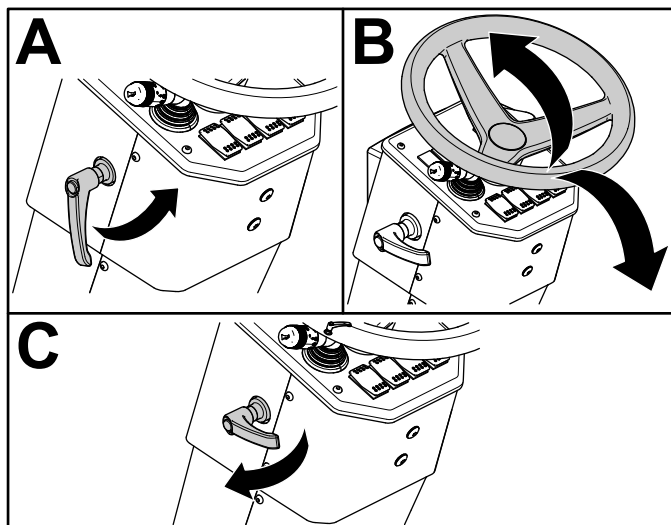


Hình 15

g218001

Điều chỉnh Cột Lái Nghiêng

Điều chỉnh cột lái nghiêng đến vị trí mong muốn của bạn như được minh họa trong Hình 17.

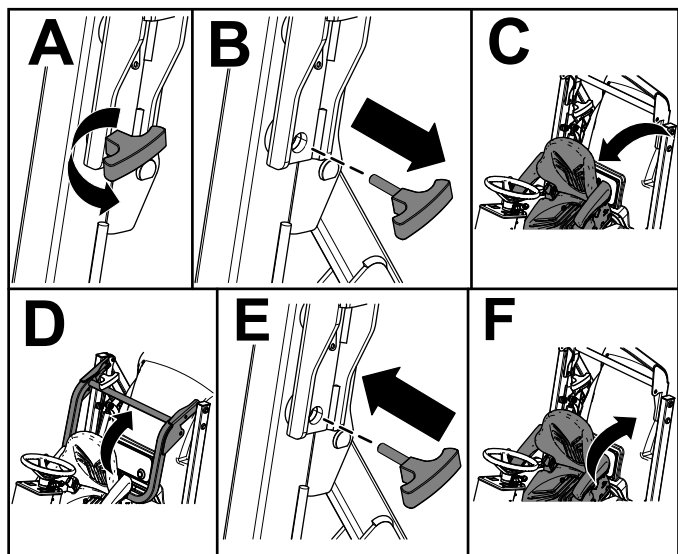


Hình 17

g214731

Nâng Thanh Lăn

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Nghiêng ghế về phía trước (Hình 16).
5. Tháo các chốt nôm khỏi thanh lăn (Hình 16).
6. Nâng thanh lăn và siết chặt vào vị trí bằng chốt nôm (Hình 16).
7. Nghiêng ghế về phía sau đến vị trí khóa (Hình 16).



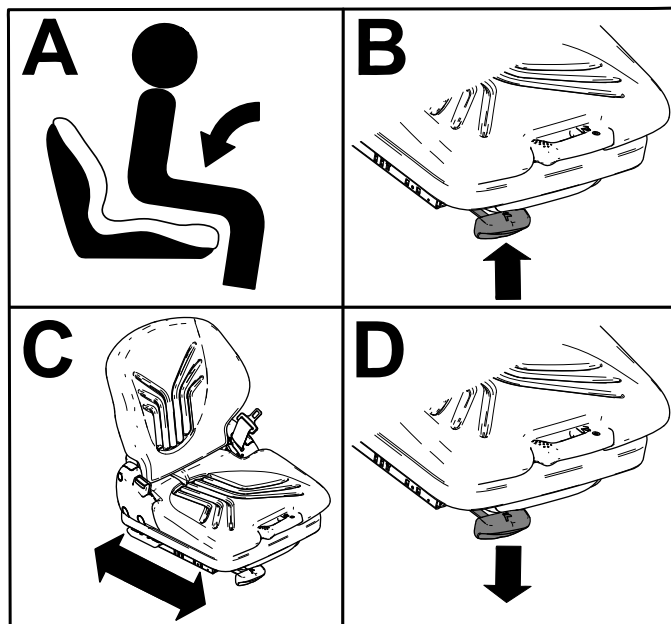
Hình 16

g218002

Định vị Ghế

Ghế di chuyển về phía trước và phía sau. Đặt ghế ở vị trí bạn có thể điều khiển máy tốt nhất và cảm thấy thoải mái nhất.

Để điều chỉnh, hãy kéo cần lên trên và di chuyển ghế về phía trước hoặc phía sau (Hình 18).

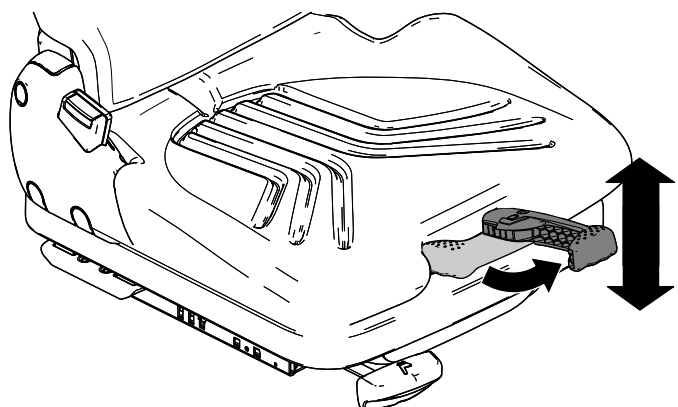


Hình 18

g215133

Điều chỉnh Hệ thống Treo Ghế

1. Kéo cần hệ thống treo ghế ra (Hình 19).
2. Khi ngồi trên ghế, điều chỉnh hệ thống treo ghế như sau:
 - Để hệ thống treo cứng hơn, kéo cần hệ thống treo ghế lên nhiều lần nếu cần.
 - Để hệ thống treo mềm hơn, đẩy cần hệ thống treo ghế xuống nhiều lần nếu cần.
3. Khi mũi tên ở giữa, đẩy cần vào trở lại.

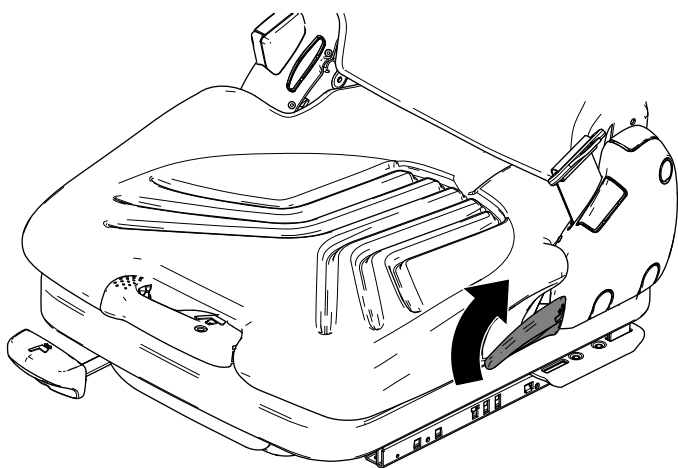


Hình 19

g215273

Nghiêng Tựa lưng Ghế

Kéo cần (Hình 20) lên trên để nghiêng tựa lưng ghế.



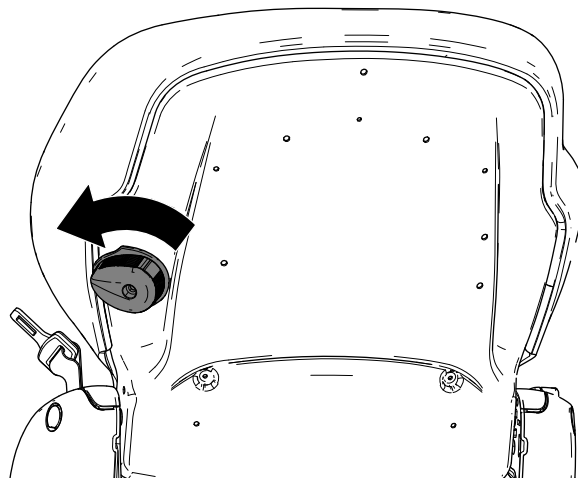
Hình 20

g215274

Điều chỉnh hỗ trợ thắt lưng ghế

Xoay hỗ trợ thắt lưng ghế (Hình 21) ngược chiều kim đồng hồ để tăng hỗ trợ thắt lưng.

Xoay hỗ trợ thắt lưng ghế theo chiều kim đồng hồ để giảm hỗ trợ thắt lưng.

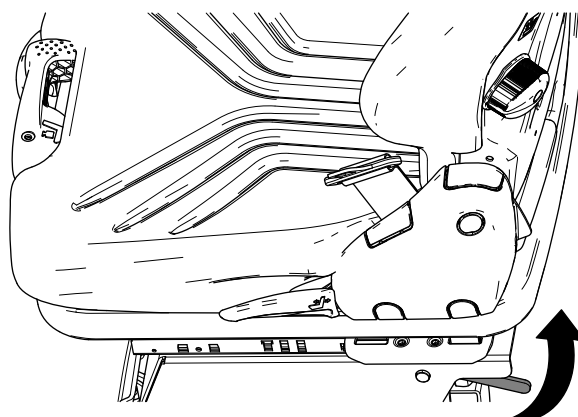


g215272

Hình 21

Nghiêng Ghế Về phía trước

Nhấc cần nghiêng ghế (Hình 22) lên trên và nghiêng ghế về phía trước.



g216164

Hình 22

Trong khi Vận hành

An toàn Trong Vận hành

Thông tin tổng quát về an toàn

- Chủ sở hữu/người vận hành có thể ngăn chặn và chịu trách nhiệm về những tai nạn có thể gây chấn thương cá nhân hoặc thiệt hại về tài sản.
- Mặc quần áo phù hợp, bao gồm bảo vệ mắt; quần dài; giày dép chắc chắn, chống trơn trượt; và bảo vệ thính giác. Buộc tóc dài lại và không mặc quần áo rộng hoặc đeo trang sức lỏng lẻo.
- Không vận hành máy khi bị ốm, mệt mỏi hoặc đang chịu ảnh hưởng của các chất có cồn, chất gây nghiện.
- Bạn cần tập trung cao độ khi vận hành máy. Tránh bị phân tâm vào bất kỳ hoạt động nào khác; nếu không, bạn có thể gây chấn thương cho bản thân hoặc gây thiệt hại về tài sản.
- Trước khi khởi động động cơ, hãy đảm bảo tắt cả bộ phận truyền động đều ở vị trí số Mo, phanh đỗ đã được bật và bạn đang ở vị trí vận hành.
- Không chở người khác đi cùng trên máy và không để những người xung quanh và trẻ em lại gần khu vực vận hành.
- Chỉ vận hành máy khi có tầm nhìn tốt để tránh lỗi hỏng hoặc nguy cơ tiềm ẩn.
- Tránh cật trên cổ ướt. Lực kéo giảm có thể khiến máy bị trượt.
- Không để tay và chân của bạn gần các bộ phận đang xoay. Giữ cho cửa xả được thông thoáng.
- Quan sát phía sau và phía dưới trước khi lùi để đảm bảo có đường đi thông suốt.
- Cẩn thận khi đến gần góc khuất, bụi rậm, cây cối hoặc các đồ vật khác có thể che khuất tầm nhìn của bạn.
- Dùng lưỡi cắt/lưỡi dao bất cứ khi nào bạn không cắt cỏ.
- Dùng máy, rút chìa khóa và chờ cho tắt cả bộ phận đang chuyển động dừng lại trước khi kiểm tra bộ gá sau khi va chạm vào vật thể hoặc nếu có rung động bất thường trong máy. Thực hiện tất cả các sửa chữa cần thiết trước khi hoạt động trở lại.
- Giảm tốc độ và thận trọng khi rẽ và băng qua đường và vỉa hè bằng máy. Luôn nhường quyền ưu tiên qua đường.
- Tắt bộ phận truyền động của dao xoắn/dao cắt, tắt động cơ, rút chìa khóa và chờ cho máy dừng mọi chuyển động trước khi điều chỉnh độ cao mặt cắt (trừ khi bạn có thể điều chỉnh từ vị trí vận hành).

- Chỉ vận hành động cơ ở những khu vực thông gió tốt. Khí thải có chứa carbon monoxide, có thể gây chết người nếu hít phải.
- Không bao giờ để máy chạy mà không được giám sát.
- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy làm như sau:
 - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
 - Tắt truyền động và hạ các bộ gá.
 - Bật phanh đỗ.
 - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
 - Chờ cho tắt cả chuyển động dừng lại.
- Chỉ vận hành máy khi có tầm nhìn tốt. Không vận hành máy khi có nguy cơ bị sét đánh.
- Không sử dụng máy làm phương tiện kéo.
- Chỉ sử dụng các phụ kiện, bộ gá và bộ phận thay thế đã được Toro phê duyệt.
- Chỉ sử dụng điều khiển hành trình (nếu được trang bị) khi bạn có thể vận hành máy ở khu vực thoáng đãng, bằng phẳng, không có chướng ngại vật và ở nơi máy có thể di chuyển với tốc độ không đổi mà không bị gián đoạn.

An toàn của Hệ thống Chống Lật (ROPS)

- ROPS là thiết bị an toàn không thể thiếu và hoạt động hiệu quả.
- Không tháo bất kỳ bộ phận nào của ROPS ra khỏi máy.
- Đảm bảo dây đai an toàn được gắn vào máy.
- Kéo dây đeo đai qua phần người phía trước của bạn và kết nối dây đai với khóa ở phía bên kia của ghế.
- Để ngắt kết nối dây đai an toàn, hãy giữ dây đai, nhấn nút khóa để nhả dây đai và hướng dây đai vào lỗ mở tự động rút về. Đảm bảo bạn có thể nhanh chóng nhả đai trong trường hợp khẩn cấp.
- Kiểm tra cẩn thận các vật cản trên cao và không tiếp xúc với chúng.
- Giữ ROPS ở tình trạng hoạt động an toàn bằng cách kiểm tra kỹ lưỡng định kỳ xem có hư hỏng gì không và giữ chặt tất cả các chốt hãm gắn.
- Thay thế các bộ phận ROPS bị hỏng. Không sửa chữa hoặc thay đổi các bộ phận này.

An toàn của Hệ thống Chống Lật (ROPS)

- ROPS là thiết bị an toàn không thể thiếu và hoạt động hiệu quả.
- Không tháo bất kỳ bộ phận nào của ROPS ra khỏi máy.

- Đảm bảo dây đai an toàn được gắn vào máy.
- Kéo dây đeo đai qua phần người phía trước của bạn và kết nối dây đai với khóa ở phía bên kia của ghế.
- Để ngắt kết nối dây đai an toàn, hãy giữ dây đai, nhấn nút khóa để nhả dây đai và hướng dây đai vào lỗ mở tự động rút về. Đảm bảo bạn có thể nhanh chóng nhả đai trong trường hợp khẩn cấp.
- Kiểm tra cẩn thận các vật cản trên cao và không tiếp xúc với chúng.
- Giữ ROPS ở tình trạng hoạt động an toàn bằng cách kiểm tra kỹ lưỡng định kỳ xem có hư hỏng gì không và giữ chặt tất cả các chốt hãm gắn.
- Thay thế các bộ phận ROPS bị hỏng. Không sửa chữa hoặc thay đổi các bộ phận này.

An toàn ROPS Bổ sung cho Máy có Thanh Lăn Có thể gập

- Giữ thanh lăn gập ở vị trí nâng và đã khóa, đồng thời thắt dây đai an toàn khi vận hành máy với thanh lăn ở vị trí nâng.
- Hạ thanh lăn gập xuống tạm thời chỉ khi cần thiết. Không thắt dây đai an toàn khi thanh lăn được gập xuống.
- Xin lưu ý rằng không có bảo vệ chống lật khi thanh lăn gập ở vị trí hạ xuống.
- Kiểm tra khu vực mà bạn sẽ cất cỏ và không bao giờ gập thanh lăn gập xuống ở những khu vực có dốc, dốc thẳng đứng hoặc nước.

An toàn ROPS Bổ sung cho Máy có Thanh Lăn Có thể gập

- Giữ thanh lăn gập ở vị trí nâng và đã khóa, đồng thời thắt dây đai an toàn khi vận hành máy với thanh lăn ở vị trí nâng.
- Hạ thanh lăn gập xuống tạm thời chỉ khi cần thiết. Không thắt dây đai an toàn khi thanh lăn được gập xuống.
- Xin lưu ý rằng không có bảo vệ chống lật khi thanh lăn gập ở vị trí hạ xuống.
- Kiểm tra khu vực mà bạn sẽ cất cỏ và không bao giờ gập thanh lăn gập xuống ở những khu vực có dốc, dốc thẳng đứng hoặc nước.

An toàn trên Dốc

- Dốc là yếu tố chính liên quan đến tai nạn mất kiểm soát và lật xe, có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Bạn có trách nhiệm vận hành dốc an toàn. Vận hành máy trên bất kỳ độ dốc nào cũng cần phải hết sức thận trọng.
- Đánh giá các điều kiện của địa điểm làm việc để xác định xem độ dốc có an toàn cho vận hành máy

hay không, bao gồm khảo sát địa điểm. Luôn luôn sử dụng phán đoán theo kinh nghiệm và phán đoán tốt khi thực hiện khảo sát này.

- Xem lại hướng dẫn về độ dốc được liệt kê dưới đây để vận hành máy trên dốc và để xác định xem bạn có thể vận hành máy trong điều kiện vào ngày hôm đó và tại địa điểm đó hay không. Việc thay đổi về địa hình có thể dẫn đến máy thay đổi cách vận hành trên dốc.
- Tránh khởi động, dừng hoặc quay máy trên đường dốc. Tránh thay đổi tốc độ hoặc phương hướng đột ngột. Thực hiện quay máy chậm và từ tốn.
- Không vận hành máy trong bất kỳ điều kiện nào khi nghi ngờ có vấn đề về lực kéo, lái hoặc độ ổn định.
- Loại bỏ hoặc đánh dấu vật cản như mương, hố, đường lún, chỗ lồi, đá hoặc các nguy cơ tiềm ẩn khác. Cỏ cao có thể che khuất vật cản. Địa hình không bằng phẳng có thể làm lật máy.
- Lưu ý rằng việc vận hành máy trên cỏ ướt, ngang dốc hoặc xuống dốc có thể làm mất lực kéo của máy. Mất lực kéo đến các bánh xe truyền động có thể dẫn đến trượt, mất phanh và mất lái.
- Hết sức thận trọng khi vận hành máy gần dốc thẳng đứng, mương, bờ kè, nguy cơ có nước hoặc các mối nguy hiểm khác. Máy có thể đột ngột lật nếu một bánh xe đi qua mép hoặc mép bị lún. Hãy thiết lập khu vực an toàn giữa máy và các mối nguy hiểm.
- Xác định những mối nguy hiểm ở chân dốc. Nếu có nguy hiểm, hãy cất cỏ trên dốc bằng máy được người đi bộ điều khiển.
- Nếu có thể, hãy hạ thấp (các) dao xoắn dao cắt xuống mặt đất khi đang vận hành trên dốc. Nâng (các) dao xoắn cắt khi đang vận hành trên dốc có thể khiến máy hoạt động không ổn định.
- Hết sức thận trọng với hệ thống thu gom cỏ hoặc các bộ gá khác. Những điều này có thể làm thay đổi độ ổn định của máy và gây mất kiểm soát.

An toàn trên Dốc

- Dốc là yếu tố chính liên quan đến tai nạn mất kiểm soát và lật xe, có thể dẫn đến thương tích nghiêm trọng hoặc tử vong. Bạn có trách nhiệm vận hành dốc an toàn. Vận hành máy trên bất kỳ độ dốc nào cũng cần phải hết sức thận trọng.
- Đánh giá các điều kiện của địa điểm làm việc để xác định xem độ dốc có an toàn cho vận hành máy hay không, bao gồm khảo sát địa điểm. Luôn luôn sử dụng phán đoán theo kinh nghiệm và phán đoán tốt khi thực hiện khảo sát này.
- Xem lại hướng dẫn về độ dốc được liệt kê dưới đây để vận hành máy trên dốc và để xác định xem bạn có thể vận hành máy trong điều kiện vào ngày hôm đó và tại địa điểm đó hay không. Việc thay

đổi về địa hình có thể dẫn đến máy thay đổi cách vận hành trên dốc.

- Tránh khởi động, dừng hoặc quay máy trên đường dốc. Tránh thay đổi tốc độ hoặc phương hướng đột ngột. Thực hiện quay máy chậm và từ tốn.
- Không vận hành máy trong bất kỳ điều kiện nào khi nghi ngờ có vấn đề về lực kéo, lái hoặc độ ổn định.
- Loại bỏ hoặc đánh dấu vật cản như mương, hố, đường lún, chổ lồi, đá hoặc các nguy cơ tiềm ẩn khác. Cỏ cao có thể che khuất vật cản. Địa hình không bằng phẳng có thể làm lật máy.
- Lưu ý rằng việc vận hành máy trên cỏ ướt, ngang dốc hoặc xuống dốc có thể làm mất lực kéo của máy. Mất lực kéo đến các bánh xe truyền động có thể dẫn đến trượt, mất phanh và mất lái.
- Hết sức thận trọng khi vận hành máy gần dốc thẳng đứng, mương, bờ kè, nguy cơ có nước hoặc các mối nguy hiểm khác. Máy có thể đột ngột lật nếu một bánh xe đi qua mép hoặc mép bị lún. Hãy thiết lập khu vực an toàn giữa máy và các mối nguy hiểm.
- Xác định những mối nguy hiểm ở chân dốc. Nếu có nguy hiểm, hãy cắt cỏ trên dốc bằng máy được người đi bộ điều khiển.
- Nếu có thể, hãy hạ thấp (các) dao xoắn/cắt xuống mặt đất khi đang vận hành trên dốc. Nâng (các) dao xoắn/cắt khi đang vận hành trên dốc có thể khiến máy hoạt động không ổn định.
- Hết sức thận trọng với hệ thống thu gom cỏ hoặc các bộ gá khác. Những điều này có thể làm thay đổi độ ổn định của máy và gây mất kiểm soát.

Khởi động Động cơ

Quan trọng: Bạn có thể phải xả hệ thống nhiên liệu khi khởi động máy mới, động cơ không chạy nữa do thiếu nhiên liệu, hoặc bạn đã thay thế hoặc bảo dưỡng các bộ phận của hệ thống nhiên liệu.

1. Nâng thanh lăn và khóa vào vị trí.
2. Ngồi trên ghế và thắt dây đai an toàn.
3. Đảm bảo phanh đỗ đã được cài và công tắc PTO ở vị trí TẮT.
4. Bỏ chân ra khỏi bàn đạp kéo và đảm bảo bàn đạp ở vị trí số mo.
5. Xoay công tắc chìa khóa sang vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ.

Lưu ý: Sau đó, bộ hẹn giờ tự động sẽ điều khiển quá trình làm nóng sơ bộ trong vài giây.

6. Sau khi làm nóng sơ bộ, xoay công tắc chìa khóa sang vị trí Khởi động, **khởi động động cơ trong thời gian không quá 15 giây**, và nhả chìa khóa khi động cơ khởi động.

Lưu ý: Nếu cần làm nóng sơ bộ thêm, hãy xoay chìa khóa sang vị trí TẮT, sau đó chuyển sang vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ. Lặp lại quy trình này theo yêu cầu.

7. Di chuyển van tiết lưu đến tốc độ chạy rồi hoặc van tiết lưu bán phần và chạy động cơ cho đến khi nóng lên.

Quan trọng: Khi bạn khởi động động cơ lần đầu tiên; hoặc sau khi bạn thay dầu động cơ, dầu thủy lực, hãy đại tu động cơ hoặc thay các bộ phận kéo; vận hành máy tiến và lùi trong 1 đến 2 phút. Ngoài ra, hãy vận hành cần nâng và cần PTO để đảm bảo tất cả các bộ phận đều hoạt động bình thường. Xoay tay lái trợ lực sang trái và phải để kiểm tra phản ứng lái. Sau đó tắt động cơ, kiểm tra mức chất lỏng và kiểm tra rò rỉ dầu, các bộ phận bị lỏng và bất kỳ trục trặc nào khác.

Tắt Động cơ

⚠ THẬN TRỌNG

Để ngăn ngừa thương tích cá nhân, hãy tắt động cơ và chờ tắt cả các bộ phận chuyển động dừng lại trước khi kiểm tra rò rỉ dầu, các bộ phận bị lỏng hoặc các trục trặc khác.

1. Di chuyển điều khiển van tiết lưu về phía sau đến vị trí CHẠM.
2. Di chuyển công tắc PTO đến vị trí TẮT.
3. Xoay công tắc chìa khóa đến vị trí TẮT. Rút chìa khóa khỏi công tắc để tránh vô tình khởi động máy.

Lưu ý: Nếu động cơ ngừng chạy và công tắc chìa khóa ở vị trí BẬT ĐÈN hoặc BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ, và bạn rời khỏi ghế của người vận hành, sau một khoảng thời gian ngắn, còi sẽ phát âm thanh để cảnh báo bạn xoay chìa khóa về vị trí TẮT.

Bật Phanh Đỗ

1. Nhấn bàn đạp phanh xuống.
2. Nhấn khóa phanh đỗ xuống và nhả chân khỏi bàn đạp phanh để bật phanh đỗ.

Tắt Phanh Đỗ

Nhấn bàn đạp phanh xuống để tắt phanh đỗ.

Vận hành Thùng chứa

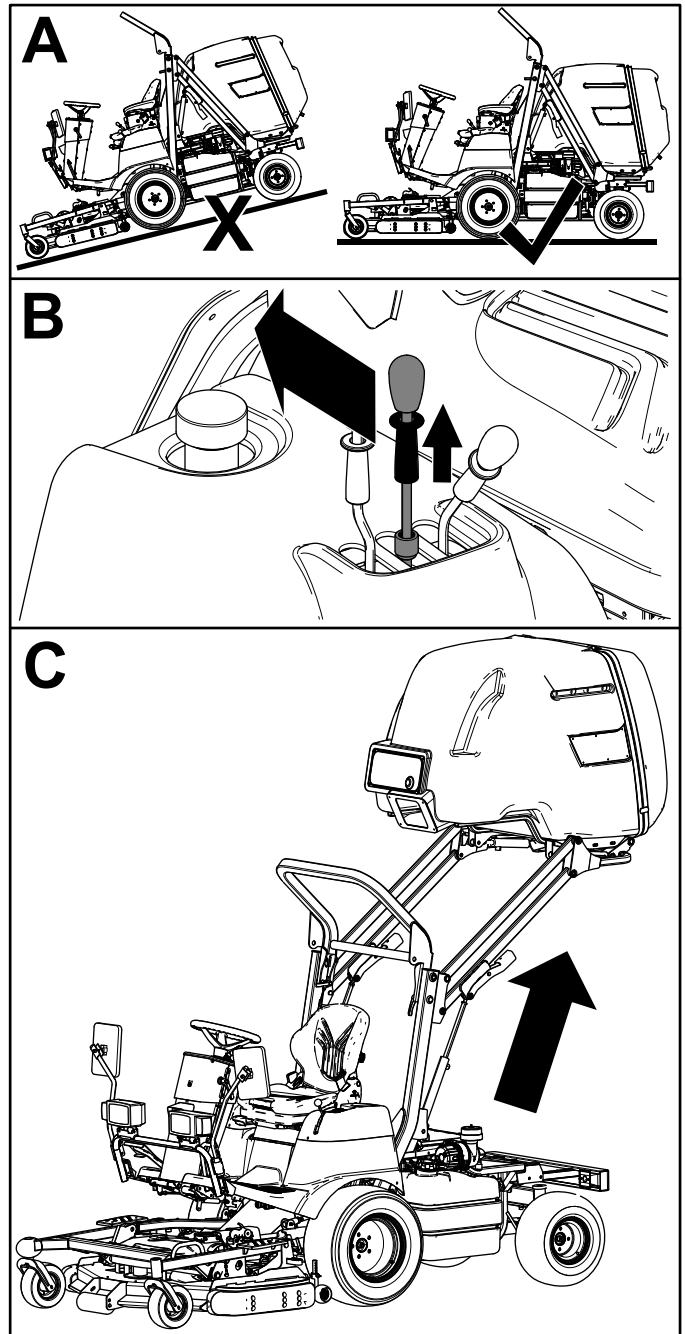
An toàn khi Vận hành Thùng chứa

- Khi đổ, không để ai đứng sau máy.
- Đảm bảo có đủ khoảng sáng phía trên khi nâng thùng chứa; nếu không, bạn có thể làm hỏng máy.
- Cần hết sức thận trọng khi vận hành máy trên bề mặt ướt, trên dốc, ở tốc độ cao hoặc với tải đầy. Thời gian dừng tăng lên khi đầy tải.
- Không để tất cả những người xung quanh lại gần. Trước khi lùi xe, hãy nhìn về phía sau và đảm bảo không có ai ở phía sau máy. Lùi xe từ từ.
- Cần hết sức thận trọng và tránh di chuyển máy khi thùng chứa ở vị trí nâng lên.
- Không để người xung quanh lại gần máy khi hạ thùng chứa xuống.

Nâng Thùng chứa

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.

2. Kéo vòng đai khóa trên cần nâng thùng chứa lên và di chuyển cần về phía sau để nâng thùng chứa (Hình 23).

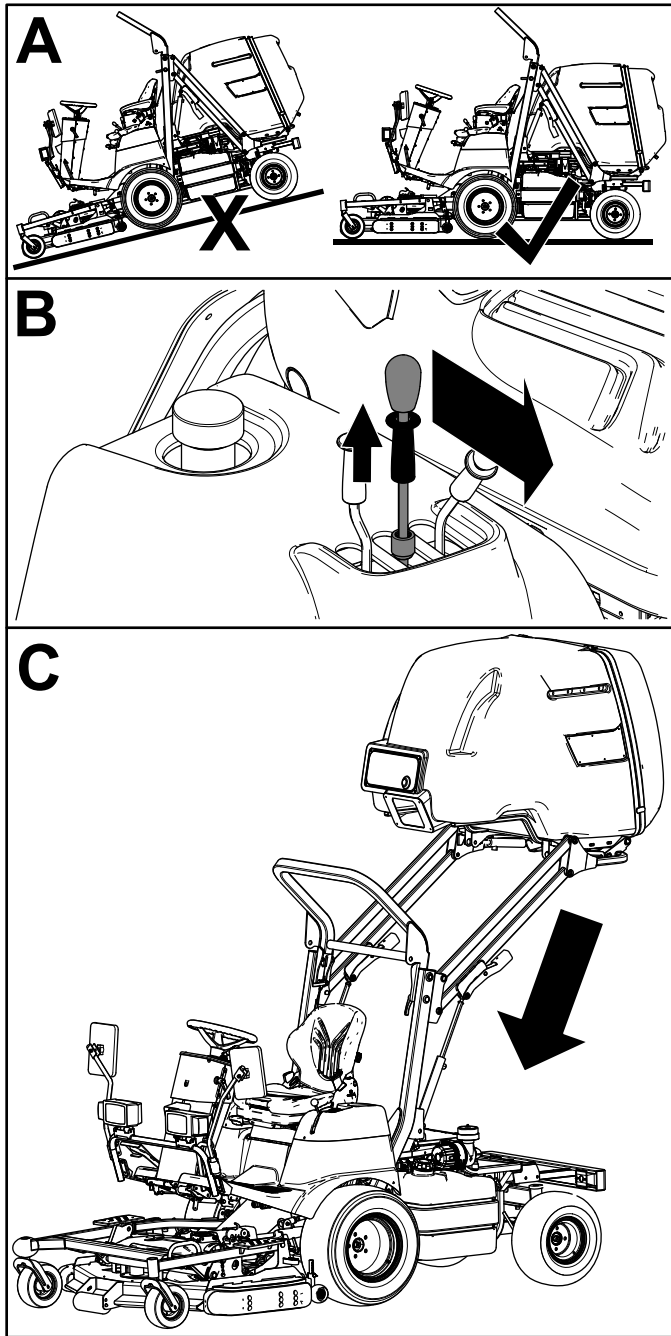


Hình 23

g215377

Hạ Thùng chứa

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Kéo vòng đai khóa trên cần nâng thùng chứa lên và di chuyển cần hoàn toàn về phía trước để hạ thùng chứa (Hình 24).



Hình 24

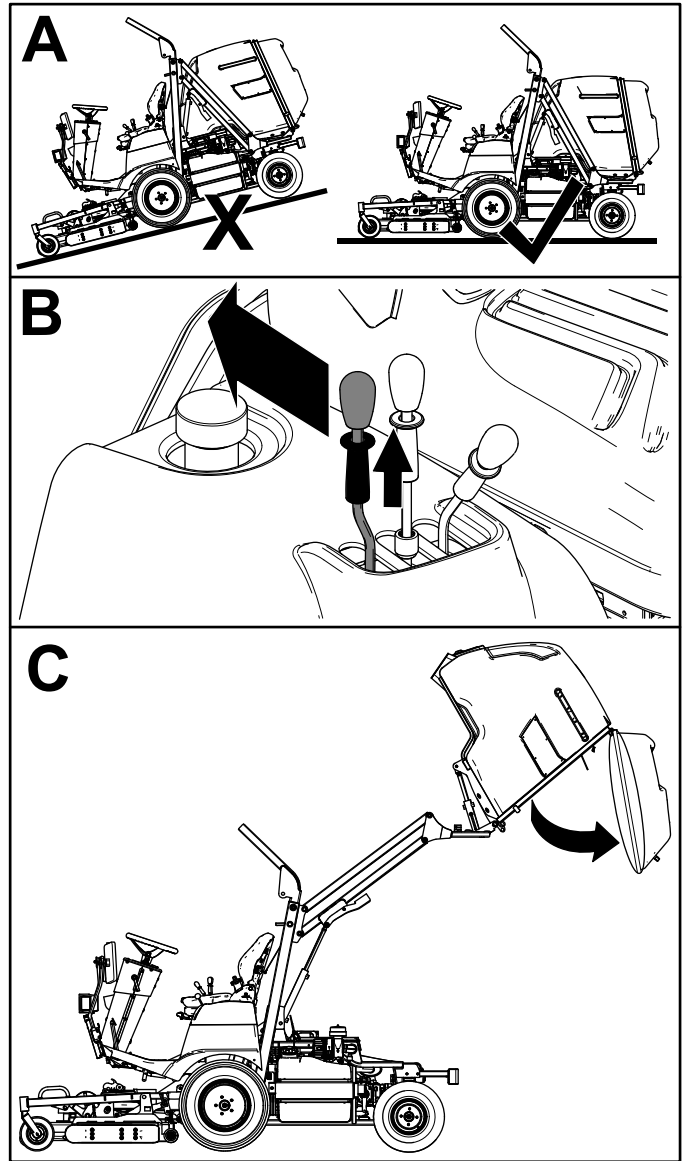
g215378

Đỗ Thùng chứa

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Kéo vòng đai khóa trên cần đỗ thùng chứa lên và di chuyển cần về phía sau để đổ cỏ xén ra khỏi thùng chứa (Hình 25).

Lưu ý: Cửa thùng chứa tự động mở chốt khi đỗ thùng chứa.

Lưu ý: Bạn có thể đỗ thùng chứa ở bất kỳ độ cao nào.



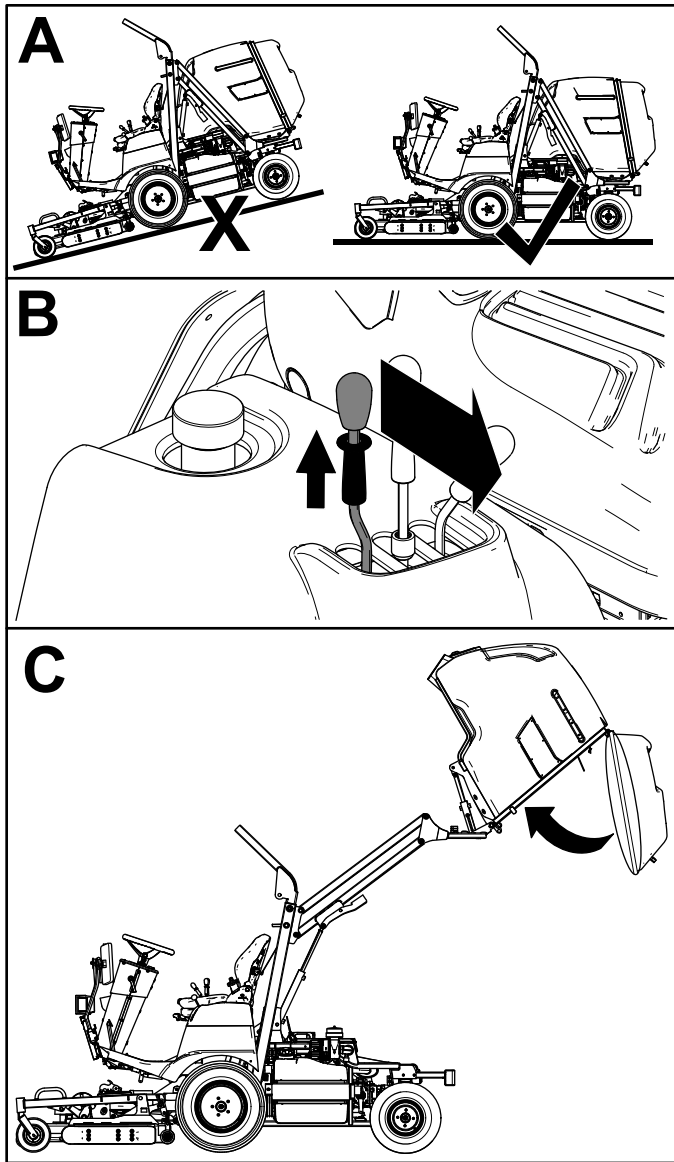
Hình 25

g215381

Đóng Thùng chứa

1. Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Sau khi đổ, kéo vòng đai khóa trên cần đổ thùng chứa lên và di chuyển cần về phía trước để đóng thùng chứa (Hình 26).

Lưu ý: Cửa thùng chứa tự động chốt khi đóng thùng chứa.



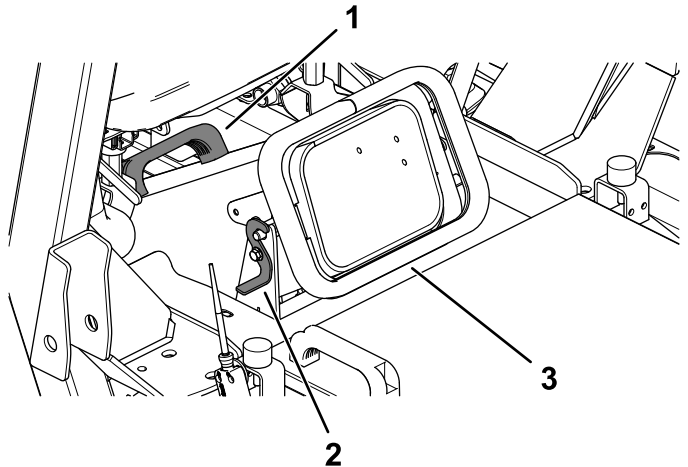
Hình 26

g215380

Dọn sạch Máng Cỏ

1. Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Nâng và siết chặt thùng chứa; tham khảo [Nâng Thùng chứa \(trang 33\)](#) và [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).

4. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
5. Nghiêng ghế về phía trước.
6. Mở chốt máng cỏ (Hình 27).



Hình 27

g215863

1. Tay cầm
2. Chốt
3. Máng

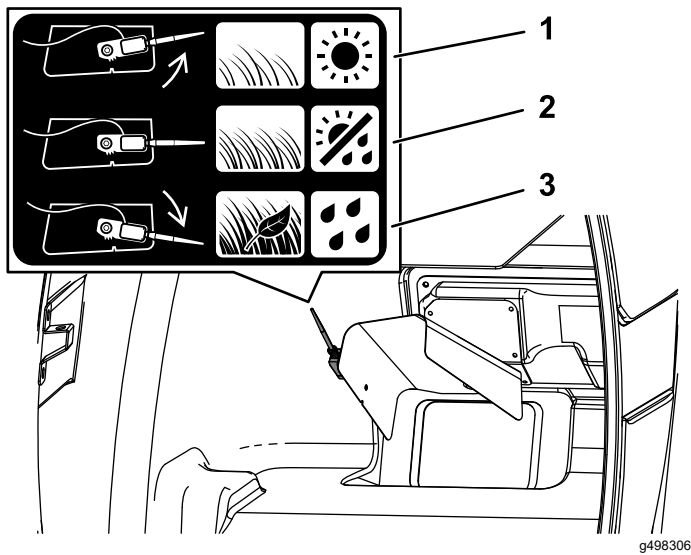
7. Sử dụng tay cầm trên máng, tháo máng và dọn sạch tay cầm và lỗ mở của mâm cắt máy cắt cỏ (Hình 27).
8. Lắp máng và siết chặt bằng các chốt (Hình 27).

Điều chỉnh Cảm biến Thùng chứa

Nếu cảm biến thùng chứa kích hoạt và PTO tự động tắt khi thùng chứa không đầy hoặc nếu máng bị tắc trước khi cảm biến kích hoạt, bạn cần điều chỉnh vị trí của cảm biến.

Điều chỉnh cảm biến như sau:

1. Mở cửa thùng chứa.
2. Điều chỉnh cảm biến thùng chứa dựa trên những điều sau:
 - Đối với điều kiện cỏ và thời tiết thông thường, hãy xoay cảm biến đến vị trí điểm giữa (Hình 28).
 - Đối với điều kiện cỏ ẩm ướt, rậm rạp, khi thu gom lá, hoặc nếu thùng chứa đầy trước khi cảm biến kích hoạt, hãy xoay cảm biến xuống dưới (Hình 28).
 - Đối với điều kiện cỏ khô, thưa thớt, hoặc nếu mâm cắt máy cắt cỏ tắt trước khi thùng chứa đầy, hãy xoay cảm biến lên trên (Hình 28).



Hình 28

1. Đặt cảm biến thùng chứa lên trên khi lớp cỏ mỏng hoặc điều kiện khô ráo.
2. Đặt cảm biến thùng chứa ở giữa khi cỏ và điều kiện thời tiết bình thường.
3. Đặt cảm biến thùng chứa xuống dưới khi lớp cỏ dày, có lá hoặc điều kiện ẩm ướt.

Căn chỉnh Độ cao mặt cắt

Bạn có thể điều chỉnh độ cao cắt liên tục từ 20 đến 110 mm ($\frac{3}{4}$ đến 4- $\frac{1}{4}$ inch) bằng cách sử dụng công tắc độ cao cắt.

Đẩy công tắc độ cao cắt (Hình 8) về phía trước để giảm độ cao cắt. Đẩy công tắc độ cao cắt về phía sau để tăng độ cao cắt.

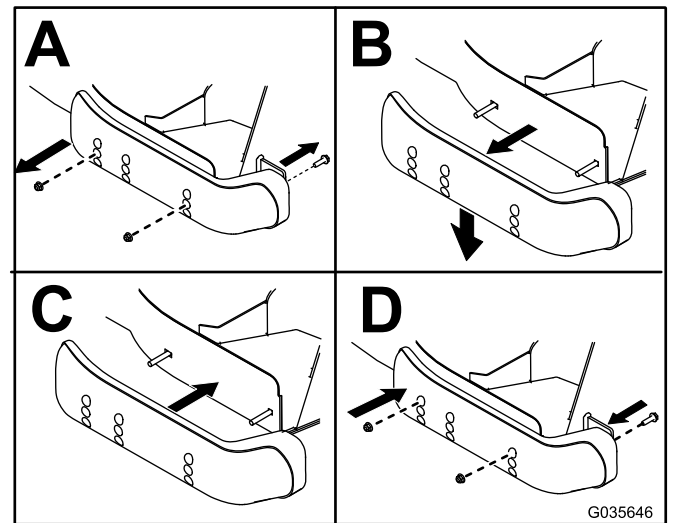
Đọc chỉ số độ cao cắt trên thiết bị đo độ cao cắt để đảm bảo độ cao cắt được đặt ở độ cao mong muốn.

Theo dõi thiết bị đo độ cao cắt khi bạn cắt cỏ và điều chỉnh độ cao cắt nếu cần.

Điều chỉnh thanh trượt

Gắn các thanh trượt ở vị trí thấp hơn khi vận hành ở độ cao cắt lớn hơn 51 mm (2 inch) và ở vị trí cao hơn khi vận hành ở độ cao cắt nhỏ hơn 51 mm (2 inch).

Điều chỉnh các thanh trượt như được minh họa trong Hình 29.



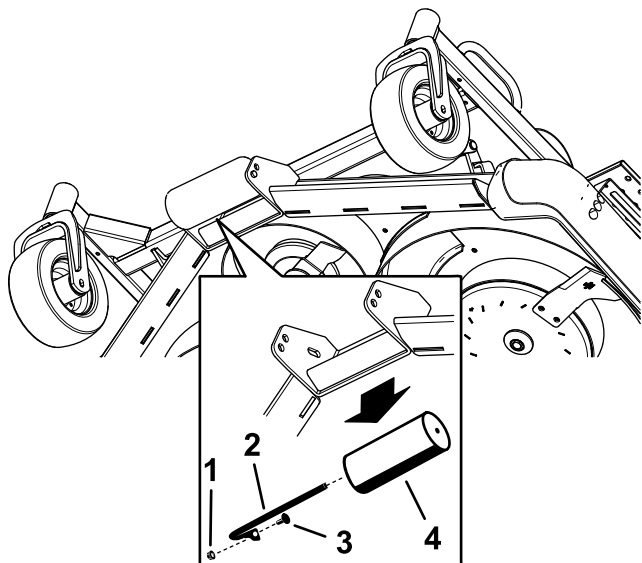
Hình 29

Điều chỉnh con lăn chống cắt gọn phía trước

Gắn các con lăn ở vị trí thấp hơn khi vận hành ở độ cao cắt lớn hơn 51 mm (2 inch) và ở vị trí cao hơn khi vận hành ở độ cao cắt nhỏ hơn 51 mm (2 inch).

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.

2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tháo trực con lăn, bu lông và đai ốc đang siết chặt con lăn vào giá đỡ mâm cắt (**Hình 30**).

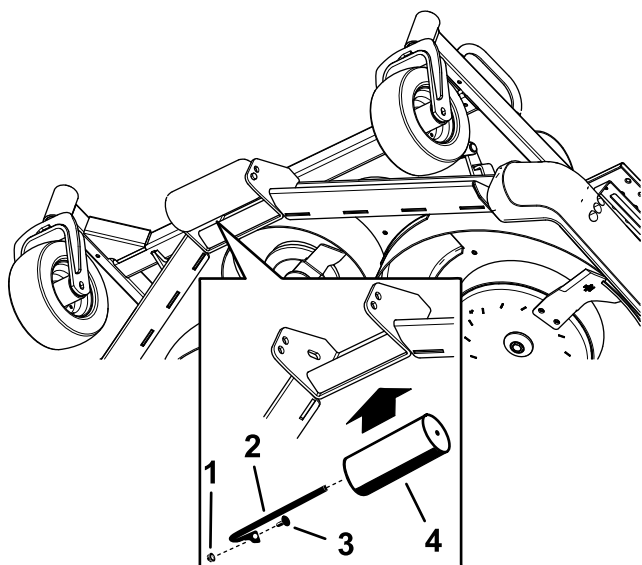


Hình 30

g215276

- | | |
|-----------------|------------|
| 1. Đai ốc | 3. Bu lông |
| 2. Trục con lăn | 4. Roller |

5. Căn chỉnh con lăn với các lỗ phù hợp và lắp trực bằng bu lông và đai ốc (**Hình 31**).



Hình 31

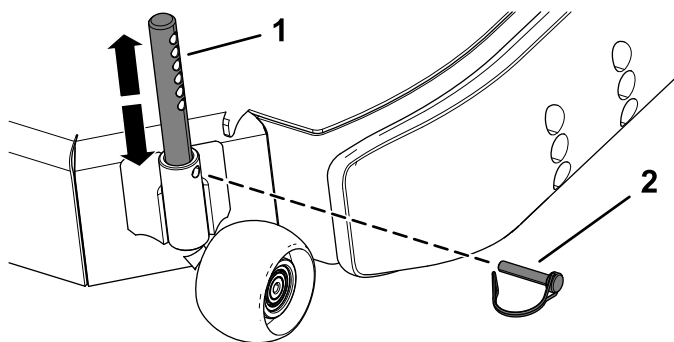
g215277

- | | |
|-----------------|------------|
| 1. Đai ốc | 3. Bu lông |
| 2. Trục con lăn | 4. Roller |

Điều chỉnh con lăn chống cắt gọn phía sau

Gắn các con lăn sao cho có khoảng sáng 19 mm ($\frac{3}{4}$ inch) so với mặt đất.

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tháo chốt khóa khỏi chốt con lăn (**Hình 32**).



Hình 32

g215336

- | | |
|-----------------|--------------|
| 1. Chốt con lăn | 2. Chốt khóa |
|-----------------|--------------|

5. Di chuyển chốt con lăn lên hoặc xuống đến vị trí mong muốn và siết chặt bằng chốt khóa (**Hình 32**).
6. Lắp lại các bước 4 và 5 ở phía bên kia và đảm bảo khớp với cài đặt của phía bên kia.

Đặt lại Chức năng PTO

Lưu ý: Nếu bạn rời khỏi ghế của người vận hành trong khi công tắc PTO ở vị trí BẬT, máy sẽ tự động tắt động cơ.

Thực hiện như sau để thiết lập lại chức năng PTO:

1. Đẩy nút công tắc PTO vào.
2. Xoay chìa khóa đến vị trí TẮT.
3. Xoay chìa khóa đến vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ, sau đó khởi động động cơ.
4. Kéo nút công tắc PTO ra.

Lời khuyên về Vận hành

- Thực hành lái trước khi vận hành máy, bởi vì máy có bộ phận truyền động thủy tĩnh và các đặc điểm của máy khác với một số máy bảo dưỡng cỏ.
- Để duy trì đủ năng lượng cho máy và mâm cắt trong khi cắt cỏ, hãy điều chỉnh bàn đạp kéo để giữ cho tốc độ động cơ (vòng/phút) ở mức cao và không đổi. Giảm tốc độ trên mặt đất khi tải trọng trên lưỡi cắt tăng lên; tăng tốc độ trên mặt đất khi tải trên lưỡi dao giảm. Điều này cho phép động cơ, khi làm việc với bộ phận truyền động, cảm nhận được tốc độ trên mặt đất phù hợp trong khi duy trì tốc độ đầu lưỡi ở mức cao, cần thiết để đạt chất lượng cắt tốt. Do đó, hãy để bàn đạp kéo di chuyển lên trên khi tốc độ động cơ giảm, và nhấn bàn đạp từ từ khi tốc độ tăng. Khi lái xe từ khu vực làm việc này sang khu vực làm việc khác (không có tải và mâm cắt được nâng lên), hãy đặt van tiết lưu ở vị trí NHANH và nhấn bàn đạp kéo từ từ nhưng hết cỡ để đạt được tốc độ trên mặt đất tối đa.
- Trước khi tắt động cơ, di chuyển tất cả các nút điều khiển đến vị trí SỎ MÒ và di chuyển van tiết lưu đến vị trí CHẠM. Xoay công tắc chìa khóa đến vị trí TẮT để tắt động cơ.
- Động cơ không chạy khi chất làm mát động cơ ở tình trạng quá nhiệt. Để động cơ và hệ thống làm mát nguội, và kiểm tra hệ thống làm mát; tham khảo [Kiểm tra Hệ thống Làm mát và Mức Chất làm mát \(trang 66\)](#).
- Điều quan trọng là phải mang theo chìa vận đầu ống có cần nối dài 100 mm và lỗ vận 17 mm khi vận hành máy. Sử dụng chìa vận đầu ống để mở van rẽ nhánh nếu bạn cần đẩy hoặc kéo máy.

Sau khi Vận hành

Thông báo tổng quát về vấn đề an toàn

- Tắt động cơ, rút chìa khóa, và chờ máy dừng mọi chuyển động trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành. Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cất giữ.
- Để giúp ngăn ngừa hỏa hoạn, hãy đảm bảo dao cắt, bộ phận truyền động, bộ triệt tiếng ồn, màn làm mát và khoang động cơ không có cỏ và mảnh vụn tích tụ. Làm sạch dầu hoặc nhiên liệu bị tràn.
- Nếu các dao xoắn cắt đang ở vị trí vận chuyển, hãy sử dụng khóa cơ dương (nếu có) trước khi bạn để máy không được giám sát.
- Để động cơ nguội trước khi cất máy vào bất kỳ hộp vỏ nào.
- Rút chìa khóa và ngắt nhiên liệu (nếu được trang bị) trước khi cất hoặc vận chuyển máy.
- Không bao giờ cất giữ máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có ngọn lửa trần, tia lửa hoặc lửa cháy nhỏ, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc trên thiết bị khác.
- Bảo trì và làm sạch (các) dây đai an toàn khi cần thiết

Đẩy hoặc Kéo Máy

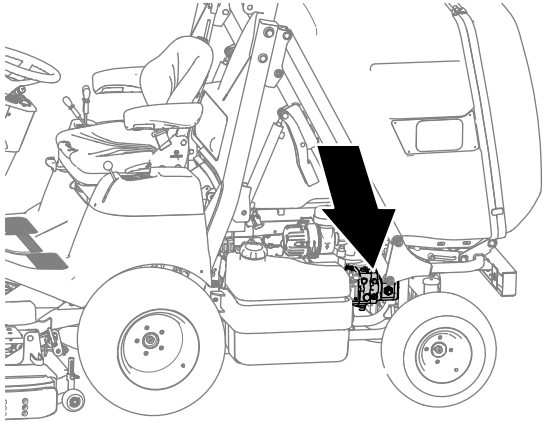
Công cụ do người vận hành cung cấp: chìa vận đầu ống với lỗ vận 17 mm và cần nối dài 100 mm.

Trong trường hợp khẩn cấp, bạn có thể kéo máy trong một khoảng cách rất ngắn. Tuy nhiên, Toro không khuyến nghị đây là quy trình tiêu chuẩn.

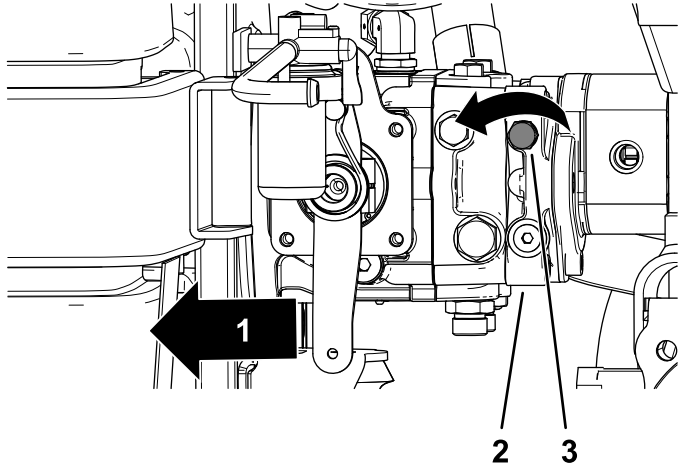
Quan trọng: Đẩy hoặc kéo máy nhanh hơn 3 đến 5 km/h (2 đến 3 mph) có thể làm hỏng bộ phận truyền động. Nếu bạn phải di chuyển máy trong một khoảng cách dài, hãy vận chuyển máy trên xe tải hoặc xe moóc. Bất cứ khi nào bạn đẩy hoặc kéo máy, hãy mở van rẽ nhánh.

Mở Van Rẽ nhánh trên Máy bơm Thủy lực để Đẩy hoặc Kéo Máy

1. Xác định vị trí nút điều khiển đối với van rẽ nhánh ở phía bên trái của máy bơm thủy lực (Hình 33).



g231794



g215176

Hình 33

1. Phía trước máy
2. Bơm thủy lực
3. Nút điều khiển (van rẽ nhánh)

2. Sử dụng chìa vặn đầu ống với lỗ vặn 17 mm để xoay nút điều khiển 3 vòng ngược chiều kim đồng hồ (Hình 33).

Quan trọng: Không xoay nút điều khiển quá 3 vòng.

Đóng Van Rẽ nhánh trên Máy bơm Thủy lực để Vận hành Máy

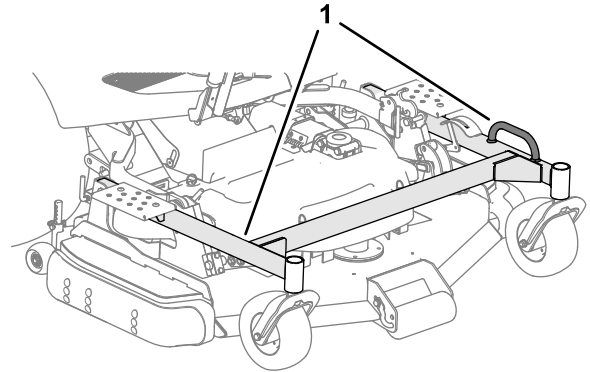
1. Xác định vị trí nút điều khiển đối với van rẽ nhánh ở phía bên trái của máy bơm thủy lực (Hình 33).
2. Sử dụng chìa vặn đầu ống với lỗ vặn 17 mm để xoay nút điều khiển (Hình 33) theo chiều kim đồng hồ cho đến khi bạn cảm thấy lực cản (van rẽ nhánh đóng).

Vận chuyển Máy

- Cẩn thận khi chất hoặc dỡ máy vào xe moóc hoặc xe tải.
- Sử dụng dốc có chiều rộng đầy đủ để chất máy vào xe moóc hoặc xe tải.
- Trước khi buộc máy, hãy hạ hoàn toàn mâm cắt.
- Buộc chặt máy vào phương tiện vận chuyển bằng dây đeo, dây xích, dây cáp hoặc dây thừng. Căn chỉnh cả hai dây đeo phía trước và phía sau theo hướng xuống và hướng ra ngoài máy.

Buộc Phía trước của Máy

Luồn dây buộc quanh các góc của khung vận chuyển hoặc sử dụng các vành neo nếu được cung cấp. (Hình 34 và Hình 35).

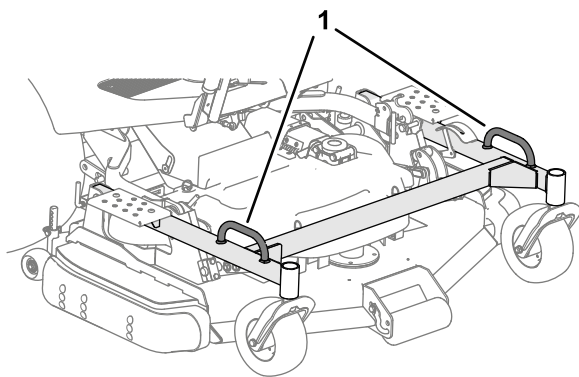


g231805

Hình 34

Máy có 1 vành neo trên khung vận chuyển

1. Vị trí buộc phía trước



g231806

Hình 35

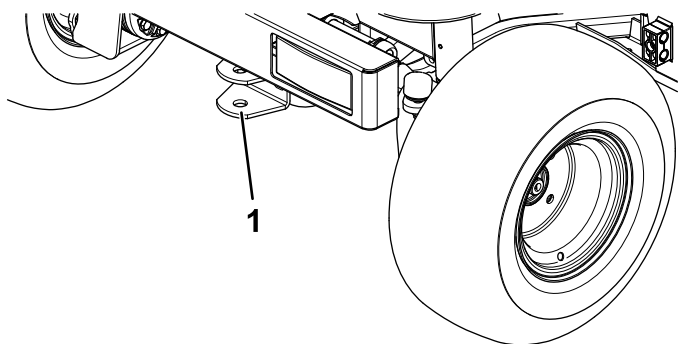
Máy có 2 vành neo trên khung vận chuyển

1. Vị trí vòng buộc phía trước

Buộc Phía sau của Máy

Máy không có vành neo phía sau

Lắp bu lông hoặc chốt thanh kéo vào cầu móc và sử dụng làm điểm buộc phía sau (Hình 36).



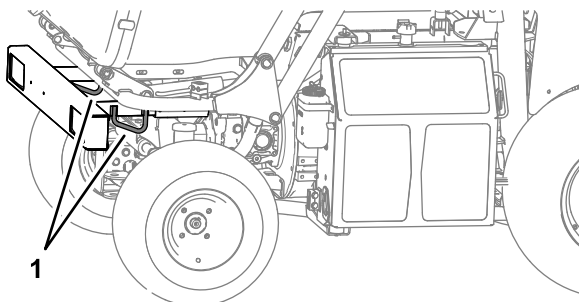
g217861

Hình 36

Buộc Phía sau của Máy

Máy có vành neo phía sau

Siết chặt phía sau của máy tại 2 vành neo ở giảm chấn phía sau (Hình 37).



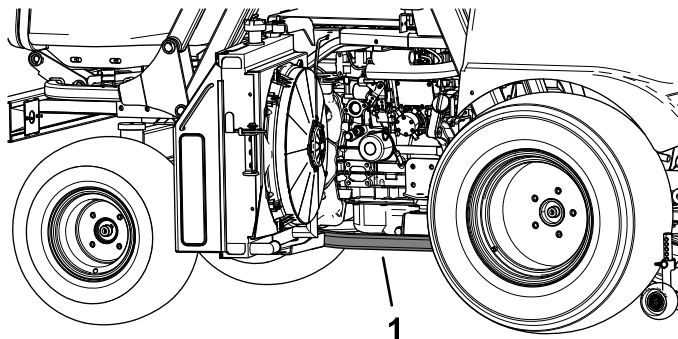
g231807

Hình 37

1. Vị trí vành neo phía sau

Kích Phía trước, Bên phải và Phía trước, Bên trái của Máy

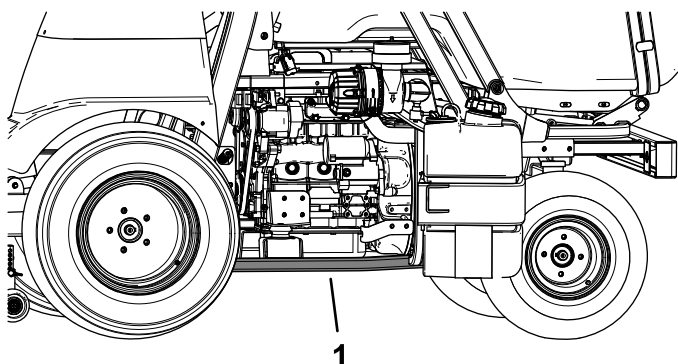
1. Xoay bộ tản nhiệt hoặc bình nhiên liệu ra ngoài; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải \(trang 53\)](#) hoặc [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên trái \(trang 53\)](#).
2. Đặt kích dưới ống khung (Hình 38 và Hình 39), ngay dưới ống ROPS, hoặc càng gần càng tốt.



g224454

Hình 38

1. Ống khung ở phía bên phải của máy



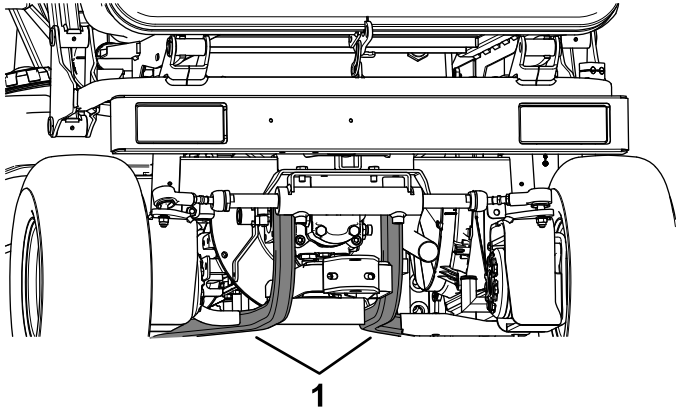
g224455

Hình 39

1. Ống khung ở phía bên trái của máy

Kích Phía sau của Máy

Kích phía sau, bên trái hoặc phía sau, bên phải của máy bằng cách sử dụng các điểm kích được minh họa trong [Hình 40](#).



g224613

Hình 40

1. Điểm kích phía sau
-

Bảo trì

Lưu ý: Tải xuống bản sao miễn phí của sơ đồ phần điện hoặc thủy lực bằng cách truy cập www.Toro.com và tìm kiếm máy của bạn từ liên kết HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG trên trang chủ.

Quan trọng: Tham khảo hướng dẫn sử dụng động cơ để biết thêm các quy trình bảo trì.

⚠ THẬN TRỌNG

Nếu bạn để chìa khóa trong công tắc, ai đó có thể vô tình khởi động động cơ và gây chấn thương nghiêm trọng cho bạn hoặc những người xung quanh khác.

Rút chìa khóa khỏi công tắc trước khi bạn thực hiện bất kỳ hoạt động bảo trì nào.

(Các) Lịch trình Bảo trì Khuyến nghị

Khoảng thời gian Dịch vụ Bảo trì	Quy trình Bảo trì
Sau giờ đầu tiên	Tạo mômen xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe.
Sau 10 giờ đầu tiên	- Tạo mômen xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe. - Kiểm tra và điều chỉnh phanh sửa chữa. - Kiểm tra độ căng của dây đai máy dao điện. - Kiểm tra độ căng của dây đai PTO.
Sau 50 giờ đầu tiên	- Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu động cơ. - Kiểm tra và điều chỉnh phanh sửa chữa. - Kiểm tra độ căng của dây đai PTO. - Thay dầu trong hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ. - Kiểm tra độ căng dây đai mâm cắt máy cắt cỏ.
Sau 500 giờ đầu tiên	Thay chất lỏng thủy lực.
Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày	- Kiểm tra áp suất khí trong lốp xe. - Kiểm tra hệ thống khóa liên động an toàn khi quay động cơ. - Kiểm tra hệ thống khóa liên động an toàn khi tắt. - Kiểm tra hệ thống khóa liên động an toàn PTO. - Kiểm tra hệ thống khóa liên động an toàn khi báo động dự phòng. - Kiểm tra mức dầu động cơ. - Kiểm tra hệ thống làm mát và mức chất làm mát. - Kiểm tra mảnh vụn ở màn bộ tản nhiệt và bộ tản nhiệt. - Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực. - Kiểm tra lưỡi cắt. - Làm sạch bên dưới vỏ dây đai của mâm cắt máy cắt cỏ. - Làm sạch mâm cắt máy cắt cỏ. - Làm sạch màn thùng chứa. - Làm sạch các khe phía sau trên cửa thùng chứa.
25 giờ một lần	Kiểm tra mức chất điện phân. (Nếu máy đang được cất giữ, hãy kiểm tra 30 ngày một lần).
50 giờ một lần	- Bôi mỡ cho mâm cắt của máy cắt cỏ. - Tra mỡ cho vòng bi và ống lót. - Tháo nắp bộ lọc khí và làm sạch các mảnh vụn. Không tháo lõi lọc. - Xả nước ra khỏi bình tách nhiên liệu/nước. - Kiểm tra độ căng dây đai mâm cắt máy cắt cỏ.
100 giờ một lần	- Bôi trơn khớp trượt của trục truyền động. - Thay bộ lọc khí. Thay bộ phận của bộ lọc khí sớm hơn nếu bị bẩn hoặc bị hỏng. - Thay lõi lọc bộ lọc khí Thường xuyên hơn trong điều kiện quá nhiều bụi hoặc bẩn.

Khoảng thời gian Dịch vụ Bảo trì	Quy trình Bảo trì
200 giờ một lần	• Bôi trơn khớp nối chữ U của trục truyền động. • Tạo mômen xoắn cho đai ốc vấu ở bánh xe. • Kiểm tra căn chỉnh bánh sau. • Kiểm tra các ống mềm của hệ thống làm mát. • Kiểm tra tình trạng của dây đai máy dao điện. • Kiểm tra độ căng của dây đai máy dao điện. • Kiểm tra tình trạng và độ căng của dây đai PTO. • Điều chỉnh khe hở ly hợp PTO. • Thay bộ lọc chất lỏng thủy lực.
250 giờ một lần	• Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu động cơ.
300 giờ một lần	• Thay dầu trong hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ.
400 giờ một lần	• Xả hết và làm sạch bình nhiên liệu. • Kiểm tra đường dẫn nhiên liệu và kết nối.
500 giờ một lần	• Thay bộ lọc của bình tách nhiên liệu/nước. • Thay lõi lọc nhiên liệu về phía trước, bên phải.
1.000 giờ một lần	• Thay chất lỏng thủy lực.
1.500 giờ một lần	• Dội sạch và thay chất lỏng của hệ thống làm mát.
Cứ 1.500 giờ hay 2 năm một lần, bất kỳ khoảng thời gian nào đến trước	• Thay bất kỳ ống mềm chuyển động.

Danh sách Kiểm tra Bảo trì Hàng ngày

Sao chép trang này để sử dụng thường xuyên.

Mục Kiểm tra Bảo trì	Trong tuần:						
	Thứ Hai	Thứ Ba	Thứ Tư	Thứ Năm	Thứ Sáu	Thứ Bảy	Chủ nhật
Kiểm tra hoạt động của khóa liên động an toàn.							
Đảm bảo thanh lăn được nâng lên hoàn toàn và được khóa vào vị trí.							
Kiểm tra hoạt động của phanh.							
Kiểm tra mức nhiên liệu.							
Kiểm tra mức dầu động cơ.							
Kiểm tra mức chất lỏng của hệ thống làm mát.							
Kiểm tra chỉ báo bộ lọc khí. ¹							
Kiểm tra bộ tản nhiệt và màn xem có mảnh vụn không.							
Kiểm tra tiếng ồn bất thường của động cơ. ²							
Kiểm tra tiếng ồn bất thường của động cơ.							
Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực.							
Kiểm tra các ống mềm thủy lực xem có bị hư hỏng không.							
Kiểm tra rò rỉ chất lỏng.							
Kiểm tra áp suất lốp.							
Kiểm tra hoạt động của máy đo thiết bị.							
Kiểm tra tình trạng của các lưỡi dao.							
Bôi trơn tất cả các núm tra mỡ. ³							
Đánh lại bất kỳ lớp sơn bị hư hỏng.							
1. Nếu đèn chỉ báo phát sáng. 2. Kiểm tra bugi đốt nóng và mắt kim phun nếu bạn nhận thấy động cơ khó khởi động, tạo ra nhiều khói thải hoặc chạy không đều. 3. Ngay sau mỗi lần rửa, bắt kể khoảng cách thời gian được liệt kê.							

Quan trọng: Tham khảo hướng dẫn sử dụng động cơ để biết thêm các quy trình bảo trì.

Ký hiệu Khu vực Cần Quan tâm		
Người thực hiện kiểm tra:		
Mục	Ngày	Thông tin

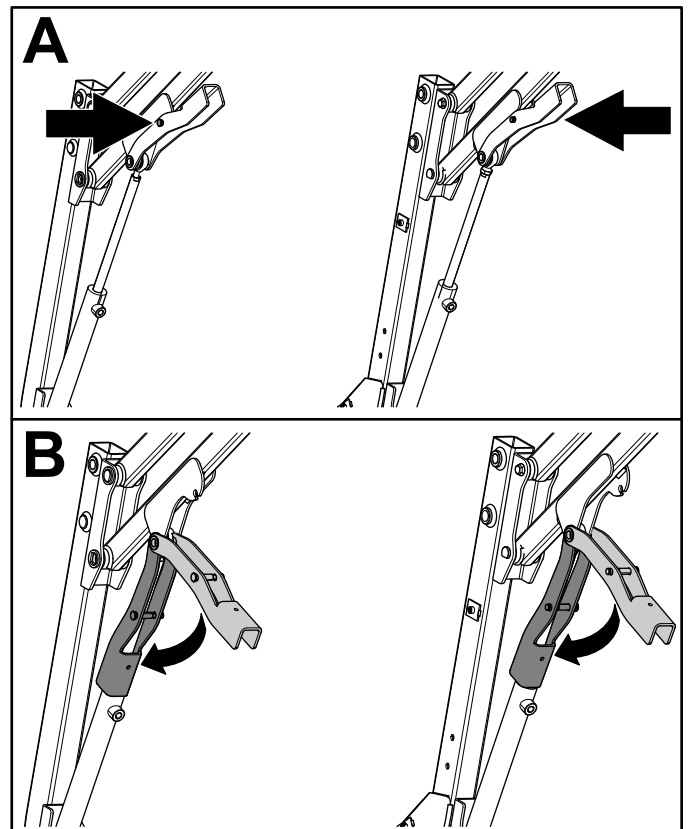
Quy trình Trước Bảo trì

An toàn Bảo trì

- Trước khi bạn rời khỏi vị trí của người vận hành, hãy thực hiện các bước sau:
 - Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
 - Tắt truyền động và hạ các bộ gá.
 - Bật phanh đỗ.
 - Tắt động cơ và rút chìa khóa.
 - Chờ cho tất cả chuyển động dừng lại.
- Mặc quần áo phù hợp, bao gồm bảo vệ mắt; quần dài và giày dép chắc chắn, chống trơn trượt. Giữ tay, chân, quần áo, đồ trang sức và tóc dài tránh xa các bộ phận chuyển động.
- Nếu bạn để chìa khóa trong công tắc, ai đó có thể vô tình khởi động động cơ và gây chấn thương nghiêm trọng cho bạn hoặc những người xung quanh khác. Rút chìa khóa khỏi công tắc trước khi bạn thực hiện bất kỳ hoạt động bảo trì nào.
- Để các bộ phận của máy nguội trước khi thực hiện bảo trì.
- Nếu các dao xoắn cắt đang ở vị trí vận chuyển, hãy sử dụng khóa cơ dương (nếu được trang bị) trước khi bạn để máy trong trạng thái không có người giám sát.
- Nếu có thể, không thực hiện bảo trì trong khi động cơ đang chạy. Không lại gần các bộ phận đang chuyển động.
- Chỉ vận hành động cơ ở những khu vực thông gió tốt. Khí thải có chứa carbon monoxide, có thể gây chết người nếu hít phải.
- Nâng đỡ máy bằng con đội kê bất cứ khi nào bạn làm việc dưới máy.
- Cẩn thận giải phóng áp suất từ các bộ phận có năng lượng dự trữ.
- Giữ tất cả các bộ phận của máy ở tình trạng hoạt động tốt và giữ chặt tất cả phần cứng, đặc biệt là phần cứng gắn lưỡi cắt lưỡi dao.
- Thay tất cả các nhãn mác bị mòn hoặc bị hỏng.
- Để đảm bảo máy hoạt động an toàn, tối ưu, chỉ sử dụng các phụ tùng thay thế chính hãng của Toro. Các phụ tùng thay thế của các nhà sản xuất khác có thể gây nguy hiểm và việc sử dụng chúng có thể làm mất hiệu lực bảo hành của sản phẩm.

Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Nâng thùng chứa lên vị trí nâng hoàn toàn; tham khảo [Nâng Thùng chứa \(trang 33\)](#).
3. Siết chặt thùng chứa bằng cách thực hiện như sau:
 - A. Đẩy chốt trên khóa an toàn từ tính vào trong ([Hình 41](#)).
 - B. Trong khi vẫn giữ chốt ở trong, hạ khóa an toàn từ tính lên trên xanh thủy lực ([Hình 41](#)).
 - C. Lặp lại các bước A và B ở phía bên kia.



g215390

Hình 41

Bôi trơn

Bôi mỡ Mâm cắt Máy cắt cỏ

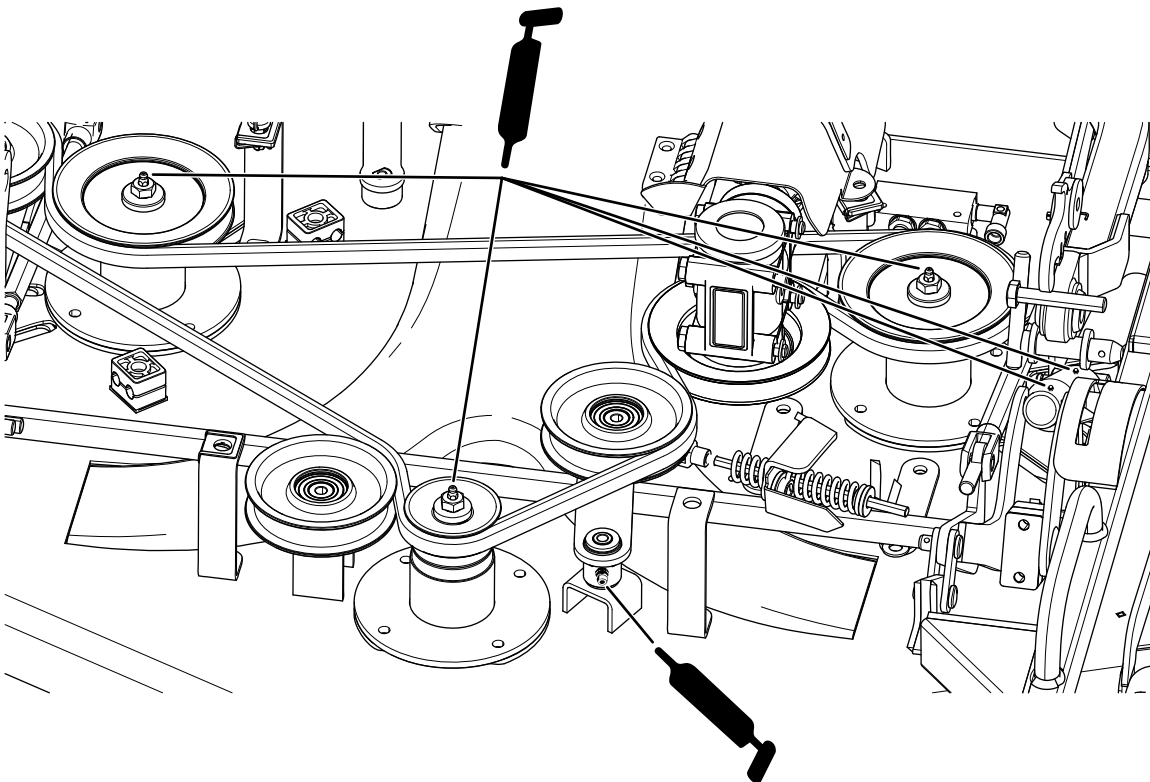
Khoảng thời gian Dịch vụ: 50 giờ một lần—Bôi mỡ cho mâm cắt của máy cắt cỏ. Khi vận hành máy trong điều kiện nhiều bụi bẩn, hãy bôi trơn mâm cắt của máy cắt cỏ hàng ngày.

Thông số kỹ thuật của mỡ: Mỡ lithium số 2

Quan trọng: Điều kiện vận hành nhiều bụi và bẩn có thể khiến bụi bẩn bám vào các vòng bi và ống lót, dẫn đến bị mài mòn nhanh hơn.

Lưu ý: Bôi trơn các núm tra mỡ ngay sau mỗi lần rửa, bất kể khoảng cách thời gian quy định.

1. Tháo vỏ dây đai; tham khảo [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).
2. Lau sạch núm tra mỡ để các mảnh vụn không bị ép vào vòng bi hoặc ống lót.
3. Bơm mỡ vào vòng bi hoặc ống lót.
4. Lau sạch mỡ thừa.
5. Lắp vỏ dây đai; tham khảo [Lắp Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).



Hình 42

g224587

Bôi mỡ cho Vòng bi và Ống lót

Khoảng thời gian Dịch vụ: 50 giờ một lần—Tra mỡ cho vòng bi và ống lót. Khi vận hành máy trong điều kiện nhiều bụi bẩn, hãy bôi trơn vòng bi và ống lót hàng ngày.

Thông số kỹ thuật của mỡ: Mỡ lithium số 2

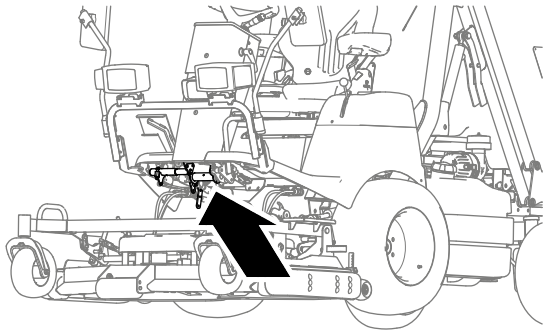
Quan trọng: Điều kiện vận hành nhiều bụi và bẩn có thể khiến bụi bẩn bám vào các vòng bi và ống lót, dẫn đến bị mài mòn nhanh hơn.

Lưu ý: Bôi trơn các núm tra mỡ ngay sau mỗi lần rửa, bất kể khoảng cách thời gian quy định.

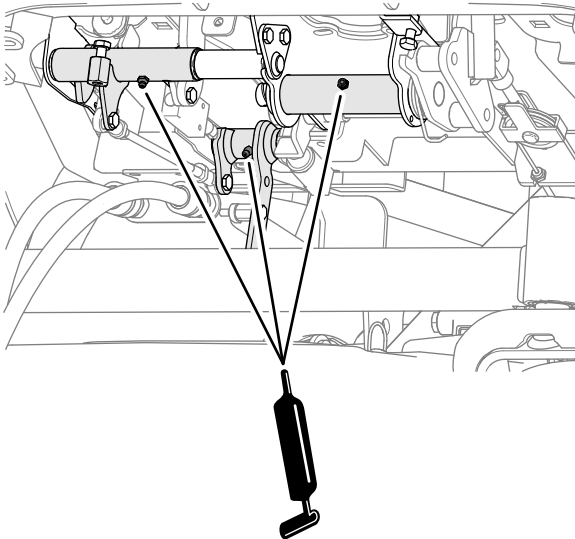
1. Lau sạch núm tra mỡ để các mảnh vụn không bị ép vào vòng bi hoặc ống lót.
2. Bơm mỡ vào vòng bi hoặc ống lót.
3. Lau sạch mỡ thừa.

Các điểm bôi trơn vòng bi và ống lót như sau:

- Ống lót trục bàn đạp phanh và bàn đạp kéo (Hình 43)



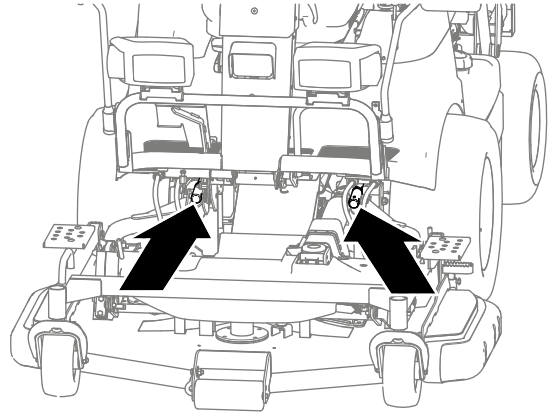
g236053



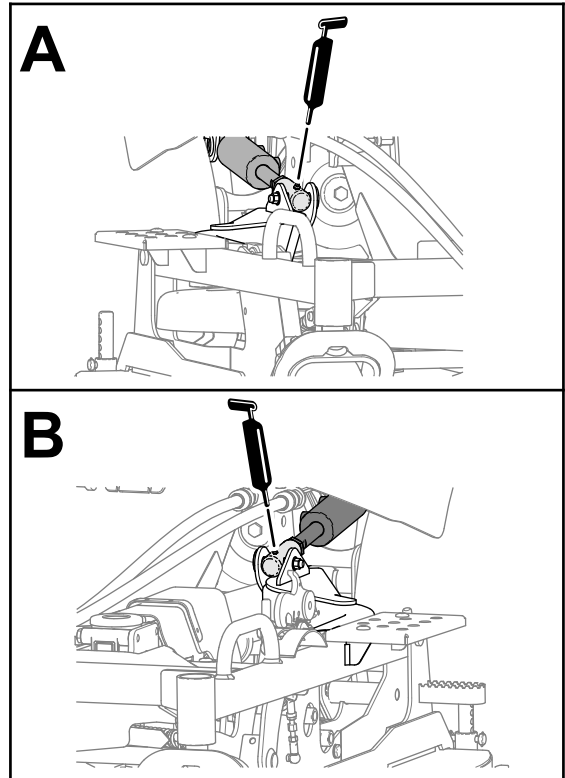
g236026

Hình 43

- Ống nối thanh cho xi lanh nâng mâm cắt (Hình 44).



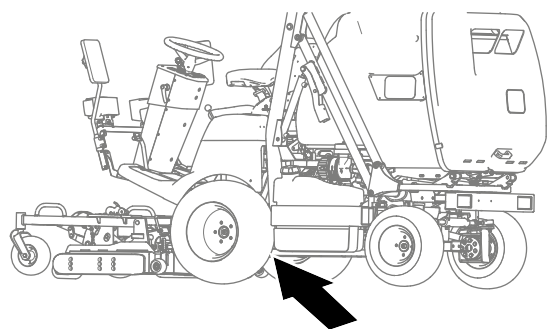
g236051



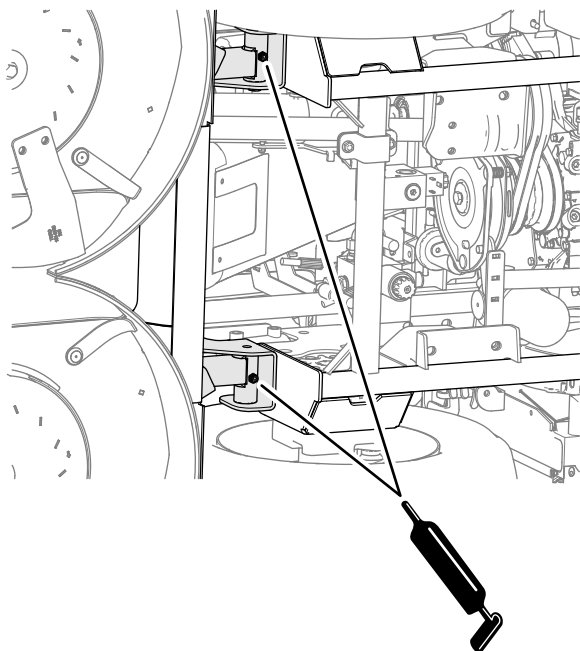
g235949

Hình 44

- Các điểm trục của cánh tay nâng mâm cắt (Hình 45)



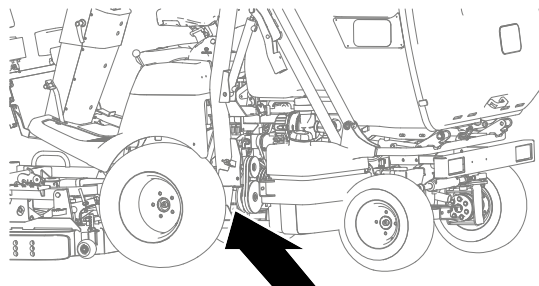
g236050



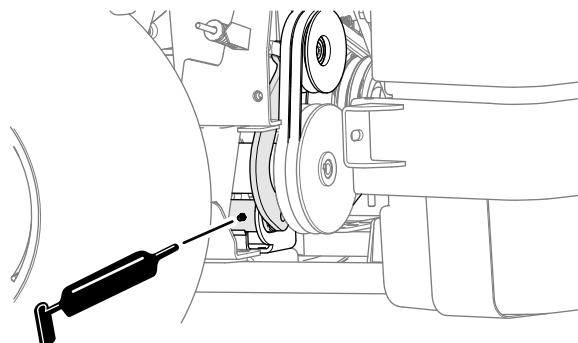
Hình 45

g235947

- Khung ròng rọc cần căng PTO (Hình 46)



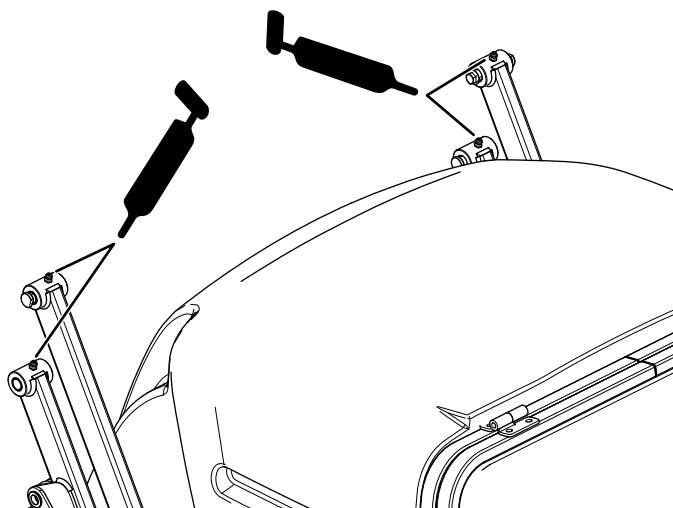
g235950



g235951

Hình 46

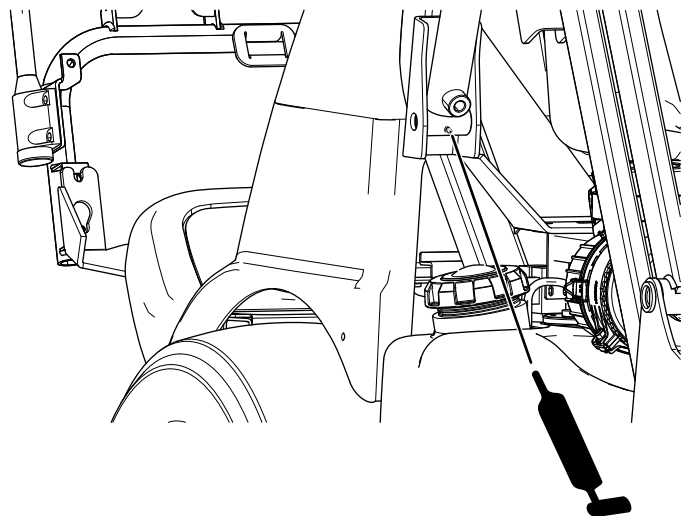
- Tay đòn thùng chứa—trên (Hình 47)



g214732

Hình 47

- Tay đòn thùng chứa—dưới, phía trước (Hình 48)

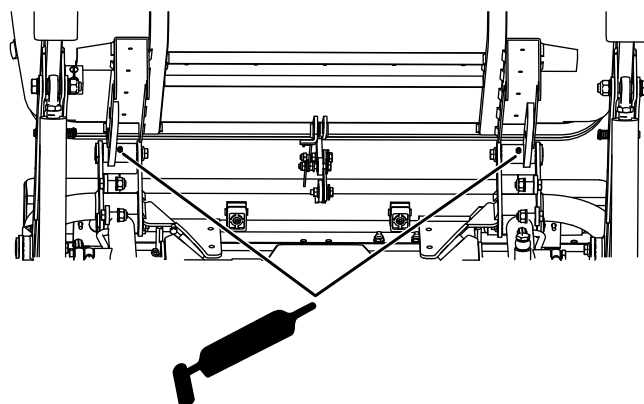


Hình 48

Mình họa phía bên trái; lắp lại ở phía bên kia

g215132

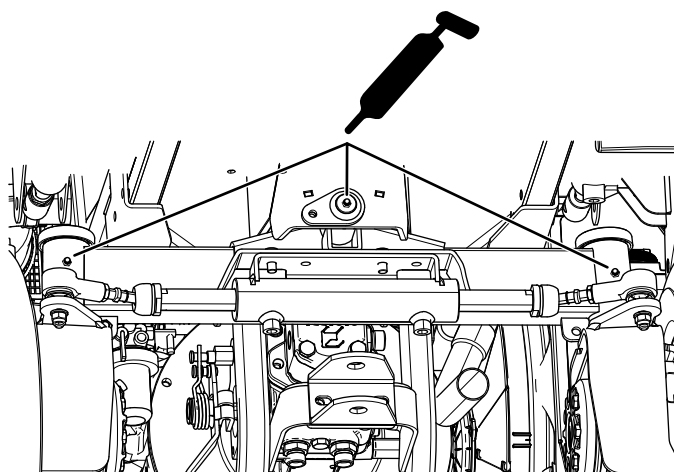
- Trục thùng chứa dưới thùng chứa (Hình 50)



Hình 50

g318013

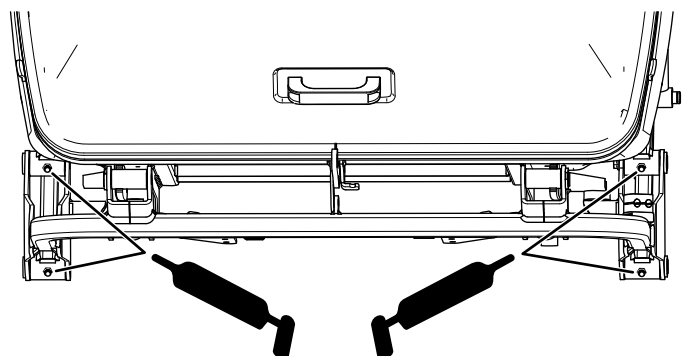
- Điểm trục lái (Hình 51)



Hình 51

g215063

- Tay đòn thùng chứa—dưới, phía sau (Hình 49)



Hình 49

g215064

Bôi trơn Khớp nối chữ U của Trục truyền động

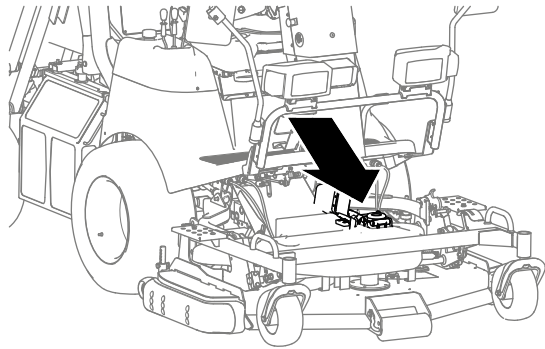
Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần—Bôi trơn khớp nối chữ U của trục truyền động.

Thông số kỹ thuật của mỡ: Mỡ lithium số 2

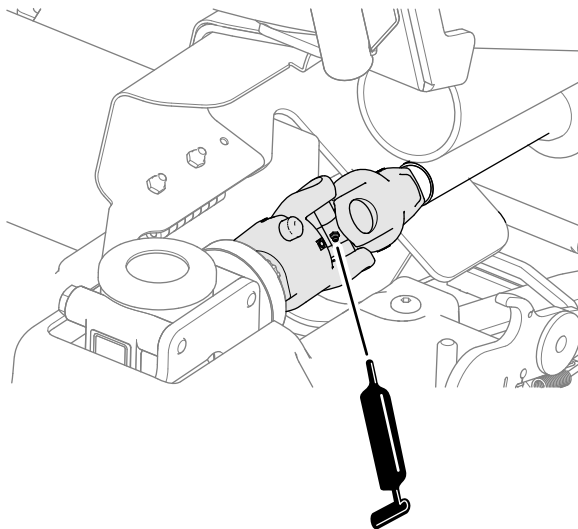
Quan trọng: Điều kiện vận hành nhiều bụi và bẩn có thể khiến bụi bẩn bám vào các vòng bi và ống lót, dẫn đến bị mài mòn nhanh hơn.

Lưu ý: Bôi trơn các núm tra mỡ ngay sau mỗi lần rửa, bất kể khoảng cách thời gian quy định.

1. Lau sạch núm tra mỡ để các mảnh vụn không bị ép vào vòng bi hoặc ống lót.
 2. Bơm mỡ vào vòng bi hoặc ống lót.
 3. Lau sạch mỡ thừa.
- Khớp nối chữ U phía trước của trục truyền động ở hộp số của máy cắt cỏ ([Hình 52](#)).



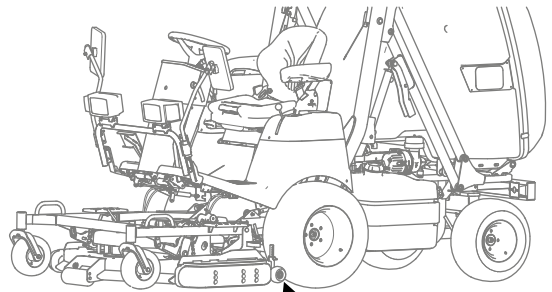
g236049



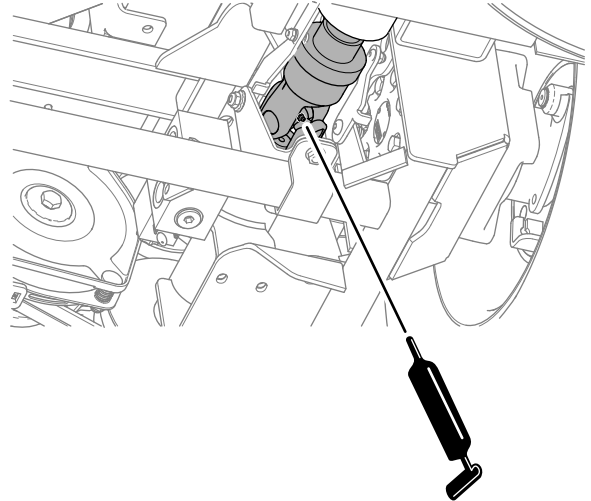
g235948

Hình 52

- Khớp nối chữ U phía sau của trục truyền động ở PTO ([Hình 53](#)).



g236052



g235952

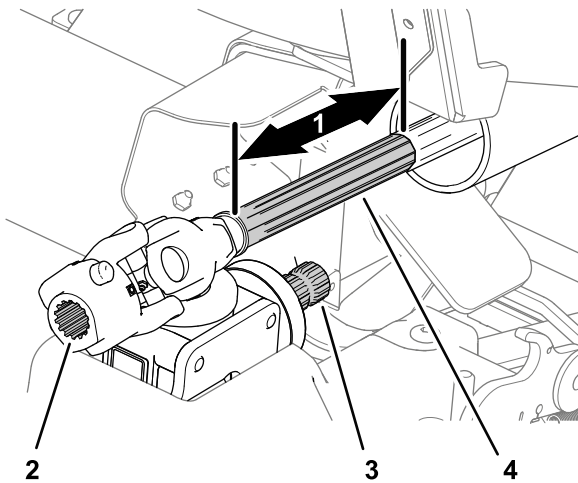
Hình 53

Bôi trơn Khớp Trượt của Trục truyền động

Khoảng thời gian Dịch vụ: 100 giờ một lần—Bôi trơn khớp trượt của trục truyền động.

Thông số kỹ thuật bôi trơn: hợp chất chống kẹt

1. Ngắt kết nối trục truyền động khỏi hộp số của máy cắt cỏ; tham khảo [Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).
2. Kéo nửa trước của trục truyền động ([Hình 54](#)) về phía trước khoảng 25 cm (10 inch).



Hình 54

g235766

- | | |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 1. 25 cm (10 inches) | 3. Rãnh then (trục hộp số) |
| 2. Rãnh then (khớp nối chữ U) | 4. Rãnh then (trục truyền động) |

3. Lau sạch các rãnh then của trục hộp số và các rãnh then của trục truyền động ([Hình 54](#)).
4. Lau sạch bề mặt trượt của trục truyền động phía trước ([Hình 54](#)).
5. Bôi hợp chất chống kẹt vào các rãnh then của trục hộp số và khớp nối chữ U ([Hình 54](#)).
6. Bôi chất chống kẹt lên bề mặt trượt của trục truyền động phía trước ([Hình 54](#)).
7. Di chuyển nửa trước của trục truyền động về phía sau để căn chỉnh khớp nối chữ U với trục hộp số.
8. Lau sạch hợp chất chống kẹt dư thừa ra khỏi trục truyền động.
9. Kết nối trục truyền động với hộp số máy cắt cỏ; tham khảo [Kết nối Trục truyền động với Hộp số Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).

Bảo trì Động cơ

An toàn Động cơ

- Tắt động cơ và rút chìa khóa trước khi kiểm tra dầu hoặc đổ thêm dầu vào cacte.
- Không thay đổi tốc độ bộ điều khiển hoặc chạy quá tốc độ của động cơ.

Tiếp cận Động cơ

Xoay Thùng chứa Thủ công

Quan trọng: Sử dụng quy trình này để tiếp cận động cơ khi động cơ không chạy.

Lưu ý: Nếu có cỏ trong thùng chứa khi bạn xoay thủ công, cỏ sẽ tràn ra ngoài.

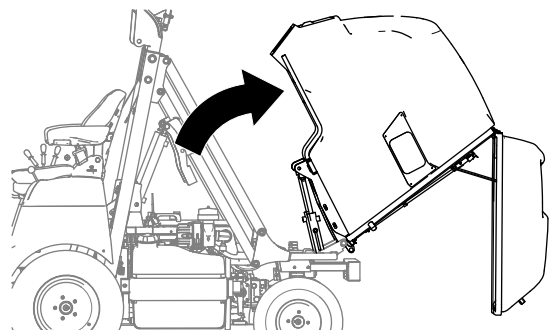
1. Nhờ một người khác kéo về phía sau và giữ cần đỡ thùng chứa ([Hình 55](#)).



Hình 55

g231808

2. Xoay thùng chứa lên và quay lại ([Hình 56](#)) bằng tay.

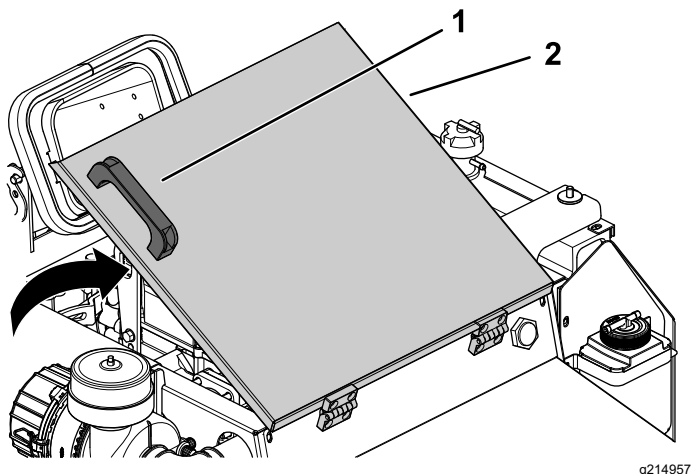


Hình 56

g231809

Tiếp cận Động cơ từ Nắp Tiếp cận Động cơ

1. Nâng thùng chứa lên vị trí nâng hoàn toàn và siết chặt bằng khóa an toàn từ tính; tham khảo [Nâng Thùng chứa \(trang 33\)](#) và [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).
2. Sử dụng tay cầm trên nắp tiếp cận động cơ để nâng nắp lên để tiếp cận động cơ ([Hình 57](#)).



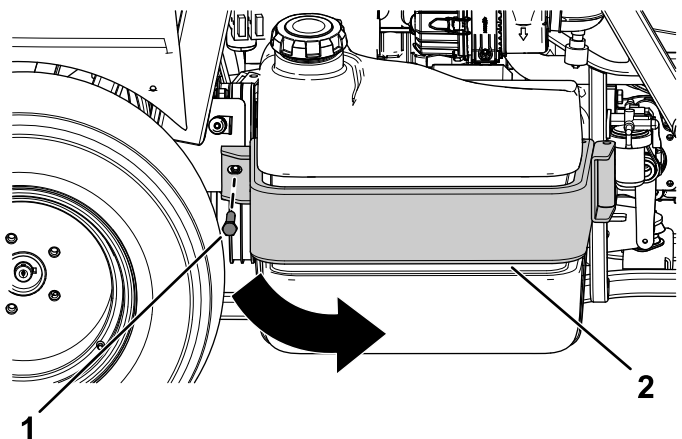
Hình 57

1. Tay cầm
2. Nắp tiếp cận động cơ

Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên trái

Tháo bu lông ra khỏi phía bên trái của giá đỡ bình nhiên liệu và xoay bình nhiên liệu sang phải để tiếp cận động cơ ([Hình 59](#)).

Lưu ý: Để xoay bình nhiên liệu ra hoàn toàn, hãy xoay tay lái sang phải đến vị trí đã khóa hoàn toàn.

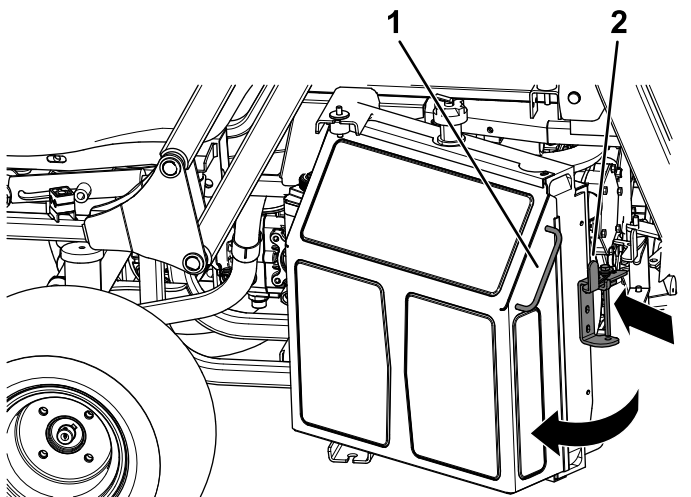


Hình 59

1. Bu lông
2. Giá đỡ bình nhiên liệu

Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải

1. Đẩy chốt trên bộ tản nhiệt vào trong về phía bộ tản nhiệt ([Hình 58](#)).
2. Sử dụng tay cầm ở phía bộ tản nhiệt để xoay bộ tản nhiệt nhằm tiếp cận động cơ ([Hình 58](#)).



Hình 58

1. Tay cầm
2. Chốt

Bảo dưỡng Bộ lọc Khí

Khoảng thời gian Dịch vụ: 100 giờ một lần—Thay bộ lọc khí. Thay bộ phận của bộ lọc khí sớm hơn nếu bị bẩn hoặc bị hỏng.

Lưu ý: Thay bộ lọc khí thường xuyên hơn (vài giờ một lần) nếu hoạt động trong điều kiện có quá nhiều bụi hoặc cát.

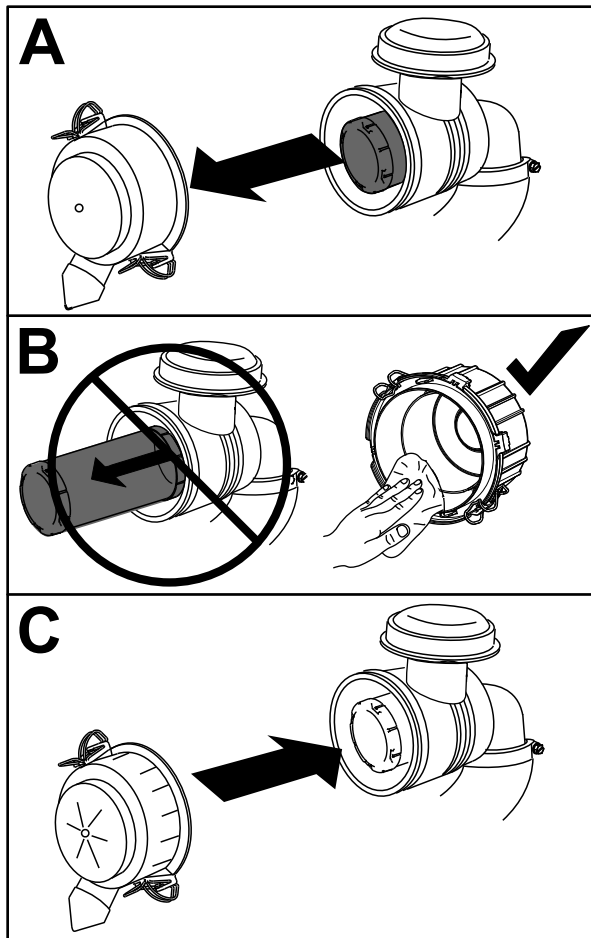
Làm sạch Nắp Bộ lọc Khí

Khoảng thời gian Dịch vụ: 50 giờ một lần—Tháo nắp bộ lọc khí và làm sạch các mảnh vụn. Không tháo lõi lọc.

Lưu ý: Không sử dụng khí nén để làm sạch nắp hoặc (các) bộ lọc gió.

Kiểm tra thân của bộ lọc khí xem có hư hỏng có thể gây ra rò rỉ khí không. Thay thân của bộ lọc khí bị hỏng.

Làm sạch nắp bộ lọc khí như được minh họa trong [Hình 60](#).



Hình 60

g216811

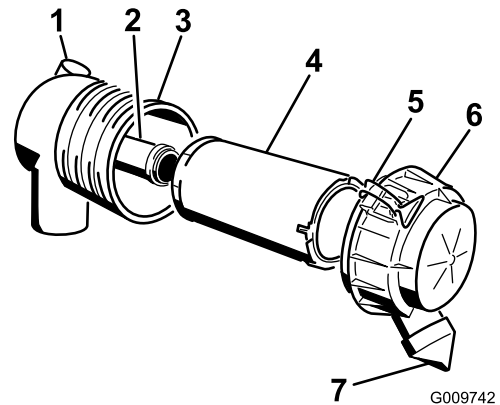
Bảo dưỡng Lõi lọc Bộ lọc Khí

Khoảng thời gian Dịch vụ: 100 giờ một lần—Thay lõi lọc bộ lọc khí Thường xuyên hơn trong điều kiện quá nhiều bụi hoặc bẩn.

1. Nhẹ nhàng trượt bộ lọc sơ cấp ra khỏi thân của bộ lọc khí ([Hình 61](#)).

Lưu ý: Tránh gõ vào mặt bên thân của bộ lọc.

Quan trọng: Không cố gắng làm sạch lõi lọc sơ cấp.



G009742

g009742

Hình 61

- | | |
|---------------------------------|-------------------|
| 1. Chỉ báo bảo dưỡng bộ lọc khí | 5. Chốt |
| 2. Bộ lọc an toàn | 6. Nắp bộ lọc khí |
| 3. Thân bộ lọc khí | 7. Nắp chắn bụi |
| 4. Bộ lọc sơ cấp | |

2. Tháo bộ lọc an toàn (nếu được trang bị).

Lưu ý: Chỉ tháo bộ lọc an toàn nếu bạn định thay thế.

Quan trọng: Tuyệt đối không cố gắng làm sạch bộ lọc an toàn. Nếu bộ lọc an toàn bị bẩn nghiêm trọng là bộ lọc sơ cấp bị hỏng, bạn nên thay cả hai bộ lọc.

3. Kiểm tra hư hỏng của bộ lọc mới bằng cách nhìn vào bên trong bộ lọc trong khi chiếu đèn sáng ở bên ngoài bộ lọc.

Lưu ý: Các lỗ trong bộ lọc xuất hiện dưới dạng điểm sáng. Kiểm tra bộ phận mới xem có bị rách, dính màng dầu, hoặc bị hỏng phốt dầu cao su không. Nếu bộ lọc bị hỏng, không sử dụng bộ lọc đó nữa.

4. Nếu bạn sẽ thay bộ lọc an toàn, hãy cẩn thận trượt bộ lọc mới vào thân bộ lọc ([Hình 61](#)).

Quan trọng: Để tránh làm hỏng động cơ, hãy luôn vận hành động cơ khi đã lắp cả bộ lọc khí và nắp.

5. Cần thận trọng bộ lọc sơ cấp mới lên trên bộ lọc an toàn và đảm bảo bộ lọc đã được đặt vào hoàn toàn bằng cách đẩy vào vành ngoài của bộ lọc trong khi lắp.

Quan trọng: Không nhấn vào vùng mềm bên trong của bộ lọc.

6. Lắp nắp bộ lọc khí với mặt được chỉ định là “UP (LÊN)” hướng lên trên và siết chặt các chốt (Hình 61).

Bảo dưỡng Dầu Động cơ

Động cơ vận chuyển với dầu trong cacte.

Dung tích cacte: xấp xỉ 3,4 L (3,6 US qt) với bộ lọc.

Thông số kỹ thuật của dầu động cơ:

- **Loại dầu động cơ**— Mức Phân loại API Bắt buộc: CH-4, CI-4 trở lên.
- **Độ nhớt của dầu động cơ**
 - Dầu ưu tiên: SAE 15W-40 (trên 0°F)
 - Dầu thay thế: SAE 10W-30 hoặc 5W-30 (mọi nhiệt độ)

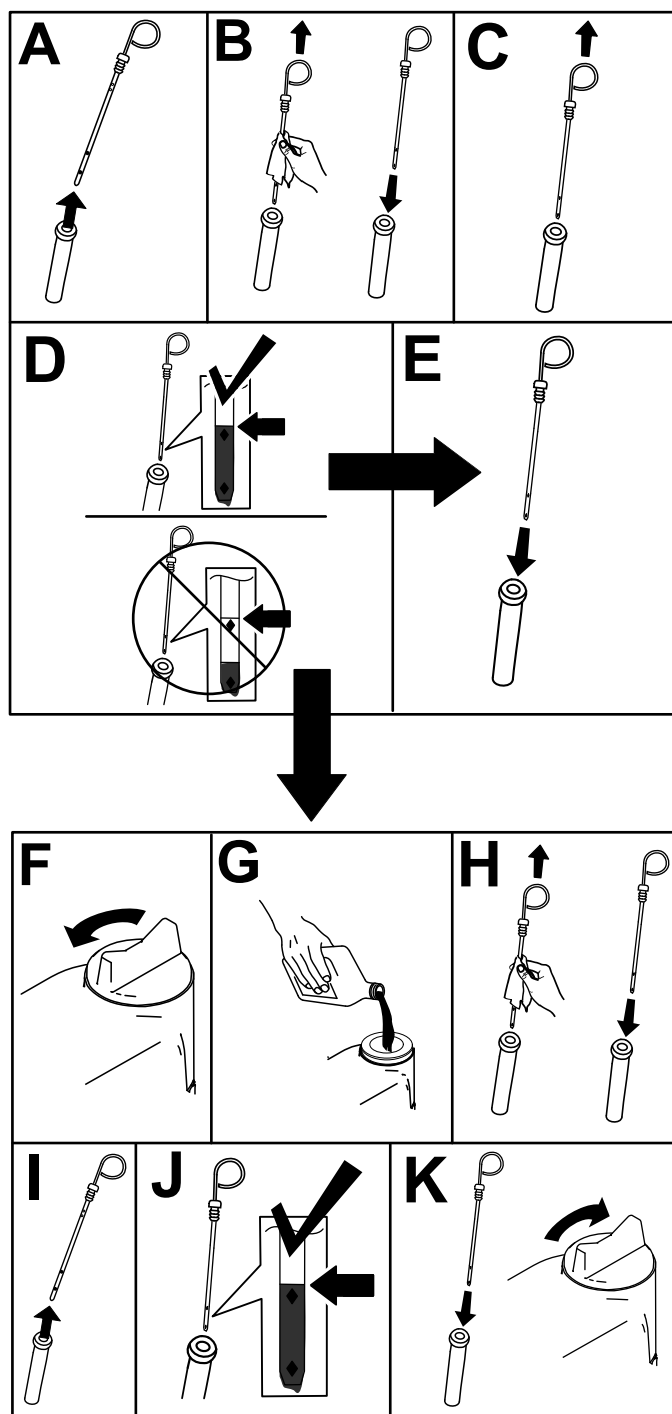
Lưu ý: Dầu Động cơ Cao cấp Toro được cung cấp từ nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn với độ nhớt 15W-40 hoặc 10W-30. Xem danh mục bộ phận để biết số bộ phận.

Kiểm tra Mức Dầu Động cơ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày—Kiểm tra mức dầu động cơ. Kiểm tra mức dầu động cơ trước khi khởi động động cơ lần đầu và hàng ngày sau đó.

Lưu ý: Thời điểm tốt nhất để kiểm tra dầu động cơ là khi động cơ nguội trước khi khởi động trong ngày. Nếu bạn đã chạy động cơ, hãy để dầu chảy ngược xuống bình hứng dầu ít nhất trong 10 phút trước khi kiểm tra. Nếu mức dầu bằng hoặc thấp hơn vạch thấp trên que thăm, hãy đổ thêm dầu để đưa mức dầu về vạch cao. Đừng đổ quá đầy. Nếu mức dầu nằm giữa vạch cao và thấp, bạn không cần đổ thêm dầu.

Kiểm tra mức dầu động cơ như được minh họa trong Hình 62.



Hình 62

g215447

Thay Dầu Động cơ và Bộ lọc

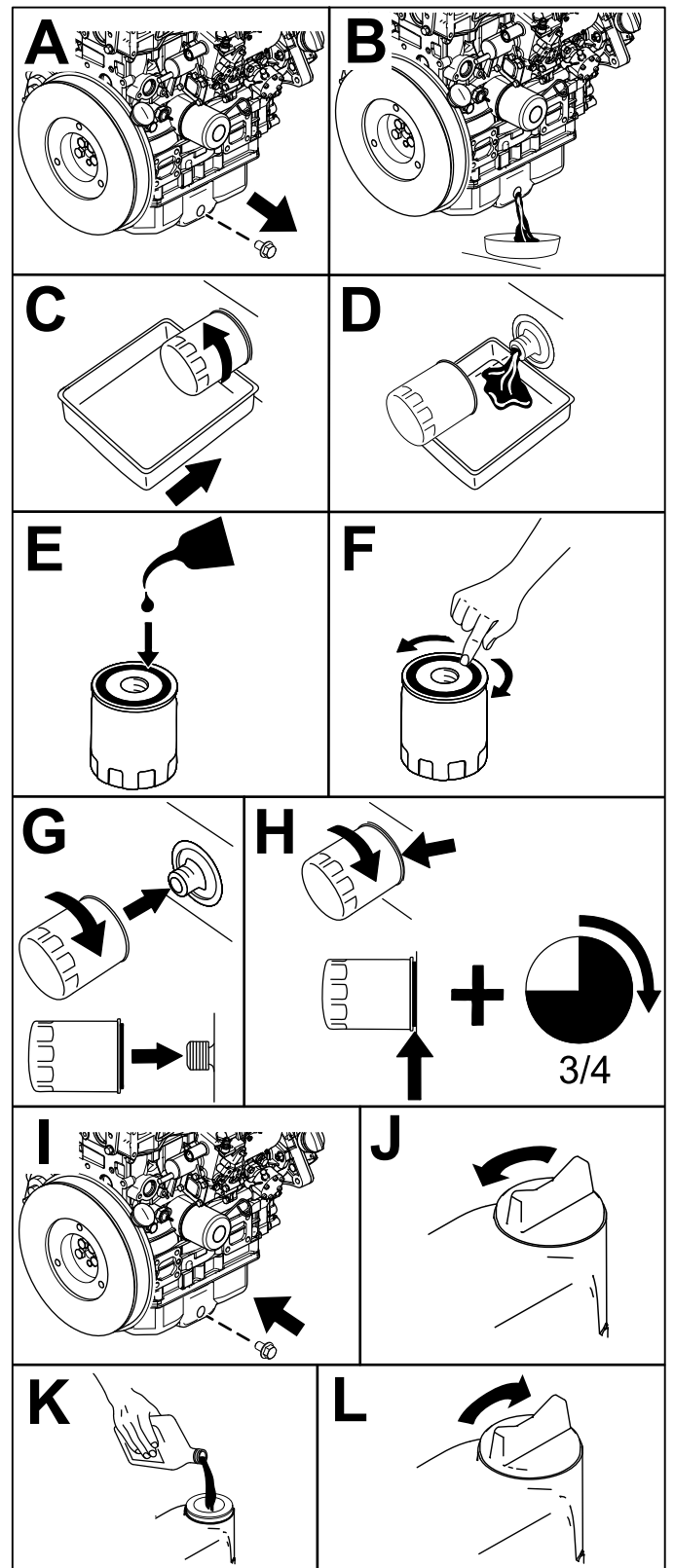
Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 50 giờ đầu tiên

250 giờ một lần

Lưu ý: Thay dầu động cơ và bộ lọc thường xuyên hơn khi điều kiện vận hành có quá nhiều bụi hoặc nhiều cát.

1. Khởi động động cơ và để động cơ chạy 5 phút để cho dầu nóng lên.
2. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
3. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
4. Nâng và siết chặt thùng chứa, đồng thời mở nắp tiếp cận động cơ; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Nắp Tiếp cận Động cơ \(trang 53\)](#).
5. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
6. Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu động cơ như được minh họa trong [Hình 63](#).

Lưu ý: Siết chặt bộ lọc cho đến khi miếng đệm của bộ lọc dầu tiếp xúc với động cơ, sau đó vặn thêm 3/4 vòng.



Hình 63

g216819

Bảo trì Hệ thống Nhiên liệu

Lưu ý: Tham khảo [Đổ thêm Nhiên liệu \(trang 26\)](#) để biết các khuyến nghị về nhiên liệu phù hợp.

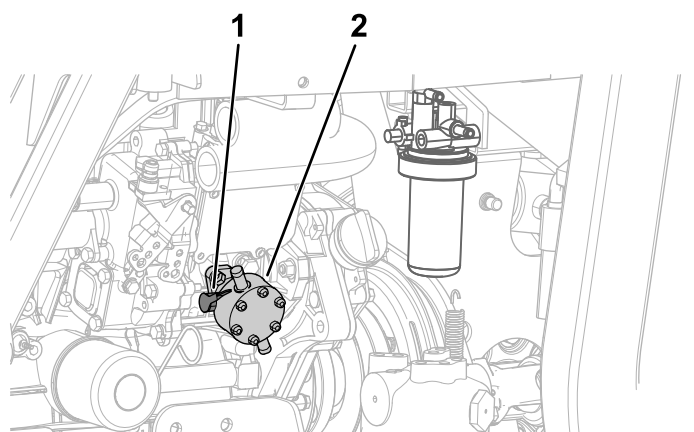
⚠ NGUY HIỂM

Trong những điều kiện nhất định, nhiên liệu diesel và hơi nhiên liệu rất dễ gây cháy và nổ. Nếu nhiên liệu cháy hoặc nổ có thể gây bỏng cho bạn và những người khác, cũng có thể gây thiệt hại về tài sản.

Tuyệt đối không hút thuốc khi xử lý nhiên liệu, và tránh xa ngọn lửa mở hoặc nơi có tia lửa có đốt cháy khói nhiên liệu.

Mỗi hệ thống nhiên liệu

Ở phía bên trái của động cơ, vận hành cần bơm nhiên liệu cho đến khi đổ đầy bát lọc nhiên liệu ([Hình 64](#)).



Hình 64

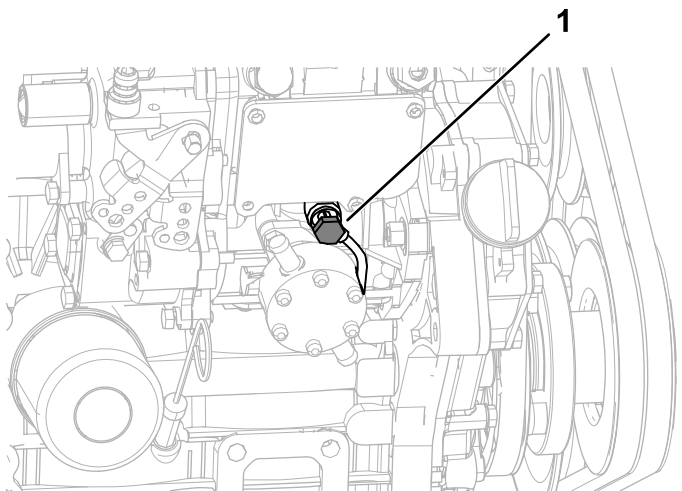
g215557

1. Cần

2. Bơm nhiên liệu

Xả bơm phun nhiên liệu

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Gài/Bật phanh tayphanh đỗ.
3. Đảm bảo bình nhiên liệu đã đầy ít nhất một nửa.
4. Tháo chốt bộ tản nhiệt; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải \(trang 53\)](#).
5. Đặt khay xả bên dưới vít xả khí.
6. Mở vít xả khí trên bơm phun nhiên liệu ([Hình 65](#)).



g215134

Hình 65

1. Vít xả khí

7. Vận hành cần bơm nhiên liệu cho đến khi thấy dòng nhiên liệu đặc chảy ra xung quanh vít; tham khảo [Hình 64](#) trong [Mỗi hệ thống nhiên liệu \(trang 57\)](#).
8. Siết chặt vít xả khí ([Hình 65](#)).

Lưu ý: Động cơ sẽ khởi động sau khi bạn thực hiện quy trình này. Tuy nhiên, nếu động cơ không khởi động, không khí có thể bị kẹt giữa bơm phun và kim phun. Liên hệ với nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.

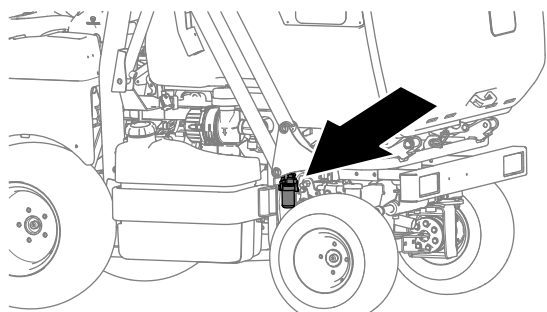
9. Lau sạch mọi nhiên liệu tích tụ xung quanh bơm phun.

Xả nước từ bình tách nhiên liệu/nước

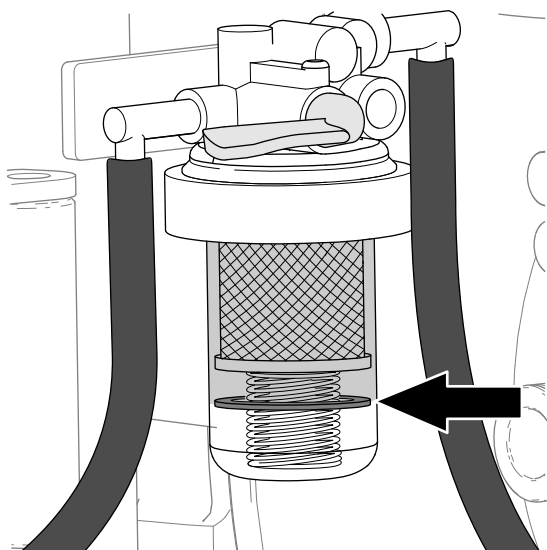
Khoảng thời gian Dịch vụ: 50 giờ một lần

Kiểm tra nước trong bát nhiên liệu

1. Quan sát chỉ báo nước trong bát lọc nhiên liệu để xác định liệu phao nổi có bị nâng lên do nước trong bát lọc nhiên liệu hay không ([Hình 66](#)).



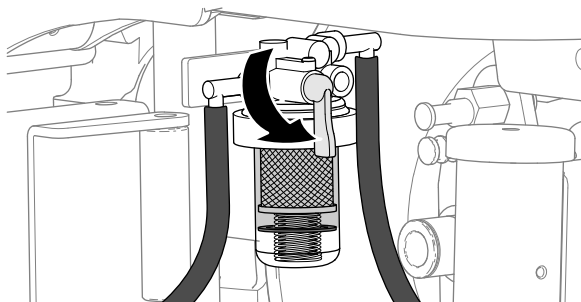
g231812



g231813

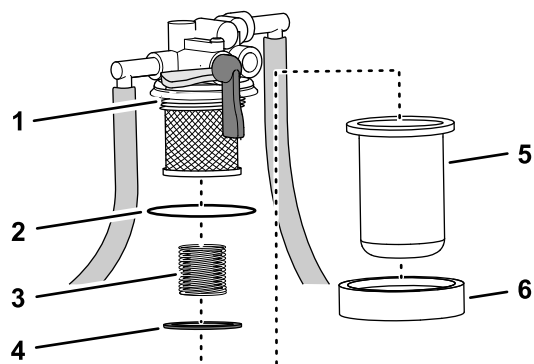
Hình 66

2. Nếu có nước trong bát lọc nhiên liệu, hãy xoay van ngắt nhiên liệu của bình tách nhiên liệu/nước về vị trí ĐÓNG (Hình 67) và thực hiện các bước trong [Xả Nước từ Bát Nhiên liệu \(trang 58\)](#).



g231811

Hình 67



g231810

Hình 68

- | | |
|----------------|-----------------------|
| 1. Đầu lọc | 4. Phao nổi |
| 2. Gioăng tròn | 5. Bát lọc nhiên liệu |
| 3. Lò xo | 6. Đai ốc của bát |

2. Đổ hết bát lọc nhiên liệu và nước.
3. Tại đầu lọc, kiểm tra tình trạng của vòng chữ O (Hình 68).
- Lưu ý:** Thay vòng chữ O nếu bị mòn hoặc bị hỏng.
4. Bôi trơn vòng chữ O của bộ lọc bằng nhiên liệu sạch.
5. Lắp ráp lò xo và phao nổi vào bát lọc nhiên liệu (Hình 68).
6. Lắp bát lọc và đai ốc của bát vào đầu lọc và siết chặt đai ốc bằng tay (Hình 68).
7. Mở van ngắt nhiên liệu và nếu cần, mở hệ thống nhiên liệu; tham khảo [Môi hệ thống nhiên liệu \(trang 57\)](#).
8. Kiểm tra bình tách nhiên liệu/nước xem có rò rỉ không.

Lưu ý: Sửa chữa tất cả các chỗ rò rỉ nhiên liệu trước khi vận hành máy.

Xả Nước từ Bát Nhiên liệu

1. Đặt khay xả dưới bát lọc nhiên liệu, tháo đai ốc của bát và tháo bát lọc ra khỏi đầu lọc (Hình 68).

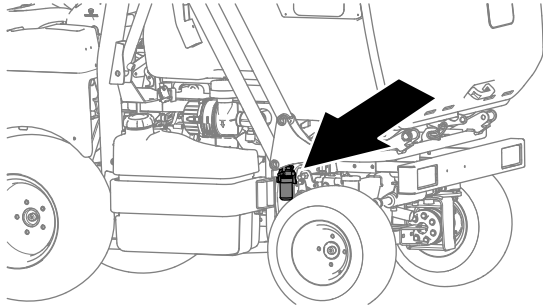
Lưu ý: Bạn sẽ tháo lò xo và phao nổi khi tháo bát lọc.

Thay bộ lọc của bình tách nhiên liệu/nước

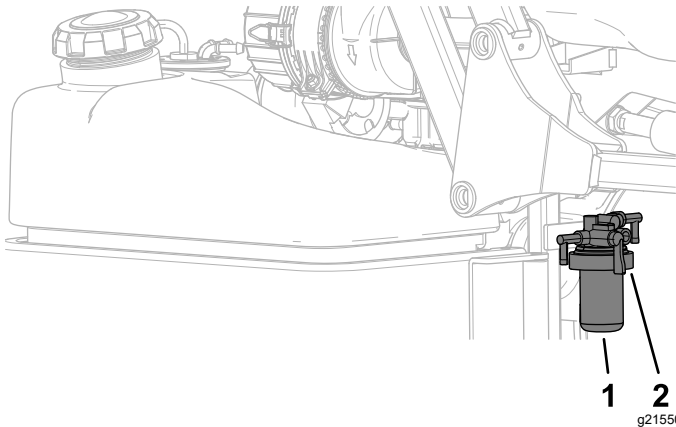
Khoảng thời gian Dịch vụ: 500 giờ một lần—Thay bộ lọc của bình tách nhiên liệu/nước.

Tháo lõi lọc

1. Làm sạch khu vực xung quanh đầu lọc nhiên liệu ([Hình 69](#)).



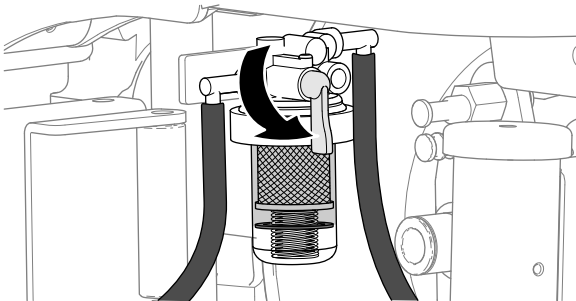
g231812



Hình 69

1. Đầu lọc nhiên liệu
2. Bộ lọc

2. Xoay van ngắt nhiên liệu cho bình tách nhiên liệu/nước về vị trí ĐÓNG ([Hình 70](#)).

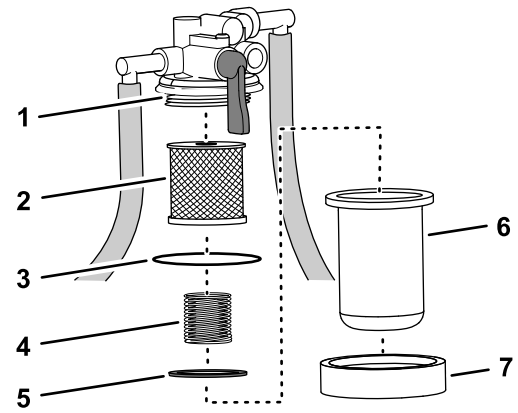


g231811

Hình 70

3. Đặt khay xả dưới bát lọc nhiên liệu, tháo đai ốc của bát và tháo bát lọc ra khỏi đầu lọc ([Hình 71](#)).

Lưu ý: Bạn sẽ tháo lò xo và phao nổi khi tháo bát lọc.



g231824

Hình 71

1. Đầu lọc
2. Lõi lọc
3. Gioăng tròn
4. Lò xo
5. Phao nổi
6. Bát lọc nhiên liệu
7. Đai ốc của bát

4. Xả bát lọc nhiên liệu và làm sạch bề mặt gắn đầu lọc.

Lắp lõi lọc

1. Bôi trơn vòng chữ O của bộ lọc bằng nhiên liệu sạch.
2. Lắp ráp lõi lọc lên trên đầu lọc; tham khảo [Hình 71](#) trong [Tháo lõi lọc \(trang 59\)](#).
3. Lắp lò xo và phao nổi vào bát lọc nhiên liệu; tham khảo [Hình 71](#) trong [Tháo lõi lọc \(trang 59\)](#).
4. Lắp bát lọc và đai ốc của bát vào đầu lọc và siết chặt đai ốc bằng tay; tham khảo [Hình 71](#) trong [Tháo lõi lọc \(trang 59\)](#).
5. Mở van ngắt nhiên liệu và nếu cần, mời hệ thống nhiên liệu; tham khảo [Môi hệ thống nhiên liệu \(trang 57\)](#).
6. Kiểm tra bình tách nhiên liệu/nước xem có rò rỉ không.

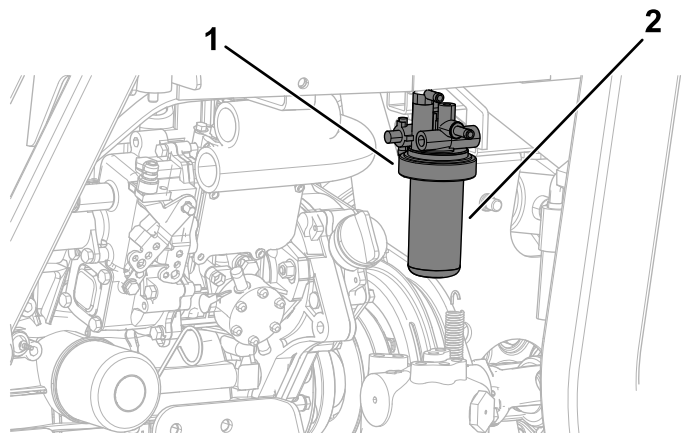
Lưu ý: Sửa chữa tất cả các chỗ rò rỉ nhiên liệu trước khi vận hành máy.

Thay Lõi Lọc Nhiên liệu

Về Phía trước, Bên phải

Khoảng thời gian Dịch vụ: 500 giờ một lần—Thay lõi lọc nhiên liệu về phía trước, bên phải.

1. Làm sạch khu vực xung quanh đầu lọc nhiên liệu ([Hình 72](#)).



Hình 72

g215503

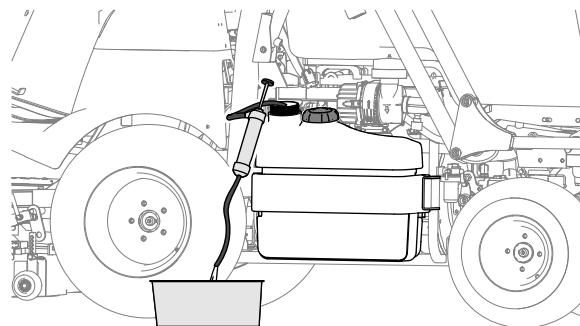
1. Đầu lọc nhiên liệu
2. Bộ lọc

2. Tháo bộ lọc và làm sạch bề mặt gắn đầu lọc ([Hình 72](#)).
3. Bôi trơn miếng đệm của bộ lọc bằng nhiên liệu sạch.
4. Lắp lõi lọc vào đầu lọc.
5. Lắp bát lọc và đai ốc của bát vào đầu lọc và siết chặt đai ốc bằng tay
6. Mở hệ thống nhiên liệu; tham khảo [Mở hệ thống nhiên liệu \(trang 57\)](#).
7. Kiểm tra bình tách nhiên liệu/nước xem có rò rỉ không.

Lưu ý: Sửa chữa tất cả các chỗ rò rỉ nhiên liệu trước khi vận hành máy.

Làm sạch Bình Nhiên liệu

Khoảng thời gian Dịch vụ: 400 giờ một lần/Hàng năm (bất cứ điều gì xảy đến trước)—Xả hết và làm sạch bình nhiên liệu.



g236135

Hình 73

- Nếu bạn cất giữ máy trong một thời gian dài, hãy sử dụng bơm siphong để xả hết bình nhiên liệu ([Hình 73](#)).
- Nếu hệ thống nhiên liệu bị nhiễm bẩn, hãy sử dụng bơm siphong để xả hết bình nhiên liệu ([Hình 73](#)), làm sạch bình và sử dụng nhiên liệu diesel sạch để dội sạch bình ra ngoài.

Kiểm tra Đường dẫn Nhiên liệu và Kết nối

Khoảng thời gian Dịch vụ: 400 giờ một lần/Hàng năm (bất cứ điều gì xảy đến trước)

Kiểm tra đường dẫn nhiên liệu xem có bị xuống cấp, hư hỏng hoặc kết nối bị lỏng hay không.

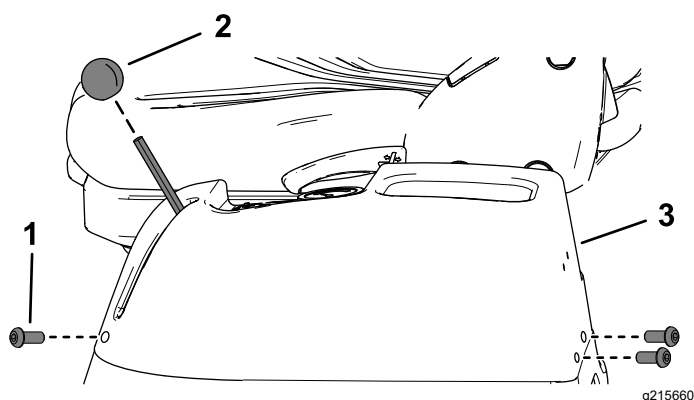
Bảo trì Hệ thống Điện

Hệ thống Điện An toàn

- Ngắt kết nối ắc quy trước khi sửa chữa máy. Ngắt kết nối cực âm trước tiên và ngắt kết nối cực dương cuối cùng. Kết nối cực dương trước tiên và kết nối cực âm cuối cùng.
- Sạc ắc quy ở khu vực thoáng, thông gió tốt, tránh xa lửa và tia lửa. Rút phích cắm bộ sạc trước khi kết nối hoặc ngắt kết nối ắc quy. Mặc quần áo bảo hộ và sử dụng các dụng cụ cách điện.

Tiếp cận Ắc quy

- Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
- Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
- Tắt động cơ và rút chìa khóa.
- Tháo 3 vít đầu lỗ vặn ra khỏi bảng điều khiển bên trái (Hình 74).
- Tháo núm cần tiết lưu (Hình 74).
- Nâng bảng điều khiển bên trái lên và đặt sang một bên (Hình 74).



Hình 74

- | | |
|------------------------|-----------------------------|
| 1. Vít lục giác có khe | 3. Bảng điều khiển bên trái |
| 2. Núm cần tiết lưu | |

Bảo dưỡng Ắc quy

Khoảng thời gian Dịch vụ: 25 giờ một lần—Kiểm tra mức chất điện phân. (Nếu máy đang được cất giữ, hãy kiểm tra 30 ngày một lần).

Quan trọng: Trước khi hàn trên máy, hãy ngắt kết nối cáp âm ra khỏi ắc quy để tránh làm hỏng hệ thống điện.

Tháo Ắc quy

⚠ CẢNH BÁO

Các cực ắc quy hoặc dụng cụ kim loại có thể bị đoản mạch với các bộ phận kim loại của máy, gây ra tia lửa. Tia lửa có thể gây nổ khí bình ắc quy, gây chấn thương cá nhân.

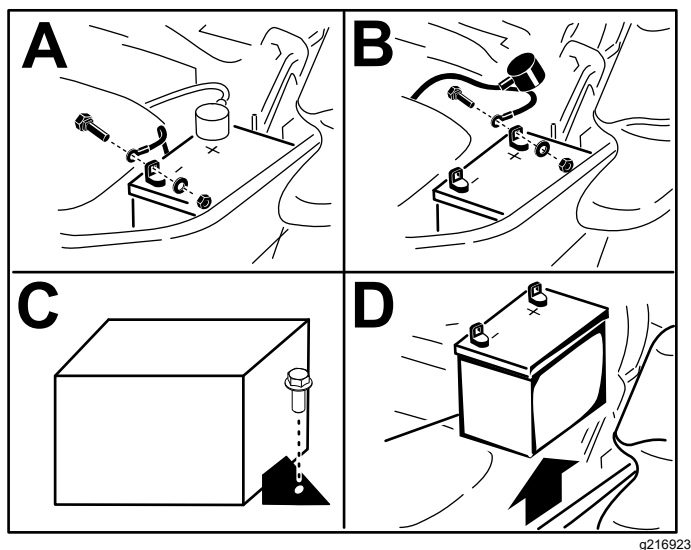
- Khi tháo hoặc lắp ắc quy, không để các cực ắc quy chạm vào bất kỳ bộ phận kim loại nào của máy.
- Không để các dụng cụ kim loại bị đoản mạch giữa các cực ắc quy và các bộ phận kim loại của máy.

⚠ CẢNH BÁO

Nếu định tuyến cáp ắc quy không chính xác có thể làm hỏng máy và dây cáp gây ra tia lửa. Tia lửa có thể gây nổ khí bình ắc quy, gây thương tích cá nhân.

- Luôn ngắt kết nối cáp âm (màu đen) của ắc quy trước khi ngắt kết nối cáp dương (màu đỏ).
- Luôn kết nối cáp dương (màu đỏ) của ắc quy trước khi kết nối cáp âm (màu đen).

- Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
- Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
- Tắt động cơ và rút chìa khóa.
- Tiếp cận ắc quy; tham khảo [Tiếp cận Ắc quy \(trang 61\)](#).
- Tháo ắc quy như được minh họa trong [Hình 75](#).

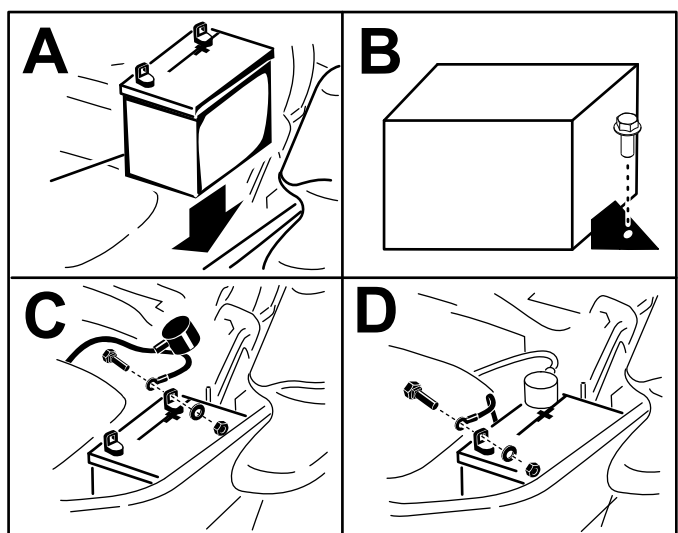


Hình 75

g216923

Lắp Ắc quy

Lắp pin ắc quy như được minh họa trong Hình 76.



Hình 76

g216922

Sạc Ắc quy

⚠ CẢNH BÁO

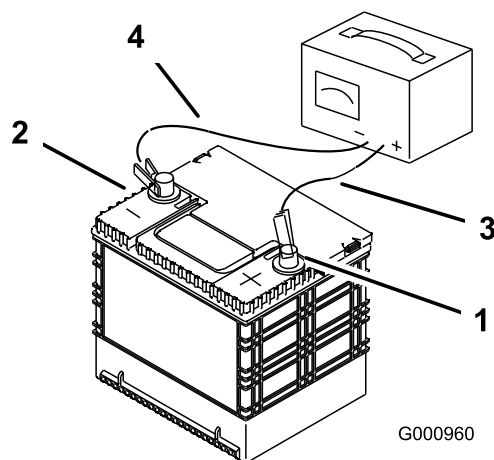
Sạc ắc quy sẽ tạo ra khí có thể phát nổ.

Không bao giờ hút thuốc gần ắc quy và để tia lửa và ngọn lửa tránh xa ắc quy.

Quan trọng: Luôn luôn sạc đầy ắc quy (trọng lượng riêng 1,265). Điều này đặc biệt quan trọng để tránh làm hỏng ắc quy khi nhiệt độ dưới 0°C.

1. Sạc ắc quy trong 10 đến 15 phút ở 25 đến 30 A hoặc trong 30 phút ở 10 A.
2. Khi ắc quy đã được sạc đầy, hãy rút bộ sạc ra khỏi ổ cắm điện, sau đó ngắt dây sạc khỏi cọc bình ắc quy (Hình 77).
3. Lắp ráp ắc quy vào trong máy và kết nối cáp ắc quy; tham khảo [Lắp Ắc quy \(trang 62\)](#).

Lưu ý: Không chạy máy khi đã ngắt kết nối ắc quy, có thể xảy ra hư hỏng phần điện.



G000960

g000960

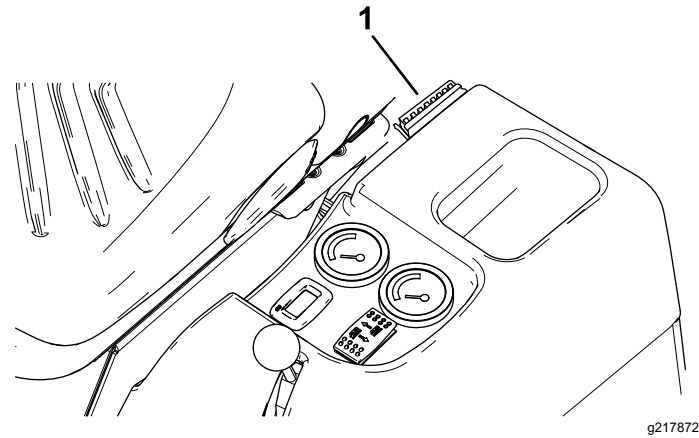
Hình 77

1. Cọc dương của ắc quy
2. Cọc âm của ắc quy
3. Dây sạc (+) màu đỏ
4. Dây sạc (-) màu đen

Bảo dưỡng Cầu chì

Hệ thống điện được bảo vệ bằng cầu chì. Tuy nhiên, hệ thống lại không yêu cầu bảo trì, nếu cầu chì nổ, hãy kiểm tra bộ phận/mạch xem có trục trặc hoặc đoản mạch hay không.

Khối nắp cầu chì và cầu chì được đặt ở bên trái ghế của người vận hành (Hình 78).



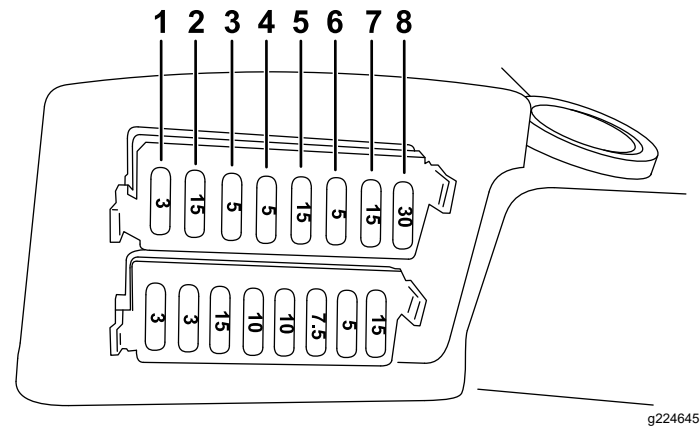
Hình 78

1. Khối cầu chì

Sử dụng bảng sau khi thay cầu chì:

Cầu chì An toàn—Hình 79

Mạch	Loại Cầu chì
Bảo mật	3 A
Hệ dẫn động PTO	15 A
Bộ điều khiển điện tử và còi	5 A
Khóa vi sai	5 A
Van mâm cắt máy cắt cỏ và ghế của người vận hành	15 A
Máy dao điện và bảng điều khiển	5 A
Đèn làm việc, đèn phanh, đèn chùm sáng toàn phần và bộ điều khiển đèn	15 A
Công tắc kéo và đèn nguy hiểm, bugi và công tắc chia khóa	30 A



Hình 79

1. Cầu chì bảo mật (3 A)

2. Cầu chì PTO (15 A)

3. Cầu chì điều khiển điện tử và còi (5 A)

4. Cầu chì khóa vi sai (5 A)
5. Cầu chì van mâm cắt máy cắt cỏ và ghế của người vận hành (15 A)

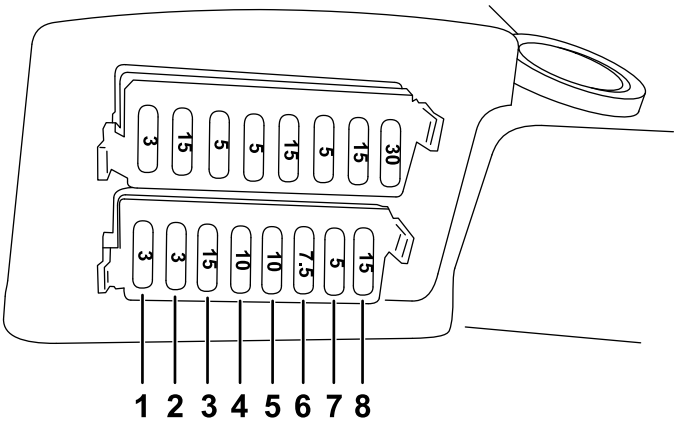
6. Cầu chì máy dao điện và bảng điều khiển (5 A)

7. Cầu chì đèn làm việc, đèn phanh, đèn chùm sáng toàn phần và bộ điều khiển đèn (15 A)

8. Cầu chì công tắc kéo và đèn nguy hiểm, bugi và công tắc chia khóa (30 A)

Cầu chì đèn—**Hình 80**

Mạch	Loại Cầu chì
Đèn bên phải ổn định và đèn biển số	3 A
Đèn bên trái ổn định	3 A
Đèn chùm sáng toàn phần	15 A
Đèn trước	10 A
Thiết bị cảnh báo	10 A
Đèn chỉ báo	7,5 A
Đèn hiệu quay	5 A
Công tắc đèn nguy hiểm	15 A



Hình 80

1. Cầu chì đèn bên phải ổn định và đèn biển số (3 A)

2. Cầu chì đèn bên trái ổn định (3 A)

3. Cầu chì đèn chùm sáng toàn phần (15 A)

4. Cầu chì đèn trước (10 A)

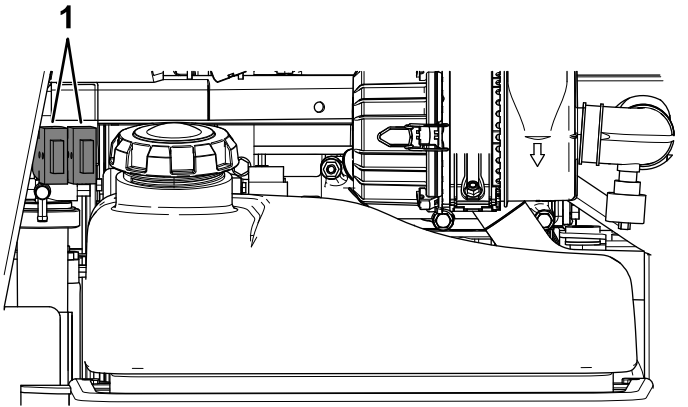
5. Cầu chì thiết bị cảnh báo (10 A)

6. Cầu chì đèn chỉ báo (7,5 A)

7. Cầu chì đèn hiệu quay (5 A)

8. Cầu chì công tắc đèn nguy hiểm (15 A)

Ngoài ra còn có 2 cầu chì (40 A) bảo vệ bộ dây an toàn chính của máy (**Hình 81**).



Hình 81

1. Cầu chì (40 A)

Bảo dưỡng Bộ dây An toàn

Ngăn chặn tình trạng bị ăn mòn của các đầu dây bằng cách bôi mỡ Grafo 112X (bôi ngoài), Số Bộ phận Toro 505-47, vào phía bên trong của tất cả các đầu nối bộ dây an toàn bất cứ khi nào bạn thay bộ dây an toàn.

Quan trọng: Bất cứ khi nào làm việc với hệ thống điện, luôn ngắt kết nối cáp ắc quy, cáp âm (-) trước, để tránh làm hỏng dây do đoản mạch.

Bảo trì Hệ thống Truyền động

Tạo mô-men xoắn cho Đai ốc Vấu ở Bánh xe.

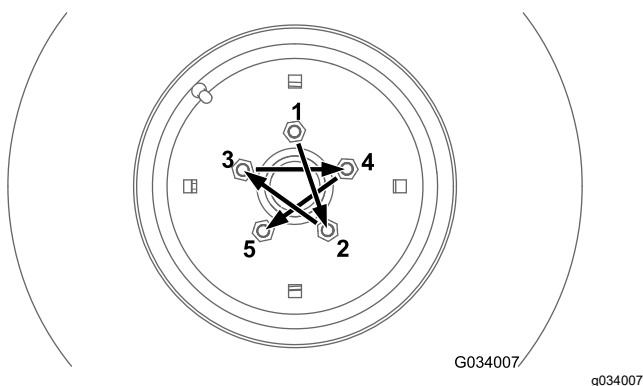
Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau giờ đầu tiên

Sau 10 giờ đầu tiên

200 giờ một lần

Thông số kỹ thuật mô-men xoắn của đai ốc vấu ở bánh xe: 85 đến 90 N·m (62 đến 66 ft-lb)

Tạo mô-men xoắn cho đai ốc vấu ở bánh trước và bánh sau theo mô hình cắt chéo như được minh họa trong [Hình 82](#) đến mô-men xoắn quy định.



Hình 82

Bảo trì Căn chỉnh Bánh Sau

Kiểm tra Căn chỉnh Bánh Sau

Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần

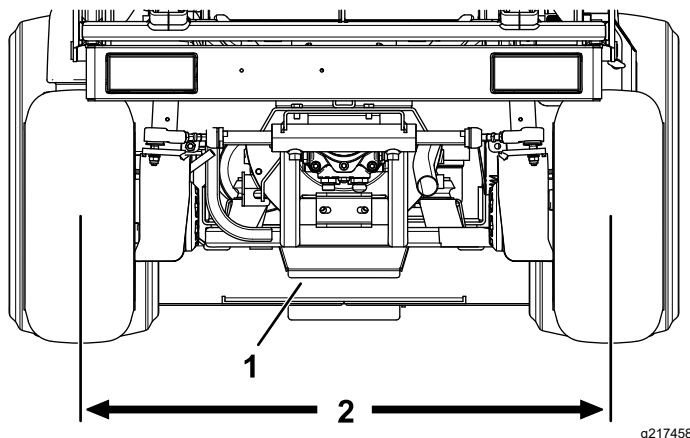
1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Xoay tay lái để bánh sau hướng thẳng về phía trước.
5. Đo khoảng cách từ tâm đến tâm ở độ cao trục bánh xe, ở phía trước và phía sau của lớp sau.

Lưu ý: Các bánh sau không được chụm vào hoặc chụm ra khi chúng được căn chỉnh chính xác.

6. Nếu các bánh xe chụm vào hoặc chụm ra, hãy căn chỉnh các bánh xe; tham khảo [Điều chỉnh Độ chụm vào của Bánh sau](#) (trang 65).

Điều chỉnh Độ chụm vào của Bánh sau

1. Nới lỏng các đai ốc hãm ở cả hai đầu thanh giằng bên trái và bên phải.
2. Điều chỉnh cả hai thanh giằng cho đến khi khoảng cách từ tâm đến tâm ở phía trước và phía sau của bánh sau bằng nhau ([Hình 83](#)).
3. Khi các bánh sau được điều chỉnh chính xác, siết chặt các đai ốc hãm vào các thanh giằng.



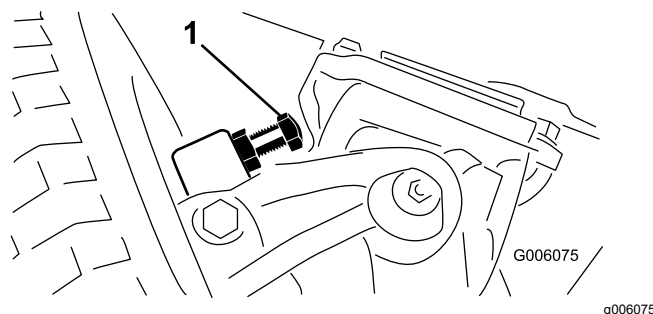
Hình 83

1. Tầm lái
2. Cùng kích thước ở phía trước và phía sau của bánh xe

Điều chỉnh Điểm dừng Lái

Các điểm dừng lái trục sau giúp ngăn xilanh lái di chuyển quá mức trong trường hợp bánh sau bị va chạm. Điều chỉnh các điểm dừng sao cho khoảng sáng bằng 0,23 cm (0,090 inch) ở giữa đầu bu lông và khớp nối trên trục khi bạn xoay tay lái hoàn toàn sang trái hoặc sang phải.

Luồn các bu lông vào hoặc ra cho đến khi bạn đạt được khoảng sáng bằng 0,23 cm (0,090 inch); tham khảo [Hình 84](#).



Hình 84

1. Điểm dừng tay lái (minh họa phía bên phải)

Bảo trì Hệ thống Làm mát

An toàn Hệ thống Làm mát

- Nuốt phải dung dịch làm mát động cơ có thể gây ngộ độc; để tránh xa tầm tay trẻ em và vật nuôi.
- Xả dung dịch làm mát nóng, có áp suất hoặc chạm vào bộ tản nhiệt nóng và các bộ phận xung quanh có thể gây bỏng nghiêm trọng.
 - Luôn để động cơ nguội ít nhất 15 phút trước khi tháo nắp bộ tản nhiệt.
 - Dùng giẻ lau khi mở nắp bộ tản nhiệt và mở nắp từ từ để hơi nước thoát ra ngoài.
- Không vận hành máy mà không có nắp ở đúng vị trí.
- Không để các ngón tay, bàn tay và quần áo của bạn tiếp xúc với quạt quay và dây đai truyền động.

Thông số kỹ thuật của Chất làm mát

Dung tích hệ thống làm mát: 7,5 L (8 US qt)

Thông số kỹ thuật của loại chất làm mát:

Chất làm mát Khuyến nghị

Lưu ý: Chất làm mát phải đáp ứng hoặc vượt

Chất làm mát gốc glycol pha với nước **ASTM 3306** (pha trộn 50/50) hoặc

Chất làm mát gốc glycol pha với nước **cát** (pha trộn 50/50) hoặc

Chất làm mát gốc glycol pha với nước chất lượng tốt (pha trộn 50/50)

$\text{CaCO}_3 + \text{MgCO}_3 < 170 \text{ ppm}$

Clorua $< 40 \text{ ppm (Cl)}$

Lưu huỳnh $< 100 \text{ ppm (SO}_4\text{)}$

Kiểm tra Hệ thống Làm mát và Mức Chất làm mát

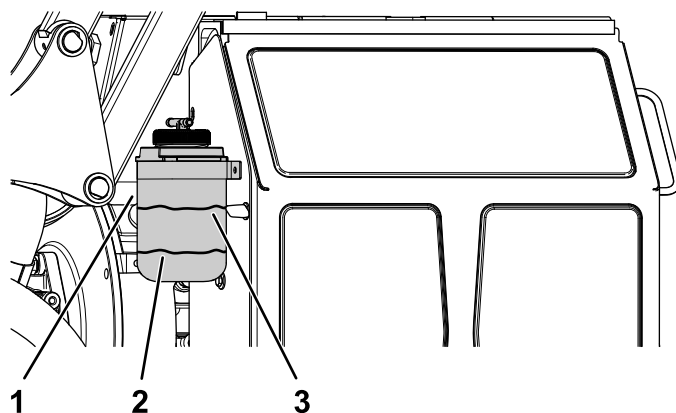
Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

⚠ CẢNH BÁO

Nếu động cơ đang chạy, bộ tản nhiệt sẽ được điều áp và chất làm mát bên trong sẽ nóng. Nếu bạn tháo nắp, chất làm mát có thể phun ra ngoài, gây bỏng nặng.

- Không tháo nắp bình thu hồi để kiểm tra mức chất làm mát. Thay vào đó, hãy quan sát mức vạch từ phía bên của bình.
- Không tháo nắp bình thu hồi khi động cơ đang nóng. Để động cơ nguội ít nhất trong 15 phút hoặc cho đến khi nắp bộ tản nhiệt đủ nguội để chạm vào mà không bị bỏng tay.

- Kiểm tra mức dung dịch làm mát trong bình giãn nở (Hình 85).



g215608

Hình 85

- Bình giãn nở
- Vạch nguội—19 mm ($\frac{3}{4}$ inch) từ mặt dưới cùng
- Vạch nóng—19 mm ($\frac{3}{4}$ inch) từ mặt trên cùng

- Nếu chất làm mát gần hết, hãy tháo nắp bình giãn nở và đổ thêm chất làm mát thay thế được khuyến nghị theo yêu cầu.

Không sử dụng chất làm mát chỉ có nước hoặc gốc cồn. Đừng đổ quá đầy.

- Lắp nắp bình giãn nở.

Kiểm tra Mảnh vụn ở Màn Bộ tản nhiệt và Bộ tản nhiệt

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

Để tránh động cơ quá nóng, hãy giữ cho màn bộ tản nhiệt và bộ tản nhiệt luôn sạch sẽ. Kiểm tra màn bộ tản nhiệt và bộ tản nhiệt xem có tích tụ cỏ, bụi và mảnh vụn không, và nếu cần, hãy làm sạch mọi mảnh vụn ra khỏi những bộ phận này.

Làm sạch Màn Bộ tản nhiệt và Bộ tản nhiệt

Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần—Kiểm tra các ống mềm của hệ thống làm mát.

Cứ 1.500 giờ hay 2 năm một lần, bất kỳ khoảng thời gian nào đến trước—Thay bất kỳ ống mềm chuyên động.

1.500 giờ một lần—Dội sạch và thay chất lỏng của hệ thống làm mát.

Lưu ý: Nếu PTO tắt do nhiệt độ động cơ cao, trước tiên hãy kiểm tra màn bộ tản nhiệt và bộ tản nhiệt xem có tích tụ quá nhiều mảnh vụn không. Làm sạch hệ thống trước khi vận hành máy. Không tắt động cơ ngay lập tức; để động cơ nguội bằng cách chạy không tải.

Làm sạch bộ tản nhiệt như sau:

1. Tháo màn bộ tản nhiệt.
2. Làm việc từ phía quạt của bộ tản nhiệt, thổi với áp suất thấp, 172 kPa (25 psi), khí nén (**không sử dụng nước**). Lặp lại bước này từ phía trước của bộ tản nhiệt và làm một lần nữa từ phía quạt.
3. Sau khi bạn đã làm sạch hoàn toàn bộ tản nhiệt, hãy làm sạch mọi mảnh vụn có thể đã tích tụ trong máng ở đế bộ tản nhiệt.
4. Làm sạch màn bộ tản nhiệt và lắp vào trên máy.

Bảo trì Phanh

Điều chỉnh Phanh sửa chữa

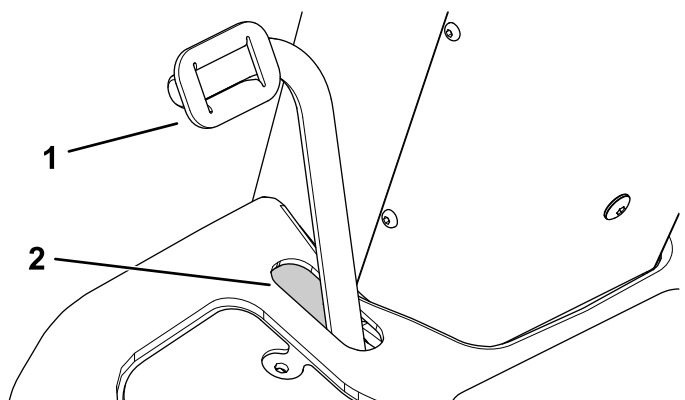
Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 10 giờ đầu tiên—Kiểm tra và điều chỉnh phanh sửa chữa.

Sau 50 giờ đầu tiên—Kiểm tra và điều chỉnh phanh sửa chữa.

Sau khi điều chỉnh phanh sửa chữa sau 50 giờ hoạt động đầu tiên, bạn có thể cần điều chỉnh lại phanh sau thời gian sử dụng đáng kể.

Bạn nên đo một khe hở khoảng 13 mm (1/2 inch) giữa bàn đạp phanh và đầu trước của khe khi bàn đạp phanh được nhấn xuống hoàn toàn.

1. Nhấn bàn đạp phanh xuống để kiểm tra liệu có đủ khe hở ở đầu trước của khe hay không ([Hình 86](#)).

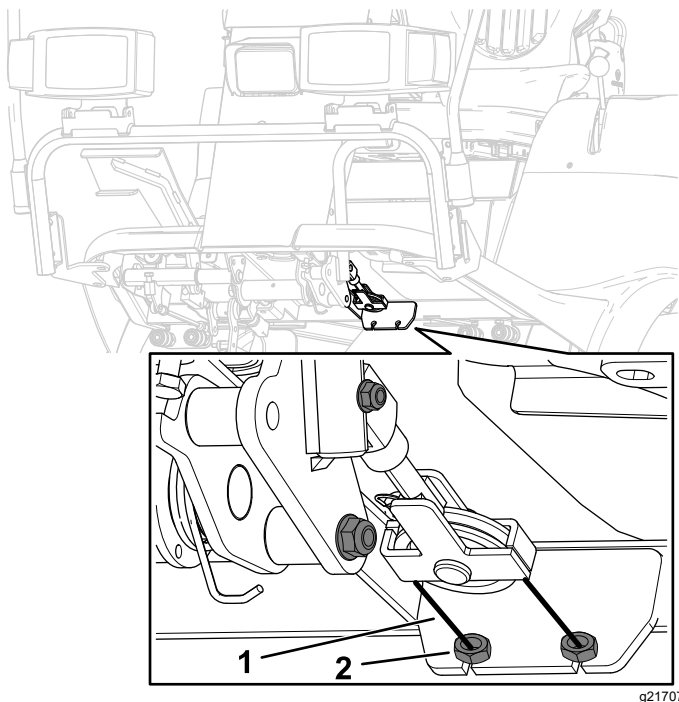


g217076

Hình 86

1. Bàn đạp phanh
2. Khe hở

2. Nhả bàn đạp phanh.
3. Nếu cần điều chỉnh, hãy nói lỏng các đai ốc hãm phía trước và phía sau ở mỗi bên của dây cáp phanh ([Hình 87](#)).



Hình 87

g217075

1. Cáp phanh
 2. Đai ốc hãm
-
4. Nhấn bàn đạp phanh xuống và di chuyển dây cáp phanh về phía trước hoặc phía sau.
 5. Siết chặt các đai ốc hãm để khóa các vị trí cáp.
 6. Lặp lại các bước 3 đến 5 cho đến khi bạn cài bàn đạp phanh vào vị trí mong muốn.

Bảo trì Đại

Kiểm tra Tình trạng của Dây đai Máy dao điện

Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần

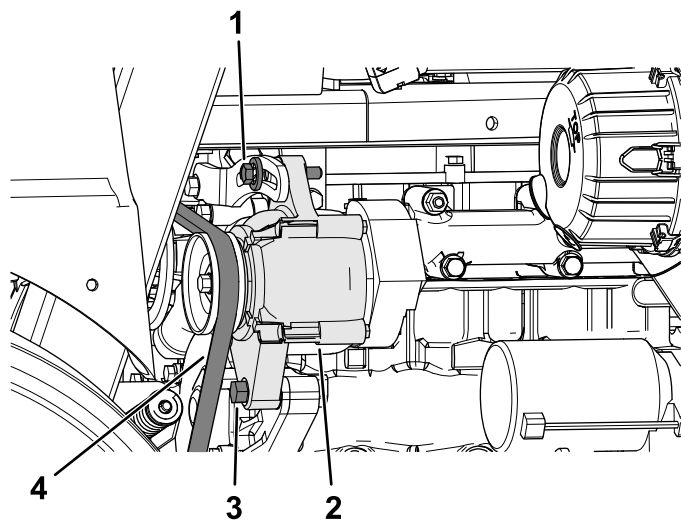
Kiểm tra dây đai máy dao điện xem có bị mòn hoặc hư hỏng không.

Lưu ý: Thay dây đai máy dao điện nếu bạn thấy dây đai bị mòn hoặc hư hỏng.

Căng Dây đai Máy dao điện

Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 10 giờ đầu tiên
200 giờ một lần

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tiếp cận động cơ từ phía bên trái; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên trái \(trang 53\)](#).
5. Nới lỏng bu lông trục và bu lông khóa của máy dao điện ([Hình 88](#)).
6. Căng dây đai máy dao điện cho đến khi bạn đạt được độ lệch của dây đai 10 mm (3/8 inch) ở giữa các ròng rọc với lực 4,5 kg (10 lb).
7. Siết chặt bu lông khóa của máy dao điện ([Hình 88](#)).
8. Siết chặt bu lông trục của máy dao điện ([Hình 88](#)).



g216341

Hình 88

1. Bu lông khóa của máy dao điện
2. Máy dao điện
3. Bu lông trục của máy dao điện
4. Dây đai máy dao điện

Bảo dưỡng Dây đai PTO

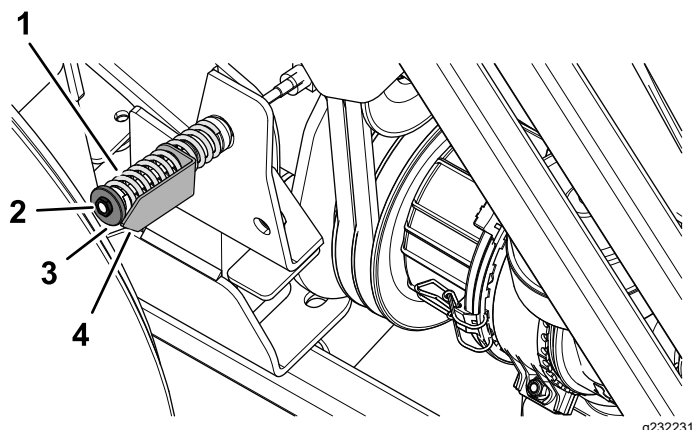
Kiểm tra Độ căng của Dây đai PTO

Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 10 giờ đầu tiên

Sau 50 giờ đầu tiên

200 giờ một lần

1. Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Nhìn vào mũi tên chỉ báo độ căng của thanh căng ròng rọc cần căng.
Bề mặt bên ngoài của vòng đệm phải thẳng hàng với mũi tên chỉ báo độ căng
5. Nếu cần, hãy xoay đai ốc của thanh căng ròng rọc cần căng cho đến khi mũi tên chỉ báo độ căng thẳng hàng với bề mặt bên ngoài của vòng đệm (Hình 89).



Hình 89

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Lò xo căng dây đai | 3. Đai ốc (thanh căng ròng rọc cần căng) |
| 2. Vòng đệm | 4. Mũi tên chỉ báo độ căng |

Thay Dây đai PTO

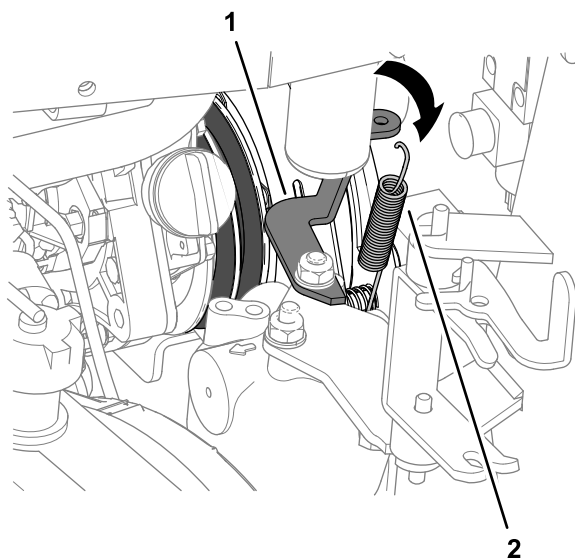
Quan trọng: Thay dây đai PTO thành một bộ phù hợp.

Tháo Dây đai PTO

1. Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tiếp cận phía bên trái và bên phải của động cơ; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên trái](#)

(trang 53) và [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải](#) (trang 53).

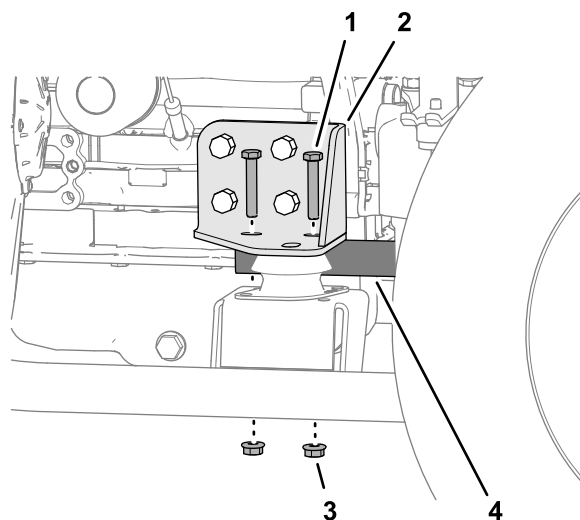
5. Ở phía bộ tản nhiệt, tháo lò xo giảm chấn ly hợp ra khỏi giá lò xo (Hình 90).



Hình 90

- | | |
|--------------|---------------------------|
| 1. Giá lò xo | 2. Lò xo giảm chấn ly hợp |
|--------------|---------------------------|

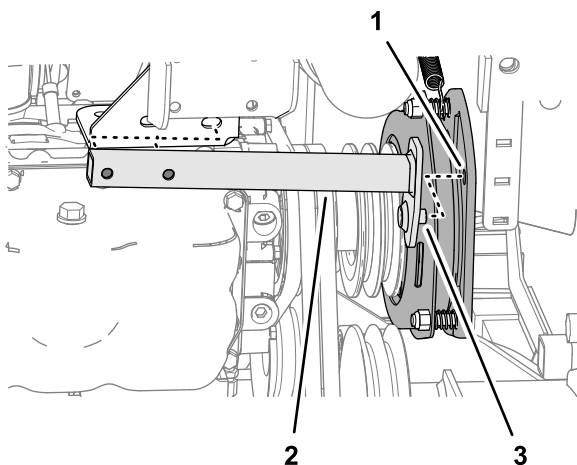
6. Tháo 2 bu lông và 2 đai ốc siết chặt ống chống xoay vào giá gắn động cơ bên phải (Hình 91).



Hình 91

- | | |
|-----------------------------|-------------------|
| 1. Bu lông | 3. Đai ốc |
| 2. Giá gắn động cơ bên phải | 4. Ống chống xoay |

7. Di chuyển ống chống xoay về phía sau và tháo ra khỏi máy (Hình 92).

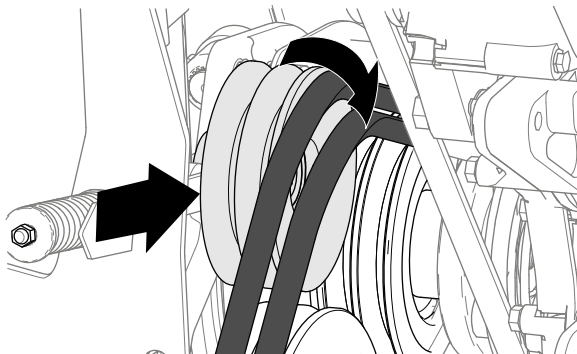


Hình 92

g232325

1. Lỗ (tấm ly hợp PTO)
2. Chốt (ống chống xoay)
3. Ống chống xoay

8. Nới lỏng đai ốc của thanh căng ròng rọc cần căng; tham khảo [Hình 89](#) trong [Kiểm tra Độ căng của Dây đai PTO \(trang 69\)](#).
9. Xoay ròng rọc cần căng về phía động cơ và tháo dây đai ra khỏi máy ([Hình 93](#)).

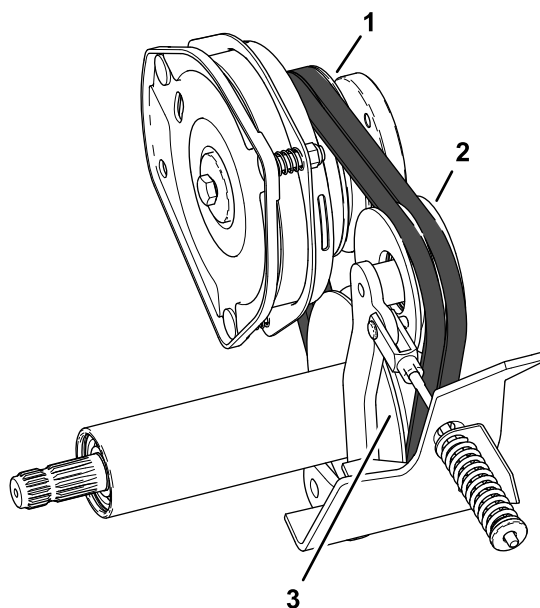


Hình 93

g232232

Lắp Dây đai PTO

1. Căn chỉnh dây đai PTO trên ròng rọc ([Hình 94](#)).



Hình 94

g232323

1. Ròng rọc ly hợp
2. Ròng rọc cần căng
3. Ròng rọc trục PTO

2. Căn chỉnh chốt của ống chống xoay với lỗ trên tấm ly hợp PTO; tham khảo [Hình 92](#) trong [Tháo Dây đai PTO \(trang 69\)](#).
3. Siết chặt ống chống xoay vào giá gắn động cơ bên phải bằng 2 bu lông và 2 đai ốc đã tháo ở bước 6 của [Tháo Dây đai PTO \(trang 69\)](#).
4. Móc lò xo giảm chấn ly hợp giữa bu lông tấm ly hợp bên trong và giá lò xo; tham khảo [Hình 90](#) trong [Tháo Dây đai PTO \(trang 69\)](#).
5. Siết chặt đai ốc của thanh căng ròng rọc cần căng; tham khảo [Kiểm tra Độ căng của Dây đai PTO \(trang 69\)](#).
6. Đóng bộ tản nhiệt vào máy; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải \(trang 53\)](#).
7. Đưa bình nhiên liệu vào khung gầm và siết chặt bình nhiên liệu; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên trái \(trang 53\)](#).

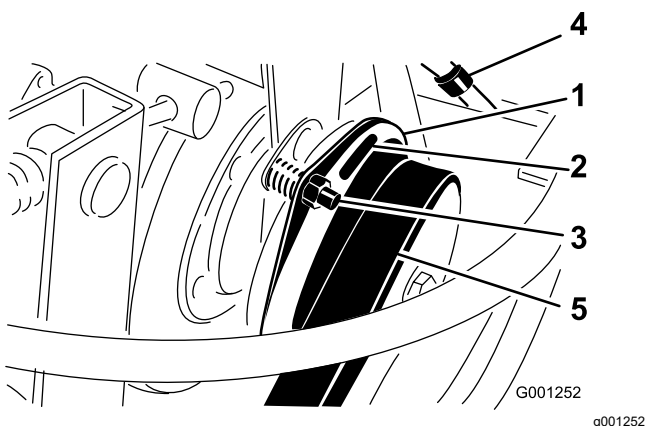
Bảo trì Hệ thống Điều khiển

Điều chỉnh Khe hở Ly hợp PTO

Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Nâng và siết chặt thùng chứa; tham khảo [Nâng Thùng chứa \(trang 33\)](#) và [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).
4. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
5. Mở nắp tiếp cận động cơ; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Nắp Tiếp cận Động cơ \(trang 53\)](#).
6. Điều chỉnh khe hở sao cho thiết bị đo khe hở 0,4 mm (0,015 inch) có thể trượt nhẹ vào giữa lớp lót ly hợp và tấm ma sát ([Hình 95](#)).

Lưu ý: Bạn có thể giảm khe hở bằng cách xoay đai ốc điều chỉnh theo chiều kim đồng hồ ([Hình 95](#)). Khe hở dịch vụ tối đa là 0,7 mm (0,030 inch). Điều chỉnh cả 3 khe hở.



Hình 95

- | | |
|-----------------------------------|-----------------|
| 1. Ly hợp | 4. Đầu nối điện |
| 2. Khe hở 0,4 mm (0,015 inch) (3) | 5. Dây đai PTO |
| 3. Đai ốc điều chỉnh (3) | |
-
7. Sau khi đã cài đặt cả 3 khe hở, hãy kiểm tra lại 3 khe hở.

Lưu ý: Điều chỉnh 1 khe hở có thể làm thay đổi các khe hở khác.

Điều chỉnh Bàn đạp Kéo

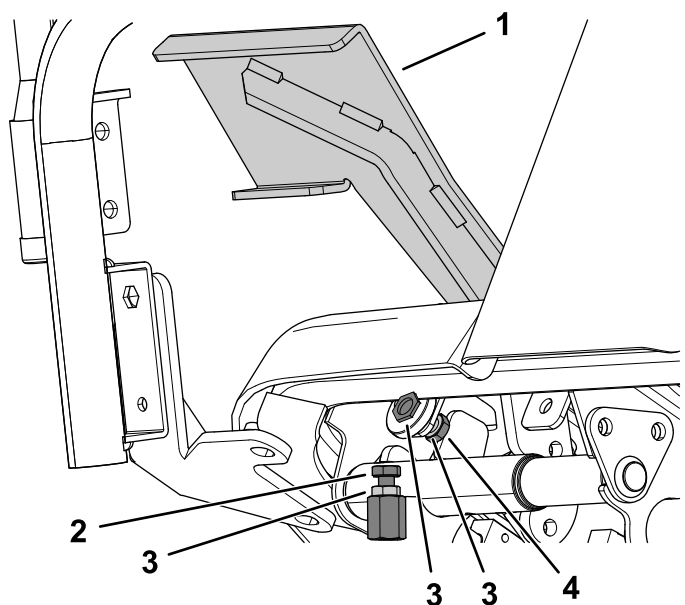
Điều chỉnh Điểm dừng Bàn đạp Kéo

Bạn có thể điều chỉnh bàn đạp kéo để tạo cảm giác thoải mái cho người vận hành hoặc để giảm hoặc tăng tốc độ tiến tối đa của máy.

Bạn cũng có thể điều chỉnh bàn đạp kéo để giảm hoặc tăng tốc độ lùi tối đa của máy.

1. Di chuyển bàn đạp kéo hoàn toàn về phía trước ([Hình 96](#)).

Để đạt được tốc độ tối đa, phải có khoảng cách 3 mm (1/8 inch) giữa bàn đạp kéo và điểm dừng bàn đạp kéo.



Hình 96

- | | |
|------------------------------|-------------------------------|
| 1. Bàn đạp kéo | 3. Đai ốc hãm |
| 2. Điểm dừng bàn đạp kéo lùi | 4. Điểm dừng bàn đạp kéo tiến |

2. Nếu bạn muốn giảm tốc độ tiến của máy, hãy thực hiện như sau:
 - A. Sử dụng cờ lê để giữ điểm dừng bàn đạp kéo tiến và nới lỏng đai ốc hãm ở mặt sau của giá đỡ ([Hình 96](#)).
 - B. Di chuyển bàn đạp kéo đến vị trí mong muốn ([Hình 96](#)).
 - C. Điều chỉnh đai ốc hãm ở mặt sau của giá đỡ cho đến khi điểm dừng bàn đạp kéo tiếp xúc với bàn đạp kéo ([Hình 96](#)).

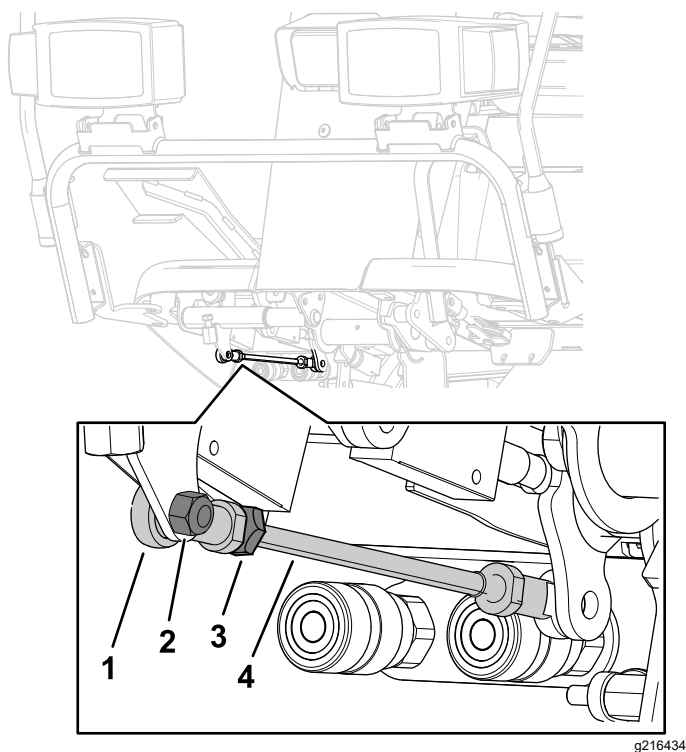
Lưu ý: Việc rút ngắn vị trí dừng của bàn đạp kéo sẽ làm tăng tốc độ tiến của máy.

- D. Trong khi giữ điểm dừng bàn đạp kéo, tạo mô-men xoắn cho đai ốc hãm ở phía trước giá đỡ từ 37 đến 45 N·m (27 đến 33 ft-lb).

Điều chỉnh Thanh Kéo

Nếu cần điều chỉnh thêm, hãy điều chỉnh thanh kéo (Hình 97) như sau:

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tháo bu lông và đai ốc đang siết chặt đầu thanh kéo vào bàn đạp.
5. Nới lỏng đai ốc hãm siết chặt đầu thanh vào thanh kéo (Hình 97).
6. Xoay thanh cho đến khi bạn đạt được chiều dài mong muốn.
7. Siết chặt đai ốc hãm (Hình 97) và siết chặt đầu thanh vào bàn đạp kéo bằng bu lông và đai ốc đã tháo để khóa góc của bàn đạp chân.



Hình 97

- | | |
|----------------------|---------------|
| 1. Đầu thanh | 3. Đai ốc hãm |
| 2. Đai ốc và bu lông | 4. Thanh kéo |

Bảo trì Hệ thống Thủy lực

An toàn Hệ thống Thủy lực

- Tìm kiếm dịch vụ chăm sóc y tế ngay lập tức nếu bị tiêm chất lỏng vào da. Chất lỏng bị tiêm phải được bác sĩ phẫu thuật loại bỏ trong vòng vài giờ.
- Đảm bảo tất cả các ống mềm và đường dẫn chất lỏng thủy lực ở tình trạng tốt và tất cả các kết nối và đầu nối thủy lực đều được siết chặt trước khi tạo áp lực lên hệ thống thủy lực.
- Giữ cơ thể và tay tránh khỏi vị trí rò rỉ qua lỗ chốt hoặc mắt phun phun ra chất lỏng thủy lực áp suất cao.
- Sử dụng bìa cứng hoặc giấy để tìm vị trí rò rỉ thủy lực.
- Giảm áp suất trong hệ thống thủy lực một cách an toàn trước khi thực hiện bất kỳ công việc nào trên hệ thống thủy lực.

Thông số kỹ thuật của Chất lỏng Thủy lực

Bình chứa chất lỏng thủy lực được đổ đầy tại nhà máy bằng chất lỏng thủy lực chất lượng cao. **Kiểm tra mức chất lỏng thủy lực trước khi bạn khởi động động cơ lần đầu tiên và hàng ngày sau đó.**

Sử dụng **Chất lỏng thủy lực cho mọi mùa cao cấp của Toro** (Có ở dạng thùng 5 gallon hoặc tang 55 gallon. Xem *Danh mục phụ tùng* hoặc nhà phân phối Toro để biết số phụ tùng.)

Nếu không có sẵn chất lỏng thủy lực Toro, bạn có thể sử dụng các chất lỏng khác miễn là chúng đáp ứng tất cả các đặc tính vật liệu và thông số kỹ thuật của ngành sau đây. Tham khảo ý kiến của nhà phân phối chất bôi trơn của bạn để xác định sản phẩm ưng ý.

Lưu ý: Toro không chịu trách nhiệm về thiệt hại do thay thế không đúng cách, vì vậy chỉ sử dụng sản phẩm từ các nhà sản xuất uy tín và luôn hỗ trợ để đảm bảo cho khuyến nghị của họ.

Chất lỏng Thủy lực Chống mài mòn có Chỉ số Độ nhớt Cao/Điểm Đông tụ Thấp, ISO VG 46

Tính chất Vật liệu:

Độ nhớt, ASTM D445	St @ 40°C 42 đến 50
	St @ 100°C 7,6 đến 8,5
Chỉ số Độ nhớt ASTM D2270	140 trở lên
Điểm Đông tụ, ASTM D97	-40°F đến -49°F
FZG, Giai đoạn lỗi	11 hoặc tốt hơn
Hàm lượng nước (chất lỏng mới)	500 ppm (tối đa)

Thông số kỹ thuật Công nghiệp:

Vickers I-286-S (Mức Chất lượng), Vickers M-2950-S (Mức Chất lượng), Denison HF-0

Quan trọng: Dầu đa cấp ISO VG 46 cung cấp hiệu suất tối ưu trong nhiều điều kiện nhiệt độ. Để vận hành ở nhiệt độ môi trường cao ổn định, từ 65°F (18°C) đến 120°F (49°C), chất lỏng thủy lực ISO VG 68 có thể mang lại hiệu suất cải tiến.

Quan trọng: Nhiều chất lỏng thủy lực gần như không màu nên rất khó phát hiện rò rỉ. Phụ gia nhuộm có màu đỏ dành cho dầu hệ thống thủy lực được cung cấp trong các chai 20 ml (2/3 fl oz). 1 chai đủ dùng cho 15 đến 22 L (4 đến 6 US gallon) dầu thủy lực. Đặt hàng Bộ phận số 44-2500 của Toro từ nhà phân phối Toro được ủy quyền của bạn.

Bảo dưỡng Hệ thống Thủy lực

Chuẩn bị Bảo dưỡng Hệ thống Thủy lực

1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Đặt tất cả các nút điều khiển ở vị trí SỐ 0 và khởi động động cơ.
4. Chạy động cơ ở tốc độ động cơ thấp nhất có thể để lọc khí ra khỏi hệ thống.

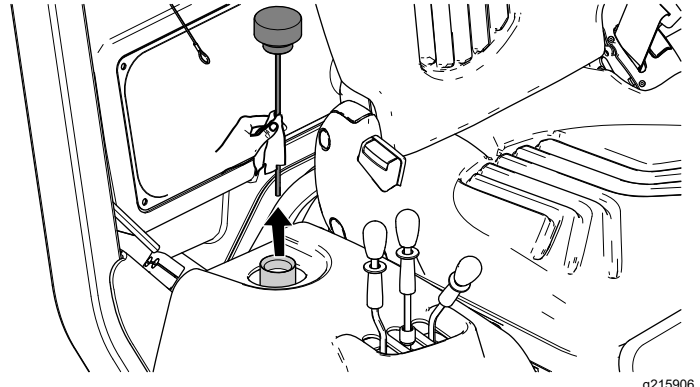
Quan trọng: Không chạy PTO.

5. Xoay hoàn toàn tay lái nhiều lần sang trái và phải, đồng thời căn chỉnh tay lái thẳng về phía trước.

Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

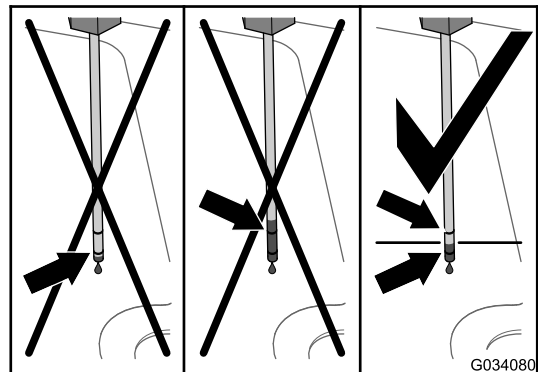
1. Đỗ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Đảm bảo thùng chứa được hạ xuống hoàn toàn và cân bằng cũng như mâm cắt máy cắt cỏ được hạ xuống.
3. Tắt PTO, bật phanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Lấy que thăm dầu ra khỏi bình thủy lực và lau que thăm bằng vải sạch (**Hình 98**).



Hình 98

5. Lắp que thăm dầu vào ống nạp và luồn nắp que thăm dầu vào trên ống.
6. Tháo que thăm và kiểm tra mức chất lỏng (**Hình 99**).

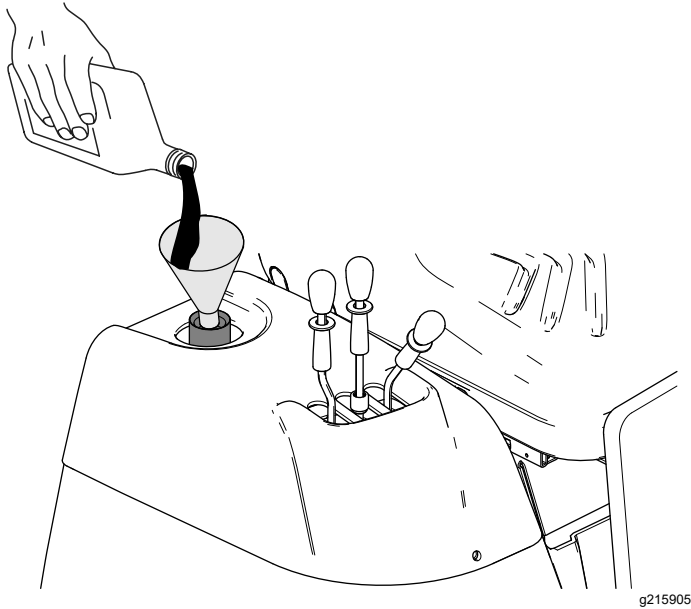
Chất lỏng thủy lực ở mức bình thường khi chất lỏng được chỉ báo giữa 2 vạch trên que thăm.



Hình 99

7. Nếu mức chất lỏng thấp hơn vạch dưới trên que thăm dầu, hãy đổ thêm chất lỏng thủy lực quy định vào ống nạp (**Hình 100**) cho đến khi bạn có thể nhìn thấy mức chất lỏng nằm giữa 2 vạch của que thăm dầu.

Quan trọng: Không đổ đầy bình thủy lực bằng chất lỏng thủy lực vượt quá vạch trên của que thăm.



Hình 100

8. Luồn nắp nạp của que thăm vào ống nạp.

Lưu ý: Không siết chặt nắp bằng cờ lê.

9. Kiểm tra rò rỉ ở tất cả các ống mềm và mối nối.

Thay Chất lỏng Thủy lực và Bộ lọc

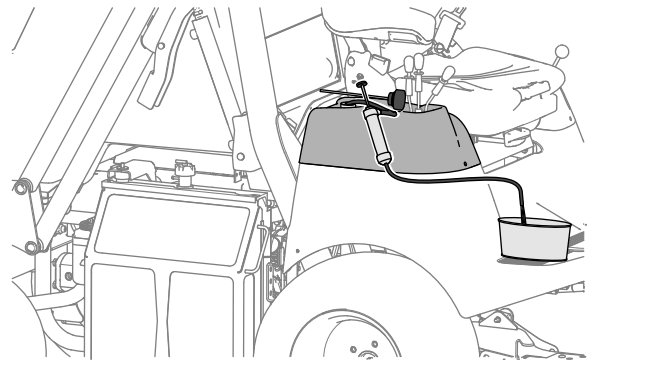
Khoảng thời gian Dịch vụ: 200 giờ một lần—Thay bộ lọc chất lỏng thủy lực.

Sau 500 giờ đầu tiên—Thay chất lỏng thủy lực.

1.000 giờ một lần—Thay chất lỏng thủy lực.

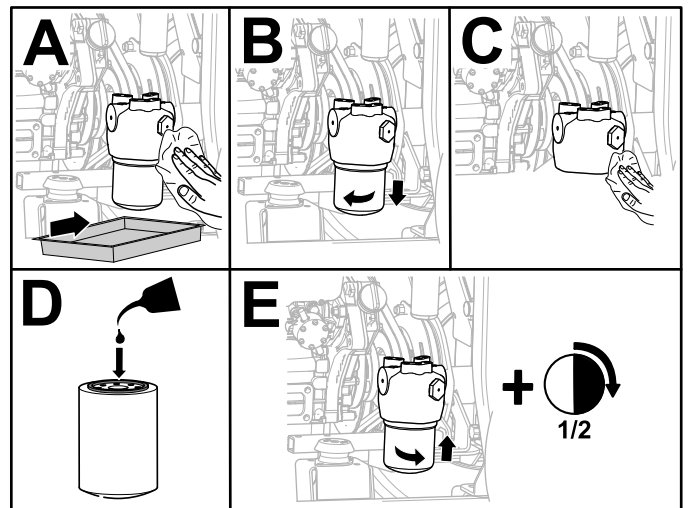
Dung tích bình chứa thủy lực: khoảng 5,0 L (5,3 US qt)

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Đảm bảo thùng chứa được hạ xuống hoàn toàn và cân bằng cũng như mâm cắt máy cắt cỏ được nâng lên.
3. Tắt PTO, bật phanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Sử dụng bơm siphong để làm rỗng bình thủy lực (Hình 101).



Hình 101

5. Xoay bộ tản nhiệt để tiếp cận bộ lọc; tham khảo [Tiếp cận Động cơ từ Phía Bên phải \(trang 53\)](#)
6. Thay bộ lọc thủy lực như được minh họa trong Hình 102.



Hình 102

7. Đổ thêm chất lỏng thủy lực quy định vào ống nạp cho đến khi bạn có thể nhìn thấy mức chất lỏng nằm giữa 2 vạch của que thăm dầu (Hình 99).

Quan trọng: Không đổ đầy bình thủy lực bằng chất lỏng thủy lực vượt quá vạch trên của que thăm.

8. Khởi động động cơ, xoay tay lái và xilanh nâng bàn, đồng thời kiểm tra chỗ rò rỉ chất lỏng. Để động cơ chạy trong khoảng 5 phút rồi tắt.
9. Sau 2 phút, kiểm tra mức chất lỏng thủy lực; tham khảo [Kiểm tra Mức Chất lỏng Thủy lực \(trang 73\)](#).

Bảo trì Mâm cắt Máy cắt cỏ

Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí bảo trì

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Nâng thùng chứa và bật khóa an toàn từ tính; tham khảo [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).
4. Tháo chốt và tháo máng cỏ; tham khảo [Dọn sạch Máng Cỏ \(trang 35\)](#).
5. Kéo và xoay chốt liên kết phía sau ở cả hai bên của mâm cắt máy cắt cỏ.
6. Nâng mâm cắt của máy cắt cỏ.
7. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
8. Sử dụng tay cầm và móc chân ở phía bên trái của mâm cắt máy cắt cỏ, xoay phần trước của mâm cắt máy cắt cỏ lên đến vị trí bảo trì.

Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí cắt cỏ

Quan trọng: Đảm bảo bạn đã tháo máng cỏ trước khi thực hiện quy trình này; nếu không, có thể xảy ra hư hỏng.

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Hạ mâm cắt của máy cắt cỏ.
3. Xoay các chốt liên kết phía sau để nhả vào các liên kết phía sau.
4. Lắp máng cỏ, xoay ghế của người vận hành và hạ thùng chứa xuống.

Bảo dưỡng Lưỡi dao

Để đảm bảo chất lượng mặt cắt vượt trội, hãy giữ cho các lưỡi cắtlưỡi dao luôn sắc bén. Để mài và thay thuận tiện, bạn có thể muốn cần thêm lưỡi cắtlưỡi dao có sẵn.

Thay lưỡi dao nếu lưỡi dao va phải vật rắn, chúng sẽ bị mất thẳng bằng hoặc bị cong. Để đảm bảo hiệu suất tốt nhất và tình trạng tuân thủ an toàn liên tục của máy, hãy sử dụng các lưỡi dao thay thế chính hãng của Toro. Các lưỡi thay thế do các nhà sản xuất khác sản xuất có thể không đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn.

An toàn Lưỡi cắtLưỡi dao

- Kiểm tra lưỡi cắtlưỡi dao định kỳ xem có bị mòn hoặc hư hỏng không.
- Cảnh thận khi kiểm tra các lưỡi cắtlưỡi dao. Bọc các lưỡi cắtlưỡi dao hoặc đeo găng tay, và thận trọng khi bảo dưỡng các lưỡi cắtlưỡi dao. Chỉ thay hoặc mài các lưỡi cắtlưỡi dao; không bao giờ làm thẳng hoặc hàn.
- Trên máy có nhiều lưỡi cắtlưỡi dao, hãy cảnh thận khi xoay một lưỡi dao vì có thể làm quay các lưỡi dao khác.

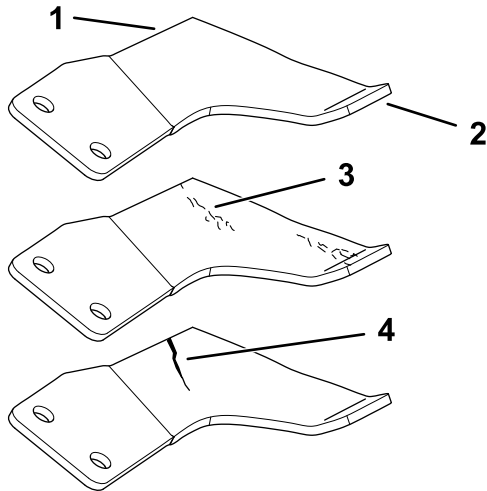
Trước khi Kiểm tra hoặc Bảo dưỡng Lưỡi cắt

Chuẩn bị mâm cắt máy cắt cỏ để bảo dưỡng; tham khảo [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).

Kiểm tra Lưỡi dao

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

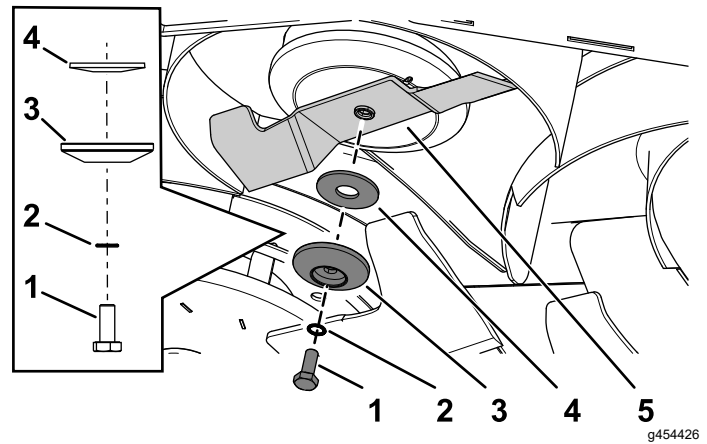
1. Kiểm tra mép cắt (**Hình 103**).
2. Nếu các mép không sắc hoặc có vết mẻ, hãy tháo và mài lưỡi cắt; tham khảo **Mài sắc và Cân bằng Lưỡi dao** (trang 77).
3. Kiểm tra các lưỡi dao, đặc biệt là ở khu vực buồm.
4. Nếu bạn nhận thấy có bất kỳ vết nứt, vết mòn hoặc khe hình thành ở khu vực này, hãy lắp lưỡi cắt mới ngay (**Hình 103**).



Hình 103

g215978

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| 1. Mép cắt | 3. Hình thành vết mòn/khe |
| 2. Bản hứng khu vực | 4. Vết nứt |



Hình 104

g454426

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1. Bu lông lưỡi dao | 4. Vòng đệm cong |
| 2. Vòng đệm răng cưa | 5. Lưỡi dao trung tâm |
| 3. Đĩa hãm lưỡi dao | |

Tháo cụm lưỡi dao cánh

Cụm lưỡi dao bên phải và bên trái xoay ngược chiều nhau và có vị trí riêng biệt. Đảm bảo bạn lắp các đĩa quạt và lưỡi dao vào đúng vị trí.

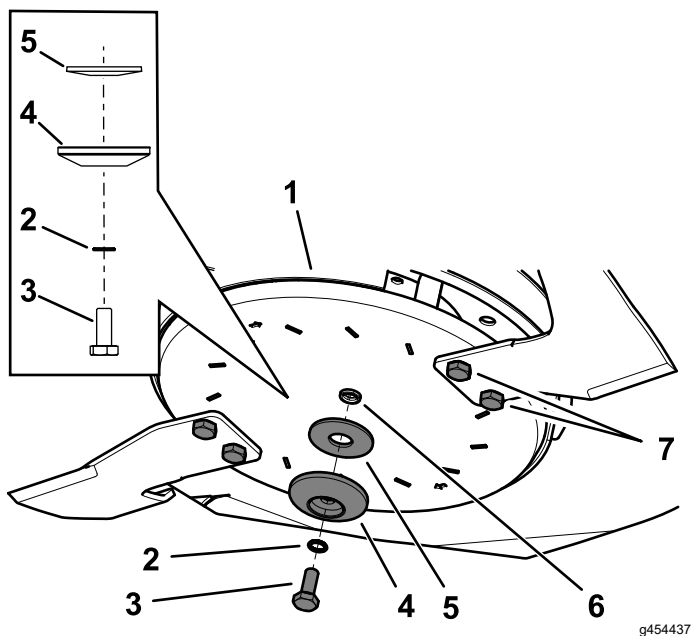
1. Giữ cụm lưỡi dao cánh bằng vải hoặc găng tay có đệm dày.
2. Tháo bu lông lưỡi dao, vòng đệm răng cưa, bộ giữ lưỡi dao, vòng đệm cong ra khỏi trục xoay chính (**Hình 105**).
3. Tháo cụm lưỡi dao (**Hình 105**).

Quan trọng: Bu lông lưỡi dao của cụm lưỡi dao bên phải có ren bên trái. Xoay bu lông lưỡi dao theo chiều kim đồng hồ để nới lỏng.

Tháo Lưỡi dao

Tháo lưỡi dao trung tâm

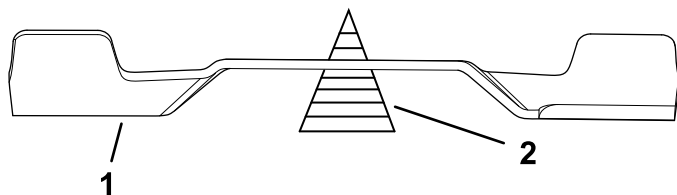
1. Giữ đầu lưỡi dao bằng vải hoặc găng tay có đệm dày.
2. Tháo bu lông lưỡi dao, vòng đệm răng cưa, bộ giữ lưỡi dao, vòng đệm cong và lưỡi dao ra khỏi trục xoay chính (**Hình 104**).



Hình 105

- | | |
|------------------------|---------------------|
| 1. Cụm lưới dao cánh | 5. Vòng đệm cong |
| 2. Vòng đệm răng cưa | 6. Trục xoay chính |
| 3. Bu lông lưới dao | 7. Bu lông lưới dao |
| 4. Bộ giữ cụm lưới dao | |

Lưu ý: Nếu lưới dao không thẳng bằng, chỉ nên giữ một ít kim loại ra khỏi đầu nặng của lưới dao ở khu vực buồm (Hình 106).



g216115

Hình 107

- | | |
|-------------|----------------|
| 1. Lưới dao | 2. Bộ cân bằng |
|-------------|----------------|
-
3. Lặp lại quy trình này cho đến khi lưới dao thẳng bằng.

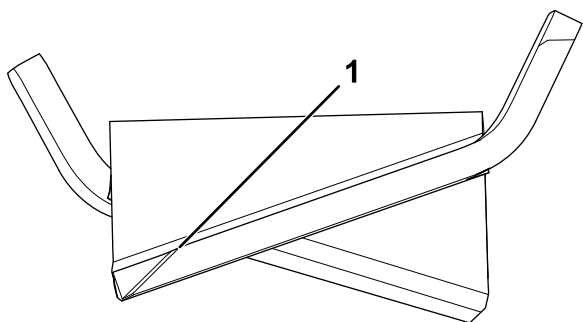
Mài sắc và Cân bằng Lưới dao

Mài sắc và Cân bằng Lưới dao Trung tâm

- Sử dụng giữa hoặc dụng cụ mài để mài mép cắt ở cả hai đầu của lưới dao (Hình 106).

Lưu ý: Duy trì góc ban đầu -22° .

Lưu ý: Lưới dao vẫn giữ thẳng bằng nếu bạn loại bỏ cùng một lượng vật liệu ra khỏi cả hai mép cắt.



g216118

Hình 106

- Mài sắc ở góc ban đầu -22° .
-
- Kiểm tra độ cân bằng của lưới dao bằng cách đặt lên bộ cân bằng lưới dao (Hình 107).

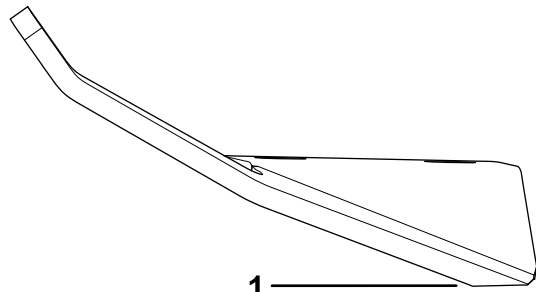
Lưu ý: Nếu lưới dao vẫn ở vị trí nằm ngang, lưới dao sẽ thẳng bằng và đã sẵn sàng sử dụng.

Mài sắc và Cân bằng Lưỡi dao Cánh

1. Sử dụng giũa hoặc dụng cụ mài để mài mép cắt ở cả hai đầu của cụm lưỡi dao (Hình 108).

Lưu ý: Duy trì góc ban đầu–22°.

Lưu ý: Lưỡi dao vẫn giữ thẳng bằng nếu bạn loại bỏ cùng một lượng vật liệu ra khỏi cả hai mép cắt.



Hình 108

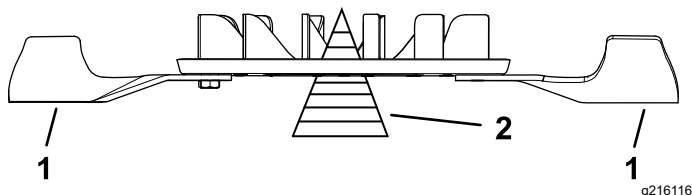
g216119

1. Mài sắc ở góc ban đầu–22°.

2. Kiểm tra độ cân bằng của cụm lưỡi dao bằng cách đặt lên bộ cân bằng lưỡi dao (Hình 109).

Lưu ý: Nếu cụm lưỡi dao vẫn ở vị trí nằm ngang, cụm lưỡi dao sẽ thẳng bằng và đã sẵn sàng sử dụng.

Lưu ý: Nếu cụm lưỡi dao không thẳng bằng, chỉ nên giũa một ít kim loại ra khỏi đầu nặng của lưỡi dao ở khu vực buồm (Hình 108).



Hình 109

g216116

1. Cụm lưỡi dao
2. Bộ cân bằng

3. Lắp lại quy trình này cho đến khi cụm lưỡi dao thẳng bằng.

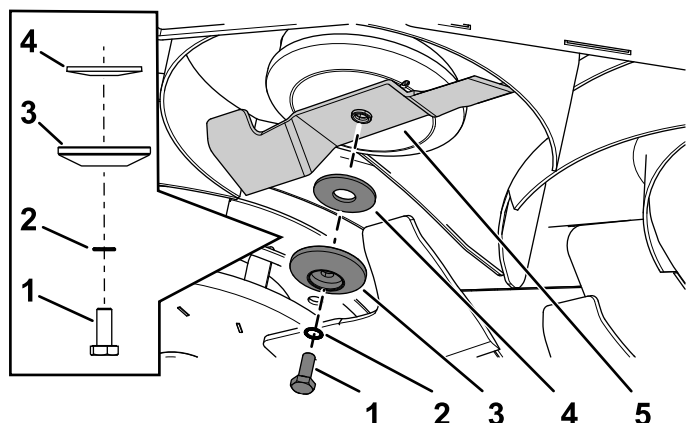
Lắp Lưỡi dao

Lắp lưỡi dao trung tâm

1. Giữ đầu lưỡi dao bằng vải hoặc găng tay có đệm dày.
2. Lắp lưỡi dao bằng bu lông lưỡi dao, vòng đệm răng cưa, bộ giữ lưỡi dao và vòng đệm cong (Hình 110) đã tháo trước đó.

Quan trọng: Khu vực buồm của lưỡi dao phải hướng lên trên về phía bên trong của máy cắt cỏ để đảm bảo cắt chính xác.

Lưu ý: Lắp mặt dạng cốc của vòng đệm cong hướng về phía lưỡi dao.



Hình 110

g454426

1. Bu lông lưỡi dao
2. Vòng đệm răng cưa
3. Đĩa hãm lưỡi dao
4. Vòng đệm cong
5. Lưỡi dao trung tâm

3. Tạo mô-men xoắn cho bu lông lưỡi dao đến 53 N·m (39 ft-lb).

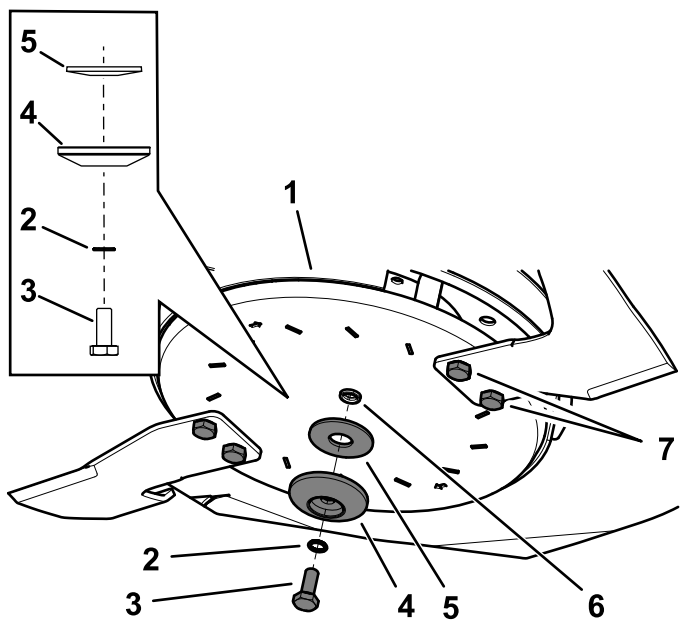
Lắp cụm lưỡi dao cánh

Quan trọng: Bu lông lưỡi dao của cụm lưỡi dao bên phải có ren bên trái. Đảm bảo vặn bu lông lưỡi dao đúng hướng; nếu không, bạn có thể gây hư hỏng.

1. Giữ cụm lưỡi dao cánh bằng vải hoặc găng tay có đệm dày.
2. Lắp cụm lưỡi dao cánh bằng bu lông đĩa, vòng đệm răng cưa, bộ giữ lưỡi dao và vòng đệm cong (Hình 111) đã tháo trước đó.

Quan trọng: Khu vực buồm của các lưỡi dao phải hướng lên trên về phía bên trong của máy cắt cỏ để đảm bảo cắt chính xác.

Lưu ý: Lắp mặt dạng cốc của vòng đệm cong hướng về phía lưỡi dao.



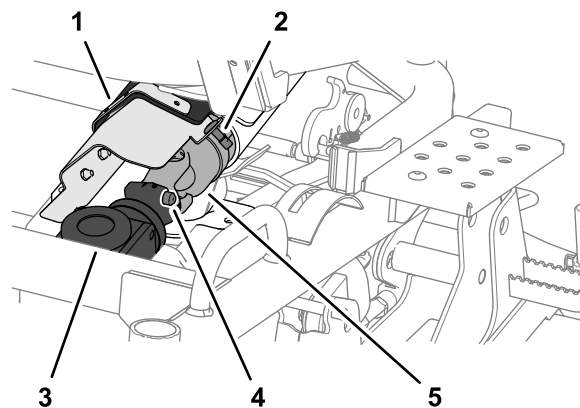
Hình 111

- | | |
|----------------------|---------------------|
| 1. Cụm lưỡi dao cánh | 5. Vòng đệm cong |
| 2. Vòng đệm răng cưa | 6. Trục xoay chính |
| 3. Bu lông đĩa | 7. Bu lông lưỡi dao |
| 4. Đĩa hãm lưỡi dao | |

3. Tạo mô-men xoắn cho bu lông đĩa đến 53 N·m (39 ft·lb).
4. Tạo mô-men xoắn cho các bu lông lưỡi dao đến 50 N·m (37 ft·lb).

Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ

1. Xoay chốt hãm một phần tư vòng và mở nắp khớp vạn năng ra khỏi vỏ dây đai (Hình 112).



Hình 112

- | | |
|------------------------------|---|
| 1. Nắp khớp nối chữ U | 4. Khớp nối vạn năng (trục truyền động) |
| 2. Chốt hãm một phần tư vòng | 5. Chốt chịu tải bằng lò xo |
| 3. Hộp số máy cắt cỏ | |

2. Ngắt kết nối đầu phía trước của trục truyền động ra khỏi hộp số của máy cắt cỏ bằng cách nhấn chốt chịu tải bằng lò xo, sau đó kéo đầu trục truyền động về phía sau (Hình 112).

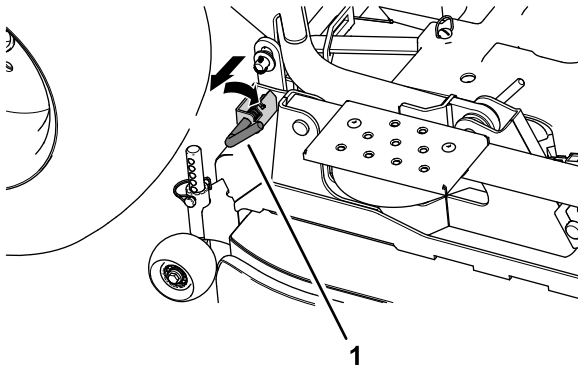
Kết nối Trục truyền động với Hộp số Máy cắt cỏ

1. Căn chỉnh các rãnh then của khớp nối đa năng của trục truyền động với các rãnh then của khớp nối hộp số; tham khảo Hình 112 trong Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ (trang 79).
2. Nhấn chốt chịu tải bằng lò xo, sau đó đẩy đầu trục truyền động về phía trước; tham khảo Hình 112 trong Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ (trang 79).
3. Nhả chốt chịu tải bằng lò xo và kiểm tra xem khớp nối vạn năng của trục truyền động đã được khóa vào hộp số của máy cắt cỏ chưa; tham khảo Hình 112 trong Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ (trang 79).
4. Đóng nắp khớp nối vạn năng và siết chặt vào vỏ dây đai bằng chốt hãm một phần tư vòng; tham khảo Hình 112 trong Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Máy cắt cỏ (trang 79).

Tháo Máy cắt cỏ

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.

2. Tắt PTO và bật phanh đỗ.
3. Trước khi hạ mâm cắt xuống, hãy kéo và xoay các chốt liên kết phía sau ở cả hai bên của mâm cắt máy cắt cỏ (**Hình 113**).

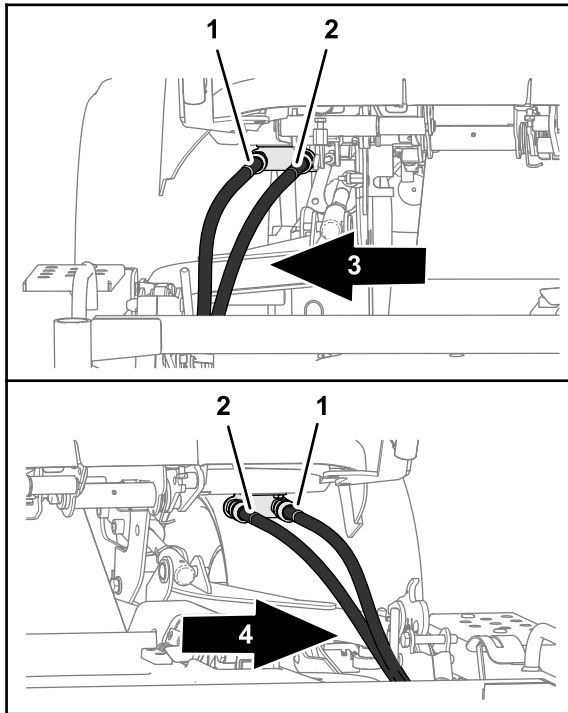


Hình 113

g231878

1. Chốt liên kết phía sau

4. Ngắt kết nối các ống mềm thủy lực ra khỏi mỗi bên của bộ kéo (**Hình 114**).



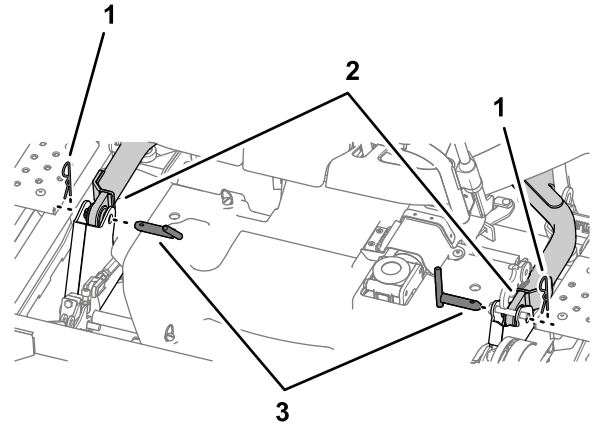
Hình 114

g231876

1. Ống mềm bên ngoài (mã số nhận dạng màu đỏ)
2. Ống mềm bên trong (mã số nhận dạng màu xanh lam)
3. Bên phải của máy
4. Bên trái của máy

5. Hạ mâm cắt máy cắt cỏ và nghiêng thùng chứa trở lại.
6. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
7. Nghiêng ghế về phía trước.

8. Tháo máng cỏ; tham khảo [Dọn sạch Máng Cỏ \(trang 35\)](#).
9. Ngắt kết nối khớp vạn năng của trục truyền động ra khỏi hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ; tham khảo [Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).
10. Tháo 2 chốt giữ bánh xe và 2 chốt kẹp hình chữ U đang siết chặt các tay đòn nâng ở mỗi bên của mâm cắt máy cắt cỏ (**Hình 115**).



Hình 115

g231877

1. Chốt giữ bánh xe
2. Tay đòn nâng
3. Chốt kẹp hình chữ U

11. Lăn mâm cắt máy cắt cỏ về phía trước và ra xa bộ kéo.

Lắp Mâm cắt Máy cắt cỏ

1. Đỡ máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Nghiêng thùng chứa trở lại.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Tháo máng cỏ; tham khảo [Dọn sạch Máng Cỏ \(trang 35\)](#).
5. Lăn mâm cắt máy cắt cỏ về phía sau vào bộ kéo.
6. Lắp chốt giữ bánh xe và chốt kẹp hình chữ U để siết chặt các tay đòn nâng ở mỗi bên; tham khảo [Hình 115](#) trong [Tháo Mâm cắt của xe \(trang 79\)](#).
7. Kết nối khớp vạn năng của trục truyền động ra khỏi hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ; tham khảo [Kết nối Trục truyền động với Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).
8. Lắp máng cỏ; tham khảo [Dọn sạch Máng Cỏ \(trang 35\)](#).
9. Nghiêng ghế về phía sau.
10. Khởi động động cơ.
11. Hạ thùng chứa.
12. Nâng mâm cắt máy cắt cỏ lên cho đến khi bánh xe đẩy hơi nhấc khỏi mặt đất.

13. Xoay các chốt liên kết phía sau để bật các liên kết nâng phía sau của mâm cắt máy cắt cỏ; tham khảo [Hình 113](#) trong [Tháo Mâm cắt của xe \(trang 79\)](#).
14. Kết nối các ống mềm thủy lực như sau:
 - A. Kết nối ống mềm thủy lực được đánh dấu bằng mã số nhận dạng màu xanh lam với khớp nối ngắn kết nối nhanh bên trong (được đánh dấu bằng mã số nhận dạng màu xanh lam); tham khảo [Hình 114](#) trong [Tháo Mâm cắt của xe \(trang 79\)](#).
 - B. Kết nối ống mềm thủy lực được đánh dấu bằng mã số nhận dạng màu đỏ với khớp nối ngắn kết nối nhanh bên ngoài (được đánh dấu bằng mã số nhận dạng màu đỏ); tham khảo [Hình 114](#) trong [Tháo Mâm cắt của xe \(trang 79\)](#).
 - C. Lặp lại các bước **A** và **B** đối với ống mềm thủy lực ở phía bên kia của mâm cắt máy cắt cỏ.

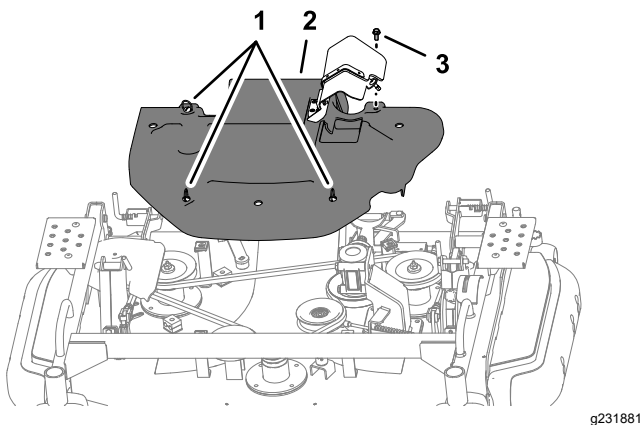
cắt cỏ; tham khảo [Hình 116](#) trong [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).

2. Xoay các chốt hãm một phần tư vòng theo chiều kim đồng hồ.
3. Lắp bu lông vào vỏ dây đai vào đai ốc kẹp của mâm cắt máy cắt cỏ; tham khảo [Hình 116](#) trong [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).

Tháo Vỏ Dây đai

Lưu ý: Bạn phải tách khớp nối chữ U của trục truyền động ra khỏi hộp số mâm cắt máy cắt cỏ trước khi tháo vỏ dây đai; tham khảo [Ngắt kết nối Trục truyền động khỏi Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).

1. Xoay 3 chốt hãm một phần tư vòng ngược chiều kim đồng hồ ([Hình 116](#)).



Hình 116

- | | |
|------------------------------|------------|
| 1. Chốt hãm một phần tư vòng | 2. Bu lông |
|------------------------------|------------|

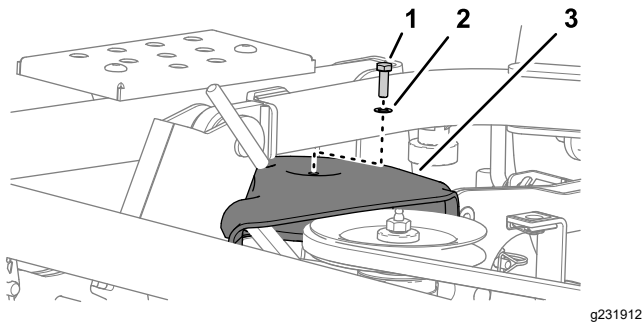
2. Nới lỏng bu lông ([Hình 116](#)).
3. Tháo vỏ dây đai ra khỏi mâm cắt máy cắt cỏ.

Lắp Vỏ Dây đai

1. Căn chỉnh các chốt hãm một phần tư vòng của vỏ dây đai với các đai ốc kẹp của mâm cắt máy

Tháo Nắp Ròng rọc

1. Tháo vỏ dây đai; tham khảo [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).
2. Tháo bu lông và vòng đệm siết chặt nắp ròng rọc vào mâm cắt máy cắt cỏ ([Hình 117](#)).



Hình 117

1. Bu lông
2. Vòng đệm
3. Nắp ròng rọc

3. Tháo nắp ròng rọc ra khỏi máy.

Lắp Nắp Ròng rọc

1. Căn chỉnh nắp ròng rọc lên trên ròng rọc ngoài cùng bên phải; tham khảo [Hình 117](#) trong [Tháo Nắp Ròng rọc \(trang 82\)](#).
2. Siết chặt nắp ròng rọc vào đai ốc kẹp của mâm cắt bằng bu lông và vòng đệm mà bạn đã tháo ở bước 2 trong [Tháo Nắp Ròng rọc \(trang 82\)](#).

Thay Dầu trong Hộp số của Mâm cắt Máy cắt cỏ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 50 giờ đầu tiên—Thay dầu trong hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ.

300 giờ một lần—Thay dầu trong hộp số của mâm cắt máy cắt cỏ.

Thông số kỹ thuật của dầu trong hộp số: PG2 và API GL4, GL5 hoặc MT1

Độ nhớt của dầu trong hộp số: LSX 75W90

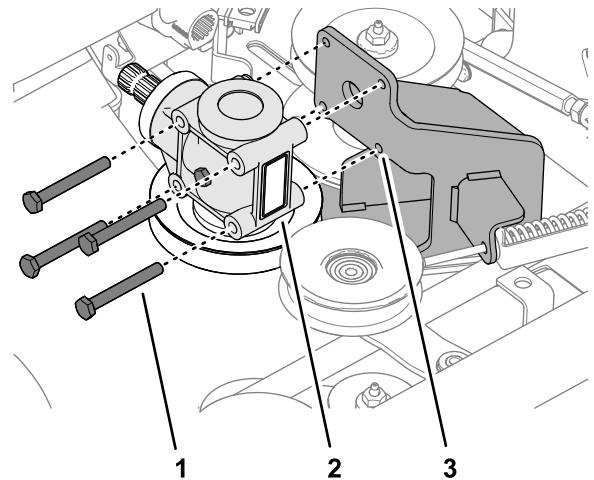
Dung lượng dầu trong hộp số: 112 ml (3,8 oz)

Chuẩn bị Thay Dầu trong Hộp số

1. Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng, tắt PTO và hạ mâm cắt của máy cắt cỏ.
2. Gài Bật phanh tayphanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa.
3. Tháo vỏ dây đai; tham khảo [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#)

Tháo Hộp số

1. Nới lỏng thanh căng dây đai máy cắt cỏ và tháo dây đai máy cắt cỏ ra khỏi ròng rọc hộp số; tham khảo bước 4 [Tháo Dây đai Máy cắt cỏ \(trang 87\)](#)
2. Tháo 4 bu lông siết chặt hộp số mâm cắt máy cắt cỏ vào giá nâng hộp số ([Hình 118](#)).

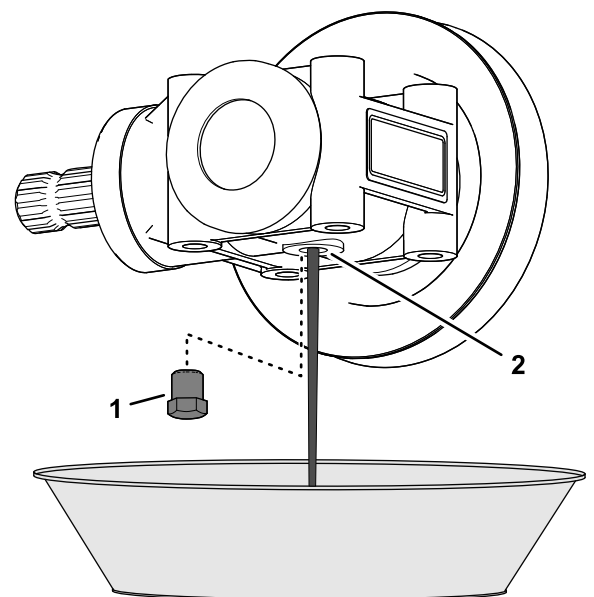


Hình 118

1. Bu lông
2. Hộp số mâm cắt máy cắt cỏ
3. Nâng hộp số

Thay Dầu Hộp số

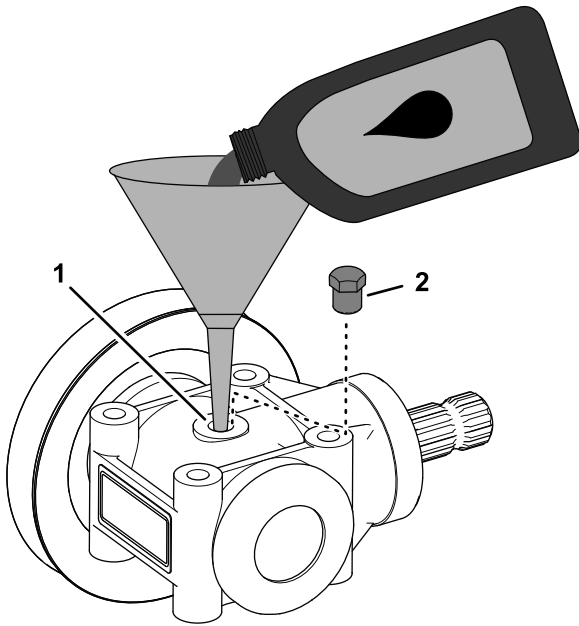
1. Tháo nút bịt vỏ hộp ra khỏi lỗ nút bịt vỏ hộp số mâm cắt máy cắt cỏ ([Hình 119](#)).



Hình 119

1. Nút bịt vỏ hộp
2. Lỗ nút bịt vỏ hộp (hộp số mâm cắt máy cắt cỏ)

- Đặt hộp số lên trên khay xả và xả hết dầu ra khỏi hộp số ([Hình 119](#)).
- Xoay hộp số để căn chỉnh lỗ nút bịt vỏ hộp hướng lên trên ([Hình 120](#)).



Hình 120

g233004

- Đổ thêm 112 ml (3,8 oz) dầu hộp số theo quy định vào vỏ hộp số qua lỗ nút bịt vỏ hộp ([Hình 120](#)).
- Lắp nút bịt vỏ hộp vào lỗ nút bịt vỏ hộp số mâm cắt máy cắt cỏ ([Hình 120](#)).

Lắp Hộp Số

- Căn chỉnh các lỗ trên hộp số mâm cắt máy cắt cỏ với các lỗ trên giá nâng hộp số; tham khảo [Hình 118](#) trong [Tháo Hộp số \(trang 82\)](#).
- Siết chặt hộp số vào giá nâng bằng 4 bu lông bạn đã tháo ở bước 2 của [Tháo Hộp số \(trang 82\)](#).
- Lắp đặt và căng dây đai máy cắt cỏ; tham khảo các bước 1 và 2 trong [Lắp Dây đai Máy cắt cỏ \(trang 88\)](#).
- Lắp vỏ dây đai; tham khảo [Lắp Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).
- Kết nối trực truyền động với hộp số mâm cắt máy cắt cỏ; tham khảo [Kết nối Trực truyền động với Hộp số Mâm cắt Máy cắt cỏ \(trang 79\)](#).

Điều chỉnh Mâm cắt Máy cắt cỏ

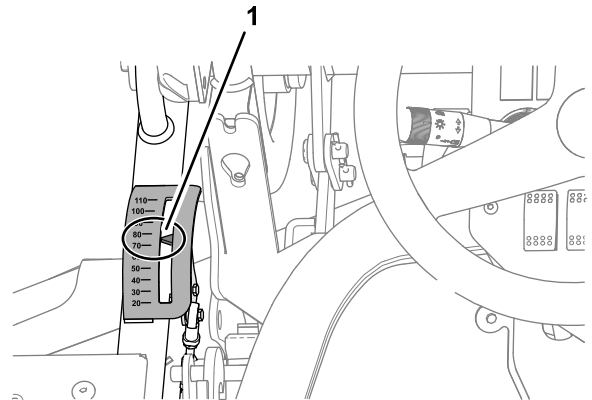
Chuẩn bị Cân bằng Mâm cắt

- Đổ máy trên bề mặt bằng phẳng.
- Hạ mâm cắt của máy cắt cỏ và đặt cân nâng mâm cắt ở vị trí phao nổi.
- Kiểm tra các lưỡi dao của máy cắt cỏ hoặc đĩa lưỡi dao cánh bị cong hoặc hư hỏng, tham khảo [Kiểm tra Lưỡi dao \(trang 76\)](#).

Lưu ý: Thay các lưỡi dao và đĩa bị cong hoặc bị hỏng trước khi cân bằng mâm cắt.

Cân bằng Mâm cắt Máy cắt cỏ từ Trái sang Phải

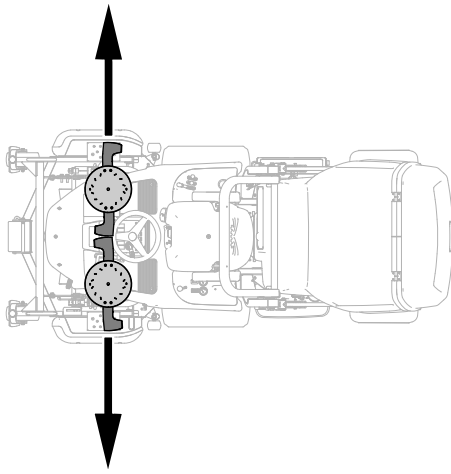
- Điều chỉnh độ cao cắt đến vị trí 75 mm (3 inch) ([Hình 121](#)).



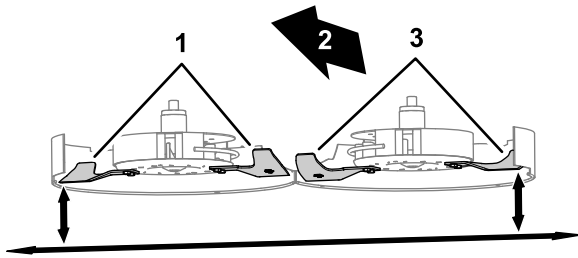
Hình 121

g231943

- Chỉ số độ cao cắt (vị trí 75 mm)
- Tắt động cơ và rút chìa khóa.
- Căn chỉnh lưỡi dao cánh đến vị trí ngoài cùng ([Hình 122](#)).



g232023



g231917

Hình 122

1. Lưỡi dao cánh bên phải
2. Phía trước máy
3. Lưỡi dao cánh bên trái

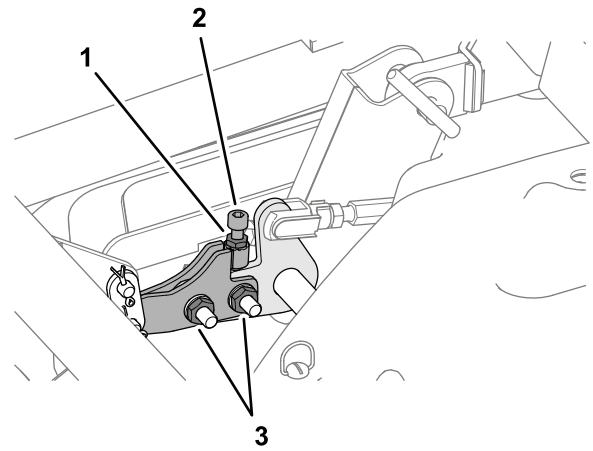
4. Đo khoảng cách giữa mặt đất và điểm ngoài cùng của mép cắt lưỡi dao bằng bộ căn mẫu đo (**Hình 122**).

Ghi lại số đo ở đây: _____

5. Căn chỉnh lưỡi dao cánh ở phía bên kia của mâm cắt máy cắt cỏ đến vị trí ngoài cùng (**Hình 122**).
6. Đo khoảng cách giữa mặt đất và điểm ngoài cùng của mép cắt lưỡi dao bằng bộ căn mẫu đo (**Hình 122**).

Ghi lại số đo ở đây: _____

7. Nếu chênh lệch giữa các phép đo lớn hơn 3,2 mm (1/8 inch), hãy thực hiện như sau:
 - A. Nới lỏng 2 đai ốc siết chặt liên kết cân bằng (**Hình 123**).



g231919

Hình 123

1. Đai ốc hãm
2. Bu lông đầu lỗ vặn
3. Đai ốc (liên kết cân bằng)

- B. Nới lỏng đai ốc hãm đang siết chặt bu lông đầu lỗ vặn (**Hình 123**).

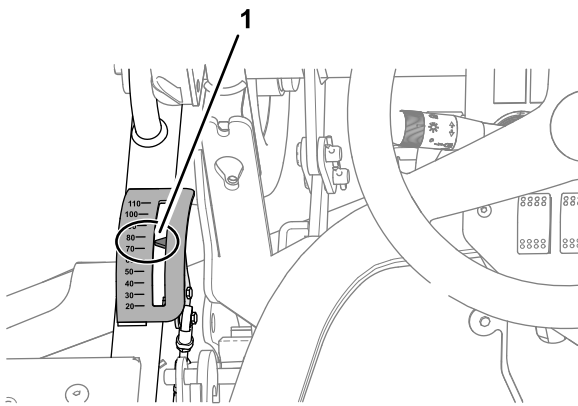
- C. Điều chỉnh chiều cao lưỡi dao cánh ở phía bên phải của mâm cắt như sau:

- Xoay bu lông đầu lỗ vặn theo chiều kim đồng hồ để hạ phía bên phải của mâm cắt máy cắt cỏ.
- Xoay bu lông đầu lỗ vặn ngược chiều kim đồng hồ để nâng phía bên phải của mâm cắt máy cắt cỏ.

8. Đo điểm ngoài cùng của các mép cắt lưỡi dao (**Hình 122**).
9. Lặp lại các bước 7 và 8 cho đến khi chênh lệch giữa các phép đo là 3,2 mm (1/8 inch) trở xuống.
10. Siết chặt 2 đai ốc cho liên kết cân bằng và đai ốc hãm cho bu lông đầu lỗ vặn (**Hình 123**).

Cân bằng Mâm cắt Máy cắt cỏ từ Trước ra Sau

1. Điều chỉnh độ cao cắt đến vị trí 75 mm (3 inch) (**Hình 124**).

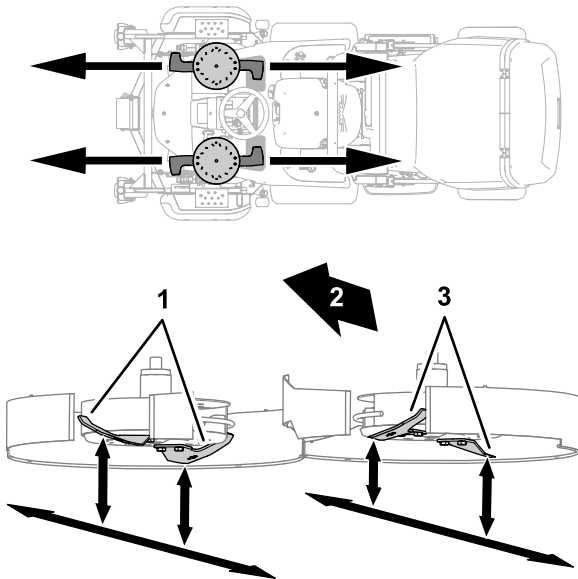


Hình 124

g231943

1. Chỉ số độ cao cắt (vị trí 75 mm)

2. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
3. Căn chỉnh lưới dao cánh đến vị trí xa nhất ở phía trước (Hình 125).



Hình 125

g232024

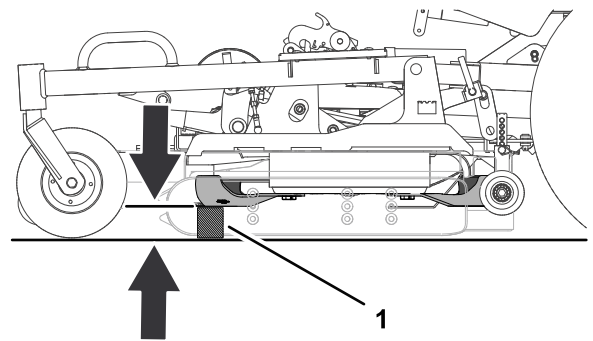
g231946

1. Lưới dao cánh bên phải
2. Phía trước máy
3. Lưới dao cánh bên trái

4. Đo khoảng cách giữa mặt đất và điểm xa nhất ở phía trước của mép cắt lưới bằng bộ căn mẫu đo (Hình 126).

Ghi lại phép đo lưới dao bên trái ở đây: _____

Ghi lại phép đo lưới dao bên phải ở đây: _____



75 mm
(3 inches)

Hình 126

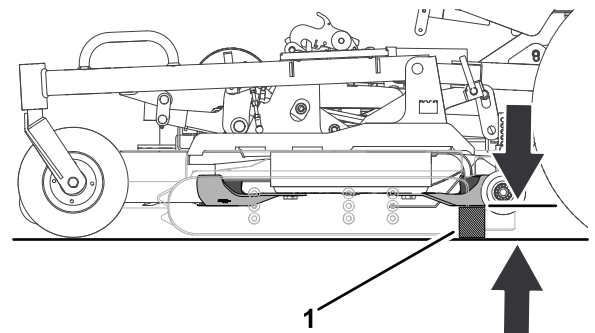
g231944

1. Bộ căn mẫu đo

5. Đo khoảng cách giữa mặt đất và điểm xa nhất ở phía sau của mép cắt lưới bằng bộ căn mẫu đo (Hình 127).

Ghi lại phép đo lưới dao bên trái ở đây: _____

Ghi lại phép đo lưới dao bên phải ở đây: _____



81 to 84 mm
(3-3/16 to
3-5/16 inches)

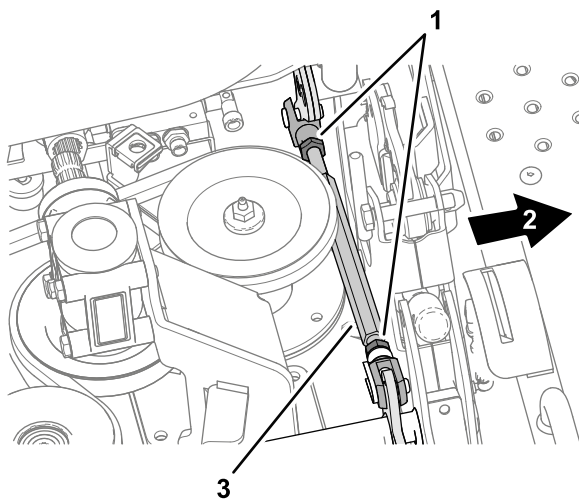
Hình 127

g231947

1. Bộ căn mẫu đo

6. Nếu chênh lệch giữa các phép đo nhỏ hơn 4,8 mm (3/16 inch) hoặc lớn hơn 8 mm (5/16 inch), hãy thực hiện như sau:

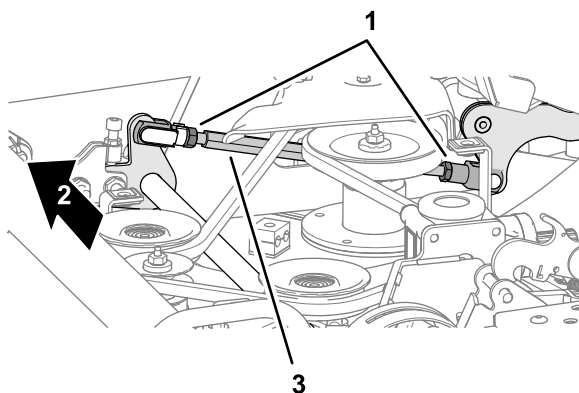
- A. Tháo vỏ dây đai; tham khảo [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#).
- B. Nới lỏng các đai ốc hãm cho bộ điều chỉnh độ nghiêng của mâm cắt (Hình 128 và Hình 129) ở mỗi bên của mâm cắt.



Hình 128

g231949

1. Đai ốc hãm
2. Bên trái của máy
3. Bộ điều chỉnh độ nghiêng của mâm cắt



Hình 129

g231950

1. Đai ốc hãm
2. Bên phải của máy
3. Bộ điều chỉnh độ nghiêng của mâm cắt

- C. Xoay các bộ điều chỉnh độ nghiêng của mâm cắt cho đến khi điểm xa nhất về phía sau của mép cắt lưỡi cao hơn điểm xa nhất về phía trước của mép cắt lưỡi từ 4,8 đến 8 mm (3/16 đến 5/16 inch).
- D. Lặp lại bước C đối với lưỡi dao ở phía bên kia của máy.

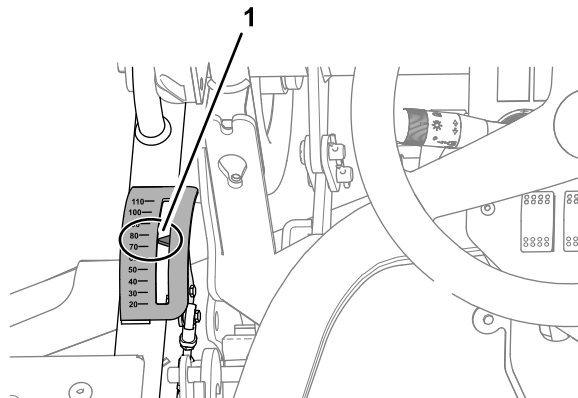
Quan trọng: Đảm bảo điểm xa nhất về phía sau của mép cắt lưỡi bên trái và bên phải có số đo trong vòng 3,2 mm (1/8 inch).

7. Siết chặt các đai ốc hãm cho bộ điều chỉnh độ nghiêng của mâm cắt (Hình 123).
8. Kiểm tra mâm cắt để biết thẳng bằng từ trái sang phải; tham khảo [Cân bằng Mâm cắt Máy cắt cỏ từ Trái sang Phải](#) (trang 83).

9. Lắp vỏ dây đai; tham khảo [Lắp Vỏ Dây đai](#) (trang 81).

Điều chỉnh Kim đo Độ cao Cắt

1. Khi các lưỡi dao của máy cắt cỏ thẳng hàng từ trước ra sau và phía trước của các lưỡi dao được điều chỉnh cách mặt đất 75 mm (3 inch), hãy kiểm tra vị trí của chỉ số độ cao cắt.
2. Ngồi vào ghế của người vận hành và nhìn vào kim đo chỉ số độ cao cắt (Hình 130).

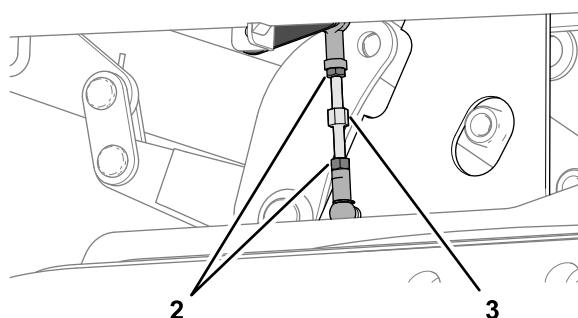
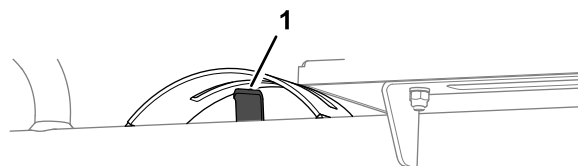


Hình 130

g231943

1. Chỉ số độ cao cắt (vị trí 75 mm)

3. Nếu kim đo chỉ số độ cao cắt không thẳng hàng với vạch 75 mm, hãy thực hiện như sau:
 - A. Nới lỏng 2 đai ốc hãm đang siết chặt liên kết độ cao cắt (Hình 131).



Hình 131

g231994

1. Kim đo (chỉ số độ cao cắt)
2. Đai ốc hãm
3. Liên kết độ cao cắt

- B. Xoay liên kết cho đến khi kim đo chỉ số độ cao cắt thẳng hàng với vạch 75 mm khi

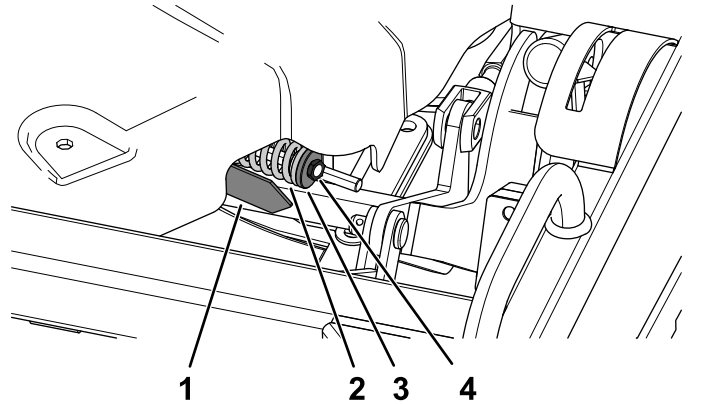
nhìn từ ghế của người vận hành (Hình 130 và Hình 131).

C. Siết chặt 2 đai ốc hãm (Hình 131).

Kiểm tra độ căng dây đai mâm cắt máy cắt cỏ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Sau 50 giờ đầu tiên
50 giờ một lần

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO, hạ mâm cắt máy cắt cỏ và bật phanh đỗ.
3. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
4. Nới lỏng hoặc siết chặt đai ốc hãm cho đến khi mũi tên chỉ báo độ căng thẳng hàng với bề mặt ngoài của vòng đệm (Hình 132).



g216382

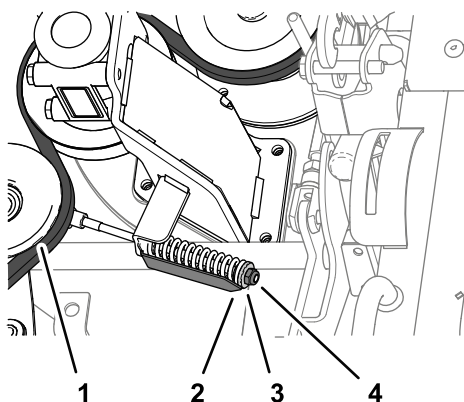
Hình 132

- | | |
|----------------------------|---------------|
| 1. Mũi tên chỉ báo độ căng | 3. Vòng đệm |
| 2. Lò xo căng dây đai | 4. Đai ốc hãm |

Thay Dây đai Mâm cắt Máy cắt cỏ

Tháo Dây đai Máy cắt cỏ

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng, tắt PTO và hạ mâm cắt của máy cắt cỏ.
2. Gài Bật phanh tayphanh đỗ, tắt động cơ và rút chìa khóa.
3. Tháo vỏ dây đai và nắp ròng rọc; tham khảo [Tháo Vỏ Dây đai \(trang 81\)](#) và [Tháo Nắp Ròng rọc \(trang 82\)](#).
4. Nới lỏng đai ốc hãm của bộ căng dây đai cho đến khi bạn có thể trượt dây đai ra khỏi ròng rọc căng dây đai (Hình 133).



Hình 133

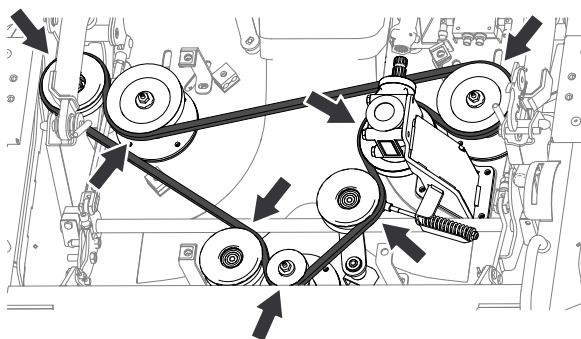
g231993

1. Ròng rọc căng dây đai
2. Mũi tên chỉ báo độ căng
3. Vòng đệm
4. Đai ốc hãm

5. Tháo dây đai ra khỏi các ròng rọc của mâm cắt máy cắt cỏ.

Lắp Dây đai Máy cắt cỏ

1. Luồn dây đai mới quanh các ròng rọc như được minh họa trong Hình 134.



Hình 134

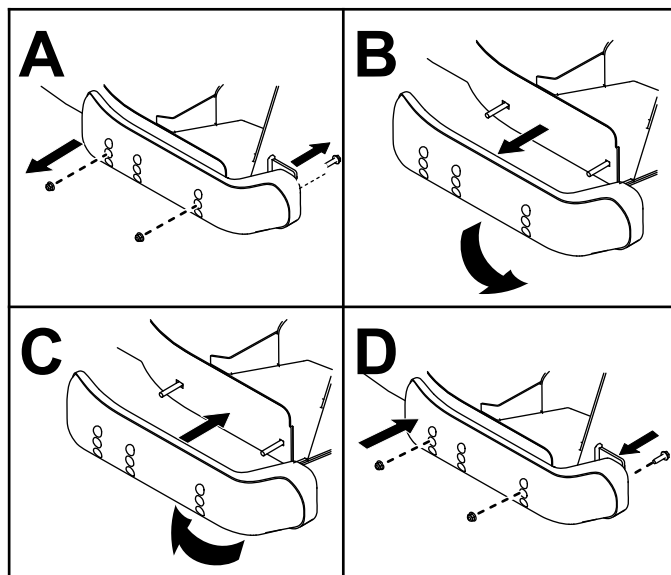
g231992

2. Siết chặt đai ốc hãm cho đến khi mũi tên chỉ báo độ căng thẳng hàng với bề mặt ngoài của vòng đệm (Hình 133).
3. Lắp nắp ròng rọc; tham khảo Lắp Nắp Ròng rọc (trang 82).
4. Lắp vỏ dây đai; tham khảo Lắp Vỏ Dây đai (trang 81).

Chuyển đổi các thanh trượt

Khi các thanh trượt bị mòn, bạn có thể chuyển đổi chúng sang phía bên kia của máy cắt cỏ để sử dụng thêm.

1. Đặt máy trên bề mặt bằng phẳng.
2. Tắt PTO và bật phanh đỗ.
3. Xoay mâm cắt máy cắt cỏ đến vị trí bảo trì; tham khảo Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí bảo trì (trang 75).
4. Tắt động cơ và rút chìa khóa.
5. Tháo các thanh trượt ra khỏi các bên của mâm cắt máy cắt cỏ (Hình 135).



Hình 135

g232026

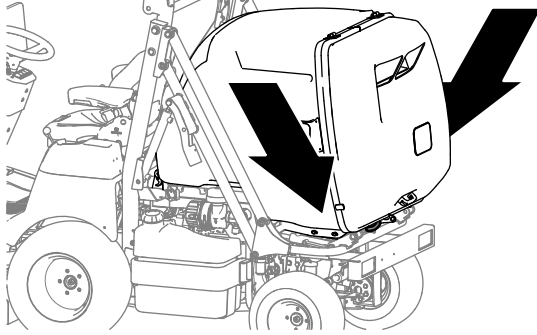
6. Chuyển đổi các thanh trượt và lắp chúng bằng các vít đã tháo trước đó (Hình 135).

Quan trọng: Chỉ sử dụng 2 bộ lỗ phía trên cùng khi lắp các thanh trượt.

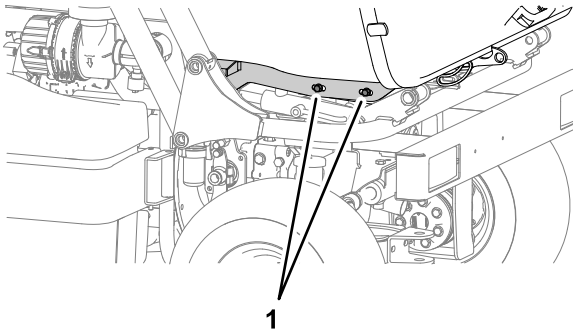
Bảo dưỡng Thùng chứa

Căn chỉnh Thùng chứa theo Vòng bít của Máng

1. Nới lỏng 4 bu lông đang siết chặt các giá nâng thùng chứa vào ống nổi trực (**Hình 136**).



g232010

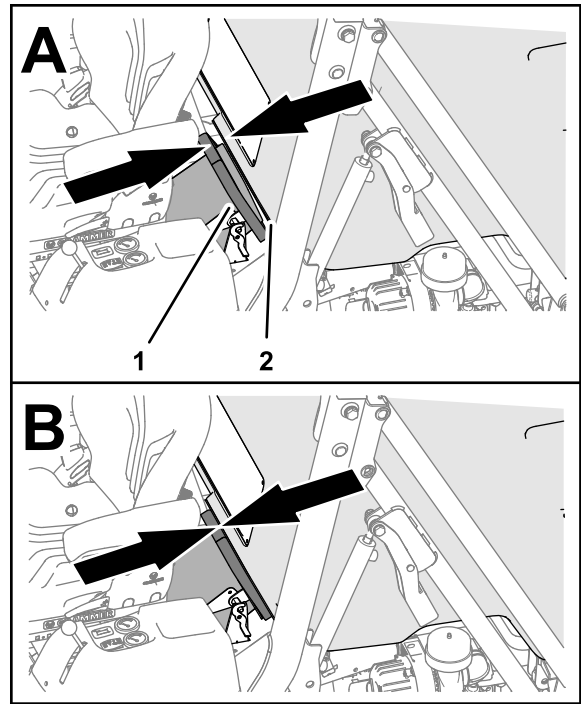


g232011

Hình 136

1. Bu lông

2. Trượt thùng chứa về phía trước hoặc phía sau cho đến khi cửa nạp thùng chứa thẳng hàng với vòng bít của máng (**Hình 137**).



g232009

Hình 137

1. Vòng bít của máng
 2. Cửa nạp thùng chứa
-
3. Siết chặt 4 bu lông (**Hình 136**).

Vệ sinh

Lưu ý: Quy trình rửa không đúng cách có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tuổi thọ của vòng bi. Không rửa máy khi còn nóng và tránh phun áp suất cao hoặc khối lượng lớn vào vòng bi.

Làm sạch Bên dưới Vỏ Dây đai của Mâm cắt Máy cắt cỏ

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

1. Tháo công tắc điều khiển lưỡi cắt/lưỡi dao (PTO) và bật phanh đỗ.
2. Tắt động cơ, rút chìa khóa và chờ cho tất cả các bộ phận chuyển động dừng lại trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành.
3. Lắp một mắt phun khí vào khoảng cách giữa vỏ dây đai và mặt trên cùng của mâm cắt máy cắt cỏ. Sử dụng khí nén để dọn sạch cỏ tích tụ ra khỏi bên dưới vỏ dây đai của mâm cắt máy cắt cỏ.

Làm sạch bên dưới mâm cắt máy cắt cỏ

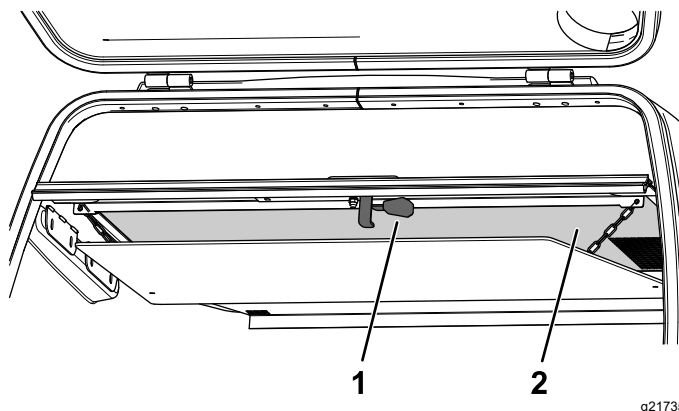
Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

1. Tháo công tắc điều khiển lưỡi cắt/lưỡi dao (PTO) và bật phanh đỗ.
2. Tắt động cơ, rút chìa khóa và chờ cho tất cả các bộ phận chuyển động dừng lại trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành.
3. Chuẩn bị mâm cắt máy cắt cỏ để bảo dưỡng; tham khảo [Xoay mâm cắt máy cắt cỏ vào vị trí bảo trì \(trang 75\)](#).
4. Loại bỏ tất cả cỏ hoặc mảnh vụn bị đóng cứng, và làm sạch nếu cần.

Làm sạch Màn Thùng chứa

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

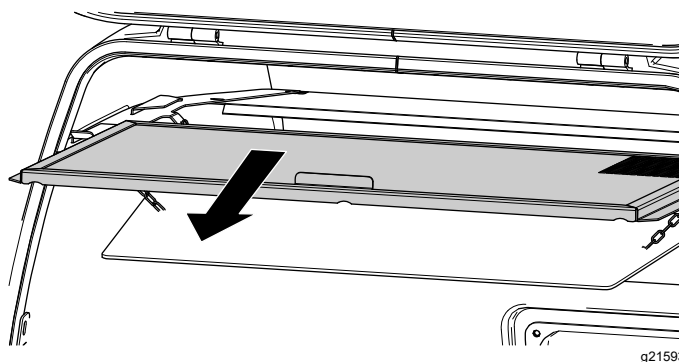
1. Mở cửa thùng chứa.
2. Kéo cần nhả ở dưới cùng của màn thùng chứa xuống dưới ([Hình 138](#)).



Hình 138

1. Cần nhả
2. Màn thùng chứa

3. Tháo màn thùng chứa và làm sạch ([Hình 139](#)).



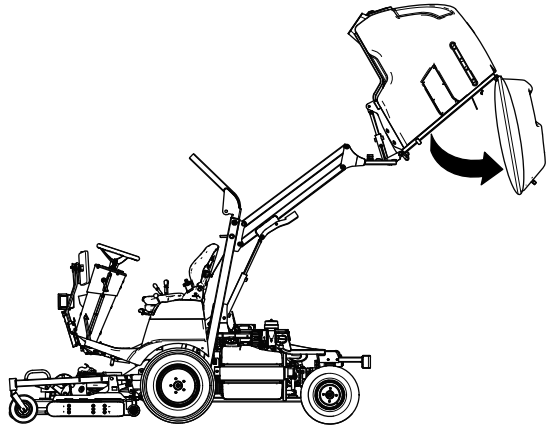
Hình 139

4. Lắp màn thùng chứa.

Làm sạch các khe phía sau trên cửa thùng chứa

Khoảng thời gian Dịch vụ: Trước mỗi lần sử dụng hoặc hàng ngày

1. Tháo công tắc điều khiển lưỡi cắt/lưỡi dao (PTO) và bật phanh đỗ.
2. Nâng thùng chứa (Hình 140) lên vị trí cao nhất; tham khảo [Nâng Thùng chứa \(trang 33\)](#).



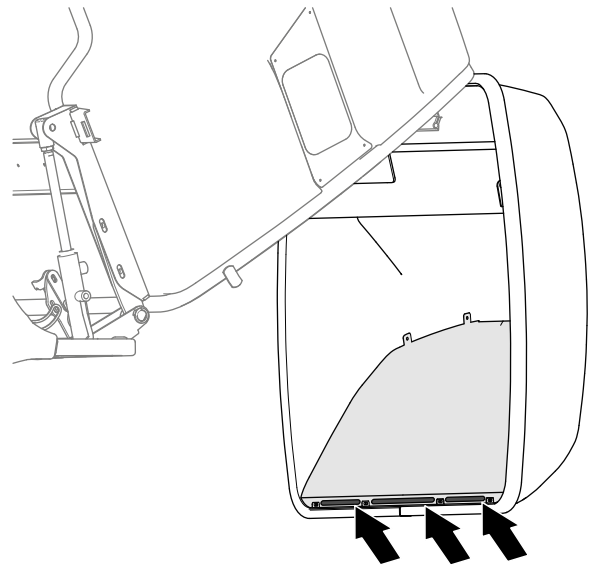
Hình 140

g232364

3. Đổ hết thùng chứa (Hình 140) và để ở vị trí đổ hết hoàn toàn, với cửa phía sau treo tự do; tham khảo [Đổ Thùng chứa \(trang 34\)](#).

Lưu ý: Cửa thùng chứa tự động mở chốt khi đổ thùng chứa.

4. Tắt động cơ, rút chìa khóa và chờ cho tất cả các bộ phận chuyển động dừng lại trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành.
5. Siết chặt thùng chứa đã nâng bằng các khóa an toàn; tham khảo [Hình 41](#) trong [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).
6. Sử dụng khí nén, làm sạch cỏ và mảnh vụn khỏi các khe ở đáy tấm kim loại bên trong cửa thùng chứa. (Hình 141).



Hình 141

g232008

7. Siết chặt khóa an toàn vào vị trí xếp gọn; tham khảo [Hình 41](#) trong [Siết chặt Thùng chứa ở Vị trí Nâng lên \(trang 46\)](#).
8. Xoay thùng chứa đến vị trí cân bằng.
9. Hạ thùng chứa; tham khảo [Hạ Thùng chứa \(trang 34\)](#).

Thải bỏ Chất thải

Dầu động cơ, pinắc quy, chất lỏng thủy lực và chất làm mát động cơ là những chất gây ô nhiễm môi trường. Thải bỏ những thứ này theo quy định của tiểu bang và địa phương của bạn.

Cắt giũa

An toàn Cắt giũa

- Tắt động cơ, rút chìa khóa, và chờ máy dừng mọi chuyển động trước khi rời khỏi vị trí của người vận hành. Để máy nguội trước khi điều chỉnh, bảo dưỡng, vệ sinh hoặc cắt giũa.
- Không cắt giũa máy hoặc bình chứa nhiên liệu ở nơi có lửa trần, tia lửa hoặc đèn đánh lửa, chẳng hạn như trên máy nước nóng hoặc thiết bị khác.

Cắt giũa Ấc quy

- Bảo dưỡng ắc quy và cáp như sau:
 1. Tháo các cực ắc quy ra khỏi các cọc ắc quy; tham khảo [Tháo Ấc quy \(trang 61\)](#).
 2. Làm sạch ắc quy, cực và cọc ắc quy bằng bàn chải sắt và dung dịch natri bicacbonat.
 3. Bọc các đầu cáp và cọc ắc quy bằng mỡ bôi ngoài Grafo 112X (Số Bộ phận Toro 505-47) hoặc mỡ khoáng để tránh bị ăn mòn.
 4. Nếu bạn định cắt giũa máy hơn 30 ngày, hãy tháo ắc quy và sạc đầy.

Lưu ý: Sạc chậm ắc quy trong 24 giờ cứ sau 60 ngày để ngăn chặn quá trình sunfat hóa dây dẫn của ắc quy.

- Cắt giũa ắc quy ở vị trí trên máy.
- Để các dây cáp bị ngắt kết nối nếu ắc quy được cắt giũa trong máy.
- Cắt giũa ắc quy ở nơi thoáng mát để tránh sạc ắc quy nhanh xuống cấp.
- Để ngăn ắc quy bị đóng băng, hãy đảm bảo ắc quy đã được sạc đầy. Trọng lượng riêng của chất điện phân trong ắc quy đã sạc đầy nằm trong khoảng từ 1,265 đến 1,299.

Chuẩn bị Máy

Quan trọng: Không sử dụng nước lợ hoặc nước tuần hoàn để làm sạch máy.

1. Làm sạch hoàn toàn máy, mâm cắt máy cắt cỏ và động cơ, đặc biệt chú ý đến những khu vực sau:
 - Bộ tản nhiệt và màn bộ tản nhiệt
 - Dưới mâm cắt
 - Dưới vỏ dây đai mâm cắt
 - Cụm trục PTO

- Tắt cả các núm tra mỡ và điểm trục
 - Tháo bảng tiếp cận phía sau cột lái và làm sạch từ trong ra ngoài
 - Bên dưới tấm ghế và phía trên cùng của bộ phận truyền động
2. Kiểm tra và điều chỉnh áp suất khí trong lốp xe; tham khảo [Kiểm tra Áp suất Khí trong Lốp xe \(trang 24\)](#)
 3. Tháo, mài sắc và cân bằng lưỡi dao của máy cắt cỏ; tham khảo [Hướng dẫn Vận hành](#) mâm cắt máy cắt cỏ của bạn.
 4. Kiểm tra các chốt hãm có bị lỏng không và siết chặt khi cần thiết.
 5. Bôi trơn tất cả các núm tra mỡ và tra dầu vào các điểm trục và các chốt của van rẽ nhánh bộ phận truyền động. Lau sạch bất kỳ chất bôi trơn dư thừa nào.
 6. Đánh nhám nhẹ và đánh lại sơn trên lớp sơn bị trầy xước, bị chẻ hoặc rỉ sét. Sửa chữa mọi vết lõm trên thân kim loại.

Chuẩn bị Động cơ

1. Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu; tham khảo [Thay Dầu Động cơ và Bộ lọc \(trang 56\)](#).
2. Khởi động động cơ và chạy ở tốc độ chạy rỗi trong 2 phút.
3. Tắt động cơ.
4. Đổ hết nhiên liệu ra khỏi bình nhiên liệu, đường dẫn nhiên liệu, bơm, bộ lọc và bình tách.
5. Dội sạch bình nhiên liệu bằng nhiên liệu diesel sạch và kết nối tất cả các đường dẫn nhiên liệu.
6. Làm sạch kỹ lưỡng và bảo dưỡng cụm bộ lọc khí; tham khảo [Bảo dưỡng Lõi lọc Bộ lọc Khí \(trang 54\)](#).
7. Bịt kín cửa nạp bộ lọc khí và cửa xả bằng băng dính che chống chịu được thời tiết.
8. Siết chặt tất cả các mối nối của hệ thống nhiên liệu.
9. Kiểm tra mức độ ngăn ngừa chất chống đông của hệ thống làm mát và điều chỉnh nồng độ của chất làm mát khi cần thiết để đạt được nhiệt độ dự kiến lạnh nhất trong khu vực của bạn.
10. Kiểm tra nắp bình nạp dầu và nắp bình nhiên liệu để đảm bảo chúng ở vị trí chắc chắn.

Xử lý sự cố

Sự cố	Nguyên nhân Có thể	Hành động Khắc phục
Công tắc chìa khóa ở vị trí BẬT, nhưng đèn chỉ báo bảng điều khiển không bật.	1. Không có dòng điện từ ắc quy. 2. Chất điện phân của ắc quy ở mức thấp. 3. Ắc quy không được sạc. 4. Cầu chì ở tình trạng xấu.	1. Kiểm tra kết nối của dây. 2. Kiểm tra mức chất điện phân của ắc quy. 3. Sạc ắc quy. 4. Thay cầu chì.
Đèn chỉ báo bảng điều khiển bật lên khi công tắc chìa khóa ở vị trí BẬT, nhưng mô-tơ khởi động không quay.	1. Không có đủ dòng điện đến từ ắc quy. 2. Bàn đạp kéo không ở vị trí SÓ MO. 3. Bạn không ngồi trên ghế của người vận hành. 4. Hệ dẫn động PTO được bật.	1. Sạc ắc quy. 2. Di chuyển bàn đạp kéo đến vị trí SÓ MO. 3. Ngồi xuống ghế của người vận hành. 4. Tắt PTO.
Động cơ chỉ khởi động ngắt quãng hoặc động cơ chạy không đều.	1. Bộ lọc khí ở tình trạng xấu. 2. Có cặn hoặc bụi bẩn trong nhiên liệu.	1. Làm sạch hoặc thay bộ lọc khí. 2. Kiểm tra và thay bộ lọc nhiên liệu, nếu cần thiết.
Mô-tơ khởi động quay, nhưng động cơ không khởi động.	1. Nhiên liệu không chảy qua hệ thống. 2. Nhiên liệu không chảy qua hệ thống. 3. Nhiên liệu không chảy qua hệ thống. 4. Bugi đốt nóng không đủ nóng khi động cơ nguội. 5. Bugi đốt nóng không đủ nóng khi động cơ nguội.	1. Kiểm tra mức nhiên liệu của bình. 2. Kiểm tra và thay bộ lọc nhiên liệu, nếu cần thiết. 3. Đảm bảo lỗ thông hơi trên nắp bình nhiên liệu không bị tắc. 4. Chờ đèn cảnh báo bugi đốt nóng chuyển sang vị trí TAT. 5. Tắt động cơ và xoay chìa khóa về vị trí BẬT/LÀM NÓNG SƠ BỘ để thực hiện chu trình đốt nóng thứ hai.
Động cơ tắt trong khi PTO vẫn đang bật.	1. PTO bị trục trặc. 2. Người vận hành rời khỏi ghế. 3. PTO bị trục trặc. 4. Phanh đỗ được bật và bàn đạp kéo được nhấn xuống.	1. Kiểm tra chức năng của công tắc PTO. 2. Ngồi xuống ghế của người vận hành. 3. Đóng và hạ thùng chứa. 4. Tắt phanh tayphanh đỗ.
Vết cắt không đồng đều và hệ thống thu gom không đầy đủ.	1. Mâm cắt máy cắt cỏ không song song với mặt đất. 2. Mâm cắt máy cắt cỏ không song song với mặt đất. 3. Hiệu suất của lưỡi dao kém. 4. Hiệu suất của lưỡi dao kém. 5. Hiệu suất của lưỡi dao kém. 6. Tốc độ của bạn quá nhanh so với chiều cao và tình trạng của cỏ. 7. Máng bị tắc. 8. Máng bị tắc. 9. Máng bị tắc.	1. Đảm bảo lốp xe được bơm căng phù hợp. 2. Điều chỉnh mâm cắt máy cắt cỏ để đảm bảo dao cắt song song với mặt đất. 3. Đảm bảo các lưỡi dao được gắn lắp chính xác. 4. Mài hoặc thay lưỡi dao. 5. Điều chỉnh độ căng của dây đai PTO. 6. Giảm tốc độ di chuyển. 7. Làm sạch máng. 8. Đảm bảo tốc độ động cơ tối đa là 3000 rpm. 9. Làm sạch màn cùm hứng cỏ.
Máy bị rung khi hoạt động.	1. Các lưỡi dao không thẳng bằng. 2. Bu lông bị lỏng.	1. Cân bằng lưỡi dao hoặc thay lưỡi dao nếu bị hỏng. 2. Siết chặt các bu lông lưỡi dao, bu lông động cơ và vít khung nếu bị lỏng.

Sự cố	Nguyên nhân Có thể	Hành động Khắc phục
Đèn cảnh báo dầu động cơ phát sáng.	1. Áp suất dầu động cơ không đủ. 2. Áp suất dầu động cơ không đủ.	1. Kiểm tra mức dầu động cơ và đổ đầy nếu cần. 2. Thay dầu động cơ và bộ lọc dầu động cơ.
Mâm cắt máy cắt cỏ không chạy khi công tắc PTO được bật.	1. Người vận hành không ngồi trên ghế. 2. Thùng chứa không ở vị trí hạ hoàn toàn.	1. Ngồi vào ghế của người vận hành. 2. Hạ thùng chứa xuống hoàn toàn.

Thông tin Cảnh báo của Dự luật California 65

Cảnh báo này là gì?

Bạn có thể thấy một sản phẩm được bán có nhãn cảnh báo như sau:



CẢNH BÁO: Ung thư và Tác hại đến Hệ sinh sản – www.p65Warnings.ca.gov.

Dự luật 65 là gì?

Dự luật 65 áp dụng cho bất kỳ công ty nào hoạt động ở California, bán sản phẩm ở California, hoặc sản xuất các sản phẩm có thể được bán hoặc đưa vào California. Dự luật yêu cầu Thống đốc California duy trì và xuất bản danh sách hóa chất được biết là gây ung thư, dị tật bẩm sinh và/hoặc các tác hại đến hệ sinh sản khác. Danh sách được cập nhật hàng năm và bao gồm hàng trăm loại hóa chất được tìm thấy trong nhiều vật dụng hàng ngày. Mục đích của Dự luật 65 là thông báo cho công chúng về việc phơi nhiễm với những hóa chất này.

Dự luật 65 không cấm bán các sản phẩm có chứa những hóa chất này nhưng thay vào đó, yêu cầu phải có cảnh báo trên bất kỳ sản phẩm, bao bì sản phẩm hoặc tài liệu nào có sản phẩm. Hơn nữa, cảnh báo theo Dự luật 65 không có nghĩa là sản phẩm vi phạm bất kỳ tiêu chuẩn hoặc yêu cầu về an toàn sản phẩm nào. Trên thực tế, chính quyền California đã làm rõ rằng cảnh báo theo Dự luật 65 “không giống như quyết định quy định rằng sản phẩm là “an toàn” hoặc “không an toàn.”” Nhiều hóa chất trong số này đã được sử dụng trong các sản phẩm hàng ngày trong nhiều năm mà không ghi nhận tác hại nào. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <https://oag.ca.gov/prop65/faqs-view-all>.

Cảnh báo theo Dự luật 65 có nghĩa là công ty đã (1) đánh giá mức độ phơi nhiễm và kết luận rằng nó vượt quá “mức rủi ro không đáng kể”; hoặc (2) chọn đưa ra cảnh báo dựa trên hiểu biết của mình về sự hiện diện của một loại hóa chất được liệt kê mà không cố gắng đánh giá mức độ phơi nhiễm.

Luật này có áp dụng ở mọi nơi không?

Cảnh báo theo Dự luật 65 chỉ được yêu cầu theo luật của California. Những cảnh báo này được nhìn thấy ở khắp California trong nhiều môi trường khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn ở các nhà hàng, cửa hàng tạp hóa, khách sạn, trường học và bệnh viện và trên nhiều loại sản phẩm. Ngoài ra, một số nhà bán lẻ đặt hàng trực tuyến và qua thư đưa ra các cảnh báo theo Dự luật 65 trên trang web hoặc trong danh mục của họ.

Cảnh báo của California so với giới hạn của liên bang như thế nào?

Các tiêu chuẩn của Dự luật 65 thường nghiêm ngặt hơn các tiêu chuẩn của liên bang và quốc tế. Có nhiều chất khác nhau yêu cầu phải có cảnh báo theo Dự luật 65 ở mức thấp hơn nhiều so với giới hạn hành động của liên bang. Ví dụ: tiêu chuẩn của Dự luật 65 đối với cảnh báo về chì là 0,5 µg/ngày, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn liên bang và quốc tế.

Tại sao tất cả các sản phẩm tương tự không có cảnh báo?

- Các sản phẩm được bán ở California yêu cầu phải ghi nhãn theo Dự luật 65 trong khi các sản phẩm tương tự được bán ở những nơi khác thì không.
- Công ty liên quan đến vụ kiện theo Dự luật 65 nhằm đạt được cách giải quyết có thể được yêu cầu sử dụng cảnh báo theo Dự luật 65 cho các sản phẩm của mình, nhưng các công ty khác sản xuất các sản phẩm tương tự có thể không có yêu cầu đó.
- Việc thực thi Dự luật 65 không nhất quán.
- Các công ty có thể chọn không đưa ra cảnh báo vì họ kết luận rằng họ không bắt buộc phải thực hiện theo Dự luật 65; thiếu cảnh báo về sản phẩm không có nghĩa là sản phẩm đó không có các hóa chất được liệt kê ở các mức độ tương tự.

Tại sao Toro lại đưa cảnh báo này vào?

Toro đã chọn cung cấp cho người tiêu dùng càng nhiều thông tin càng tốt để họ có thể đưa ra quyết định sáng suốt về sản phẩm họ mua và sử dụng. Toro đưa ra cảnh báo trong một số trường hợp nhất định dựa trên kiến thức của mình về sự hiện diện của một hoặc nhiều hóa chất được liệt kê mà không đánh giá mức độ phơi nhiễm, vì không phải tất cả các hóa chất được liệt kê đều cung cấp các yêu cầu về giới hạn phơi nhiễm. Mặc dù mức độ phơi nhiễm của các sản phẩm của Toro có thể không đáng kể hoặc nằm trong phạm vi “rủi ro không đáng kể”, Toro đã hết sức thận trọng khi chọn đưa ra các cảnh báo theo Dự luật 65. Hơn nữa, nếu Toro không đưa ra những cảnh báo này, Toro có thể bị Tiểu bang California hoặc các bên tư nhân đang tìm cách thực thi Dự luật 65 kiện nên phải chịu các hình phạt đáng kể.



Count on it.